

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

BÁO CÁO

**TỔNG KẾT CÔNG TÁC BINH VẬN
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)**

959.70453

B 108

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI



BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC BÌNH VẬN
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN
CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)



Kính Biếu



LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta do Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã kết thúc thắng lợi, là một trang sử vàng chói lọi của dân tộc ta. Trong cuộc kháng chiến vĩ đại ấy, khắp nơi trên đất nước ta, từ miền Bắc đã tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội đến miền Nam còn tạm thời bị địch kìm kẹp, từ miền núi đến đồng bằng, đô thị, từ Kinh đến Thượng, từ công nhân, nông dân đến tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên, các tôn giáo, từ già đến trẻ... với những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau đã góp phần mình vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ "Không có gì quý hơn độc lập tự do".

Dân tộc Việt Nam ta là một dân tộc yêu chuộng hòa bình, trọng nhân nghĩa và có lòng độ lượng, khoan dung. Với truyền thống yêu nước, đoàn kết, ý chí kiên cường bất khuất, dân tộc ta qua nhiều thế kỷ đã đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững non sông đất nước.

Trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, cha ông ta đã thể hiện rõ nét tư tưởng nhân đạo

"lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo", "đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại". Truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, độ lượng ấy đã được Hồ Chủ tịch và Đảng ta phát huy cao độ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Nếu như các thế lực thù địch theo đuổi mục tiêu xâm lược, nô dịch nhân dân ta bằng biện pháp quân sự và không từ bỏ một thủ đoạn dã man nào trong việc đàn áp, khủng bố đồng bào ta, thì trái lại hai mũi đấu tranh chính trị, binh vận của Đảng ta đề ra đã thể hiện tính nhân đạo, cao cả biết chừng nào.

Trong giai đoạn chống đế quốc Mỹ xâm lược nước ta, trong nhiều thư gửi cho nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng nhân dân Việt Nam không bao giờ nhằm lẫn những người dân Mỹ lương thiện, yêu chuộng hòa bình với các thế lực cầm quyền phản động ở Mỹ.

Việc đề ra mũi tấn công binh địch vận thể hiện lòng nhân đạo và sự tin tưởng của Đảng và nhân dân ta vào khả năng hồi cải, phục thiện của con người. Đối với những người Việt Nam bị bọn đế quốc xâm lược và bọn tay sai đầu sỏ lợi dụng mua chuộc, bắt ép phải làm tay sai cho chúng để chống lại Tổ quốc và đồng bào của mình, công tác binh vận có tác động rất lớn trong việc khơi dậy ý thức dân tộc, tình cảm đồng bào, quê hương, người thân ruột thịt, giúp họ nhận ra

đâu là chính nghĩa, xác định rõ kẻ xâm lược và người bị xâm lược, từ đó chỉ ra con đường thích hợp với hoàn cảnh của mỗi người để họ có thể tham gia cùng với nhân dân chống đế quốc Mỹ và bọn tay sai bán nước.

Cùng với hai mũi vũ trang và đấu tranh chính trị, mũi tấn công binh vận đã góp phần to lớn trong việc đánh bại kẻ thù. Đây là mũi tấn công đặc biệt, nổ ra từ trong lòng địch làm cho chúng khó lường, khó đỡ. Do vậy, trong nhiều trường hợp địch phải kêu lên "Ăn cơm quốc gia mà làm ma cho cộng sản".

Đối với binh lính viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu, công tác địch vận đã làm cho họ ngày càng sáng tỏ về cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta và thấy được tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà chính quyền nước họ gây ra, dẫn đến sự đồng tình và ủng hộ ngày càng lớn đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của đồng bào ta. Năm 1971, một lính Mỹ ở đồn Núi Đất thuộc xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh đã xuống ăn tết với đồng bào ta và nói rằng nhân dân ta rất tốt, rất nhân đạo, người lính này rất muốn được nghe những bài hát về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sự nhận thức đúng đắn đó đã dẫn đến nhiều vụ phản chiến, không chịu đi càn quét, đòi trở về nước của nhiều binh sỹ Mỹ và chư hầu. Nhiều người đã mạnh dạn đứng về

phía nhân dân ta chống lại cuộc chiến tranh phi nghĩa của chính quyền nước họ. Do vậy, nhân dân ta càng đánh càng phát huy được chính nghĩa, càng đánh càng mạnh và giành được thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện Thông tri số 12/TT-TW ngày 02-01-1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về việc tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam nhằm làm rõ sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác binh vận và qua đó đánh giá đúng sự đóng góp của công tác binh vận vào thắng lợi chung, đồng thời rút ra những bài học thiết thực về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện để vận dụng vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, bổ sung đường lối đấu tranh sáng tạo vào kho tàng nghệ thuật quân sự Việt Nam, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tiến hành chỉ đạo việc biên soạn đề cương tổng kết, tổ chức Hội nghị góp ý và thông qua đề cương. Ngày 15-4-1997 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Thông báo số 60/TB-TU về việc thành lập Ban biên tập tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở tỉnh ta do đồng chí Hoàng Trường, nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm chủ biên. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao trách nhiệm cho đồng chí Phạm Sy, ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ này.

Với tinh thần làm việc khẩn trương, tích cực và được sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo tỉnh thời kỳ 1954 - 1975, của các đồng chí từng tham gia chỉ đạo và trực tiếp làm công tác binh vận trước đây, cùng với sự cộng tác, giúp đỡ của Ban Tổng kết binh vận Quân khu V và một số tỉnh bạn, đến nay qua nhiều lần tọa đàm, trao đổi, góp ý kiến, bản báo cáo tổng kết công tác binh vận tỉnh nhà đã hoàn thành. Tỉnh ủy Quảng Ngãi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ nhiệt tình, có trách nhiệm cao của tất cả các đồng chí, đồng bào trong và ngoài tỉnh.

Mặc dù đã hết sức cố gắng nhưng do nhiều khó khăn như việc thất lạc tài liệu, nhiều đồng chí, cơ sở trực tiếp tham gia mũi đấu tranh này đã qua đời và nhất là trình độ, khả năng biên soạn có hạn nên bản tổng kết chắc chắn còn nhiều thiếu sót. Tỉnh ủy mong sự tiếp tục giúp đỡ, tham gia ý kiến của tất cả các đồng chí, đồng bào để lần tái bản sau bản tổng kết được hoàn thiện và đầy đủ hơn.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH QUẢNG NGÃI KHI BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tỉnh Quảng Ngãi có những thuận lợi và khó khăn sau đây:

1. Thuận lợi:

a- Quảng Ngãi vốn là một tỉnh tự do suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, là một trong những tỉnh hậu phương trực tiếp của chiến trường Liên khu V và Tây Nguyên, đã cung cấp nhiều nhân tài, vật lực cho tiền tuyến. Quảng Ngãi là nơi đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, bộ đội, nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh. Nơi đây đã có các trường Lục quân Liên khu V, trường Trung học bình dân Nam Trung bộ, trường Trung học Lê Khiết. Đây là nơi đặt Đài Tiếng nói Nam bộ kháng chiến, xưởng Quân giới Liên khu V, cơ quan Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung bộ...

Trong kháng chiến chống Pháp, Đảng và chính quyền cách mạng gắn bó với nhân dân, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân. Các phong

trào thả đua sản xuất, tiết kiệm, tự túc, tự lực cánh sinh, bài trừ hàng ngoại được nhân dân thực hiện rất tốt. Nhiều ngành nghề thủ công phát triển, đảm bảo hàng tiêu dùng. Đời sống nhân dân được cải thiện và đồng bào đóng góp ngày càng nhiều cho cuộc kháng chiến.

Chính quyền nhân dân đã đầu tư và huy động sức dân xây dựng nhiều công trình thủy lợi như đập Cà Ninh ở Bình Sơn, kênh Sơn Tịnh, kênh Tư Nghĩa, kênh Bàu Súng ở Mộ Đức... đưa nước tưới cho hàng vạn héc ta. Phong trào bình dân học vụ phát triển sâu rộng, nhiều xã đã xóa xong nạn mù chữ. Trường lớp phổ thông cấp I có đều khắp ở các xã, trường cấp II có ở các huyện đồng bằng, trường Trung học Lê Khiết trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho học sinh cả tỉnh và cả Liên khu V về học, phong trào văn hóa văn nghệ phát triển rộng khắp. Tỉnh, huyện có đội văn công thường xuyên lưu diễn để phục vụ nhân dân trong tỉnh, đã đem lại đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh; trật tự an ninh xã hội được giữ vững, các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, cờ bạc, rượu chè bê tha hầu như không còn. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn dưa hai đầu, diệt ruồi, diệt chuột trở thành nếp nếp trong nhân dân, nhất là trong thiếu nhi, học sinh. Do vậy nhận thức về Đảng, về chế độ mới ở người dân Quảng Ngãi khá sâu sắc và cụ thể trước khi cán bộ, bộ đội của ta tập kết ra Bắc và đối phương đến tiếp quản.

b- Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có vị trí chiến lược rất quan trọng đối với Liên khu V và cả nước. Quảng Ngãi

nằm giữa miền trung, nơi đây có đường quốc lộ số 1 và đường sắt xuyên suốt Bắc Nam theo chiều dài của tỉnh. Ở phía đông có bờ biển dài hơn 120km, thông ra biển Đông và đi khắp mọi nơi. Phía tây có vùng rừng núi rộng lớn, chiếm gần 3/4 diện tích của tỉnh, tiếp giáp với dãy Trường Sơn, tỉnh Kon Tum và miền tây của Quảng Nam, Bình Định, thuận lợi cho việc liên lạc và xây dựng căn cứ địa cách mạng, bảo vệ, giữ gìn và phát triển lực lượng. Như vậy địa hình Quảng Ngãi tạo thế chiến lược của 3 vùng và mối liên kết với các tỉnh bạn trên chiến trường khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

c- Đảng bộ Quảng Ngãi là một trong những Đảng bộ ra đời rất sớm (vào mùa xuân năm 1930), là Đảng bộ được tôi luyện trong các cao trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939, 1939 - 1945. Đặc biệt, Đảng bộ đã lãnh đạo thành công cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11-3-1945, xây dựng Đội du kích cứu quốc Ba Tơ, là tiền thân của lực lượng vũ trang Liên khu V và đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tiến hành cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945 thành công khá sớm so với nhiều tỉnh trong cả nước (14-8-1945). Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ vững vùng đất tự do, không cho địch lấn chiếm. Nhờ đó tổ chức Đảng phát triển mạnh mẽ đến tận xã, thôn, trường học và các cơ quan, đơn vị. Các đoàn thể cứu quốc như Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, nông dân, công đoàn,

thân hào, nhân sĩ... thu hút rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia. Do vậy mà ảnh hưởng của Đảng, của cách mạng đã ăn sâu trong quần chúng. Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Đảng đã sắp xếp tổ chức, bố trí cá nhân ở lại hoạt động để lãnh đạo cách mạng, cho nên dù có khó khăn, đất nước bị chia cắt nhưng nhân dân Quảng Ngãi vẫn một lòng, một dạ tin tưởng vào sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, của Bác Hồ kính yêu, luôn đoàn kết vượt qua mọi khó khăn thử thách để thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng.

d- Một thuận lợi rất lớn trong công tác binh vận của Quảng Ngãi là hầu hết binh lính, nhân viên ngũ quyền, nhất là cấp xã, thôn là con em nhân dân lao động và trước đây đều ít nhiều có tham gia kháng chiến chống Pháp. Một số đã từng đi bộ đội, đi thanh niên xung phong trở về. Một số đã làm cán bộ xã, thôn, cán bộ các hội, đoàn thể. Nhiều người có cha mẹ, anh, chị và người thân tập kết ra Bắc hoặc bị địch khủng bố, truy bắt... Với tình cảm ruột thịt và quan hệ đã có trước đây, nhiều người ở lại vẫn tin tưởng sẽ có ngày gặp lại người thân, cách mạng sẽ trở về. Do vậy, nếu ta thực hiện tốt việc kiên trì vận động, thuyết phục kết hợp với vũ trang diệt những tên ác ôn ngoan cố kìm kẹp đồng bào thì có thể vận động và tổ chức được nhiều binh sỹ, nhân viên chính quyền Sài Gòn tham gia vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, hạn chế những hành động gây tội ác...

d- Tuy nằm ở vùng tự do nhưng tỉnh Quảng Ngãi có kinh nghiệm làm công tác binh vận. Trong vụ Sơn Hà 1950 - 1952, thực dân Pháp và tay sai lợi dụng những thiếu sót của ta trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Sơn Hà, đã lôi kéo, kích động một số đồng bào theo bọn "Xí Xềng" giết hại nhiều đồng chí và đồng bào ta (có cả cán bộ và đồng bào dân tộc).

Đảng bộ đã quan tâm lãnh đạo công tác chính trị, binh dịch vận, tuyên truyền, giác ngộ trong nhân dân, vạch rõ tội ác và âm mưu thâm độc của thực dân Pháp và bọn tay sai. Ta đã giáo dục, vận động những gia đình có người theo địch, để họ đi lôi kéo chồng, con, người thân trở về. Lúc này trong công tác binh vận đã có bài ca lâu:

"Điều gì mà anh theo giặc,

Chết không có hòm

Con kiến tha, con quạ lôi

Anh bỏ vợ bỏ con,

Bỏ ruộng không ai cày

Bỏ nhà đốt, cột xiêu

Không ai che, không ai lợp

Anh ơi

Tội tình gì mà đi làm giặc cho Tây" (1)

Bài hát này lúc ấy rất có tác dụng. Cùng với công tác vận động kêu gọi, ta vừa trừng trị bọn ngoan cố. Kết

(1) Đồng chí Đinh Thị Diệp đọc cho ghi lại bài này.

quả, ta đã vận động số đông lính H're di theo Xí Xềng trở về với nhân dân, phá rã toàn bộ Goum (ổ vũ trang của địch) ở Sơn Hà và tây Ba Tơ, ổn định được tình hình an ninh trật tự ở Sơn Hà, Ba Tơ. Đây là bài học kinh nghiệm quý báu để vận dụng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

e- Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định, sau 300 ngày kể từ khi ngừng bắn, quân đội ta rút khỏi Quảng Ngãi, chuyển vào Quy Nhơn xuống tàu ra Bắc. Ở tỉnh ta thời gian tập kết và bàn giao cho đối phương được chia làm 3 đợt:

- Đợt 80 ngày gồm các huyện ở phía bắc của sông Trà Khúc (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Sơn Hà và Trà Bồng).

- Đợt 100 ngày gồm các huyện từ nam sông Trà Khúc đến bắc sông Vệ (Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Minh Long và thị xã Quảng Ngãi).

- Đợt 300 ngày gồm các huyện từ nam Sông Vệ trở vào đến giáp tỉnh Bình Định (Mộ Đức, Đức Phổ và Ba Tơ).

Thời gian hết hạn tập kết là ngày 16-5-1955, quyền quản lý hành chính trong tỉnh tạm thời giao cho đối phương kiểm soát.

Thực hiện chủ trương chuyển hướng của Liên Khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi được tổ chức gọn lại. Đồng chí Phạm Xuân Hòa được chỉ định làm quyền Bí thư. Ngày 25-10-1954, Tỉnh ủy đã có cuộc họp đầu tiên tại thôn Cây Bứa, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa. Tại

cuộc họp này có đồng chí Trương Quang Giao, Bí thư Liên Khu ủy V về dự và chỉ đạo. Hội nghị Tỉnh ủy đã đề ra hai nhiệm vụ:

- Một là lãnh đạo tổ chức thực hiện thật tốt nhiệm vụ chuyển quân tập kết ra Bắc đúng thời hạn.

- Hai là lãnh đạo về tư tưởng, tổ chức để chuyển sang đấu tranh chính trị, đòi địch phải nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ nhằm giữ gìn lực lượng, đưa phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển phù hợp với tình hình mới.

Hội nghị phân công một số đồng chí Tỉnh ủy viên ở lại, chuyển vùng và phụ trách các địa bàn.

Để phù hợp với tình hình mới, Tỉnh ủy đã thành lập Ban chuyển hướng do đồng chí Phạm Xuân Hòa phụ trách.

Tại hội nghị này, Tỉnh ủy đã chủ trương phân loại cán bộ đảng viên ở lại làm 3 loại để hoạt động phù hợp với tình hình mới:

- Loại bất hợp pháp (bí mật, không công khai) là các đồng chí Tỉnh ủy viên, Huyện ủy viên và một số các đồng chí cán bộ xã.

- Loại nửa hợp pháp (dân biết, nhưng tránh tiếp xúc với địch).

- Loại hợp pháp gồm một số cán bộ, đảng viên hoạt động hợp pháp trong kinh doanh vận tải, đại lý sách báo, thư quán, buôn bán thuốc tây, nhà hàng...

Ba loại cán bộ này hoạt động dưới nhiều hình thức: Giải ngũ, chuyển vùng làm ăn, bí mật đi nơi khác hoặc sống hợp pháp làm các nghề...

Các hội, đoàn thể được thành lập trong kháng chiến chống Pháp cũng được tổ chức lại với nhiều hình thức "biến tướng" như Hội vận đối công, Hội săn bắn, Đội tuần sương, Hội trợ táng... để tập hợp quần chúng đấu tranh với địch đòi được yên ổn làm ăn, đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, chống đàn áp, khủng bố những người tham gia kháng chiến, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ. Nhờ Tỉnh ủy sớm có chủ trương, kế hoạch chỉ đạo nên đến cuối năm 1954 đầu năm 1955 các tổ chức Đảng, Hội đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã nhanh chóng được sắp xếp lại với tổ chức gọn, nhẹ, bám được dân ở các địa bàn để lãnh đạo và hướng dẫn quần chúng.

2. Khó khăn: Bên cạnh những thuận lợi cơ bản đã nêu ở trên, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Quảng Ngãi cũng gặp không ít khó khăn, đó là:

a- Từ một vùng đất tự do, có Đảng lãnh đạo, có chính quyền nhân dân quản lý, được sống trong không khí tự do, dân chủ, hoạt động công khai... nay chính quyền, quân đội chuyển đi, Đảng và các đoàn thể phải chuyển vào hoạt động bí mật. Kẻ địch được quyền quản lý, điều hành xã hội theo hiệp định, ta phải chuyển sang hoạt động bí mật. Đây là chỗ khó vì ta chưa có kinh nghiệm

về đấu tranh chính trị để đòi thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, hiệp thương, tổng tuyển cử...

b- Kẻ thù mới là đế quốc Mỹ, tên trùm của chủ nghĩa đế quốc, giàu tiềm lực, tàn bạo và có nhiều thủ đoạn chính trị thâm độc. Chúng dựng lên chiêu bài "Độc lập", "Quốc gia", "Chính nghĩa" để lừa mị, lôi kéo những người mơ hồ hoặc bị mua chuộc mà đấu hàng làm tay sai cho chúng. Chúng còn "bôi lấm" các gia đình có người thân đi tập kết, đi kháng chiến để chia rẽ, đánh phá, làm mất niềm tin vào Đảng và cách mạng.

c- Quảng Ngãi là một tỉnh mà nhân dân có truyền thống yêu nước và cách mạng kiên cường nên Mỹ và chính quyền tay sai coi dân Quảng Ngãi là loại "cứng đầu", là một tỉnh mất an ninh nhất ở miền Nam. Do vậy địch thường lấy tỉnh Quảng Ngãi làm nơi thí điểm về "lố cộng", xây dựng "ngũ gia liên bảo", "áp chiến lược", lấy Quảng Ngãi làm nơi thí điểm về thẩm sát để gây khủng khiếp như chúng đã từng gây ra các vụ thẩm sát trên 400 đồng bào ở xã Bình Hòa của huyện Bình Sơn (do lính đánh thuê thuộc Lữ đoàn Rừng Xanh của Nam Triều Tiên gây ra tháng 12-66), đặc biệt là vụ thẩm sát tại Mỹ Lai, Sơn Mỹ của lính Mỹ thuộc Sư đoàn Không vận số 1 gây ra đã giết chết 504 đồng bào mà hầu hết là phụ nữ, trẻ em và người già vào ngày 16-3-1968. Ở khắp các địa phương trong tỉnh đều có những đau thương mất mát không sao kể xiết.

Chính vì vậy mà Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi phải chịu nhiều tổn thất đau thương. Nhưng cũng từ trong đau khổ, căm thù, quân và dân Quảng Ngãi đã chiến đấu ngoan cường, lập nhiều chiến công vang dội, từ khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đến chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường, từ xuân Mậu Thân 1968 đến cuộc Tổng tấn công nổi dậy giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà vào ngày 24-3-1975, góp phần cùng cả nước giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam ngày 30-4-1975, thống nhất đất nước.

PHẦN THỨ HAI

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN VÀ HOẠT ĐỘNG BINH VẬN QUA CÁC THỜI KỲ

A- THỜI KỲ SAU KHI KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH GIƠ-NE-VƠ ĐẾN KHỞI NGHĨA TRÀ BỒNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI (20-7-1954 - 1959)

I- ÂM MƯU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH

Khi mới vào tiếp quản miền Nam, trong thời kỳ đầu, (từ sau 20-7-1954 đến 20-7-1956) để thay chân Pháp, độc chiếm miền Nam, đế quốc Mỹ tập trung vào những việc sau đây:

1- Ra sức xây dựng, củng cố chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, từ Trung ương đến tỉnh, huyện và cơ sở.

2- Loại bỏ các thế lực thân Pháp, nhất là các tướng lĩnh như Tổng tham mưu trưởng Nguyễn Văn Hinh và một loạt các tướng tá khác. Tiếp đến, Mỹ - Diệm dùng bạo lực quân sự để tiêu diệt các lực lượng chống đối như

thuần, đánh giết lẫn nhau. Bọn địch không có cơ sở để đàn áp nhân dân. Tiếp sau đó, ngày 22 và ngày 24-11-1954 địch lại cho một đại đội từ quận ly Bình Sơn kéo xuống xã Bình Dương để khủng bố nhân dân. Nhờ có sự lãnh đạo khéo léo của cơ sở Đảng ở đây nên nhân dân đã đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các cuộc đàn áp của địch, bảo vệ được cán bộ và cơ sở của ta.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm bắt đầu mở các chiến dịch quy mô đánh phá phong trào cách mạng ở Liên khu V. Chúng mở các chiến dịch Phan Chu Trinh, chiến dịch "Giải phóng" (4-1955) đánh vào vùng tự do của Liên khu V. Các chiến dịch này kéo dài từ đầu năm 1955 đến giữa năm 1956, trước khi đến thời hạn Hiệp thương tổng tuyển cử.

Ở Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm không từ bỏ một thủ đoạn nào, từ việc bắt công khai đến lén lút, tra tấn, thủ tiêu những cán bộ, đảng viên còn ở lại. Chúng tập hợp nhân dân rồi bắt tra tấn cán bộ, đảng viên, buộc họ phải đứng lên tuyên bố "ly khai Đảng", cưỡng bức quần chúng xé cờ Đảng, vẽ hình những người cộng sản gậy còm, 7 người đứng trên tàu đu đủ không gậy, hoặc vẽ người cộng sản tay cầm dao, miệng đầy máu... Những năm 1957, 1958 chúng đã bắt tra tấn hàng chục ngàn cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chúng đã giết hại nhiều đảng viên. Có trường hợp chúng mổ bụng lấy tim gan uống rượu, hoặc kéo xác, bêu đầu ở ngõ quận. Nhà tù, trại giam mọc lên khắp nơi. Chúng cưỡng bức những gia đình có người thân đi tập kết hoặc đi thoát ly kháng chiến phải rời bỏ quê

đi đến các khu dinh điền để chúng cách ly và khống chế. Chúng buộc con phải tố cáo cha, mẹ, vợ phải ly dị chồng đi tập kết hồng tạo ra tâm lý lo âu, nghi kỵ, không biết còn tin vào ai để chúng làm tan rã khối đoàn kết trong nhân dân, làm mất ý chí đấu tranh của quần chúng. Chúng thực hiện “tát nước bắt cá” đánh bật Đảng ra khỏi quần chúng để tiêu diệt Đảng.

Ở miền núi, chúng tìm cách chia rẽ đồng bào, gây hận thù dân tộc, kích động và lôi kéo, tập hợp bọn Xí Xềng, phiến loạn trước đây. Chúng đưa Đinh Ngô về và tập hợp tiểu đoàn lính Nùng do Pháp đưa từ miền Bắc vào để lập quân đội người Thượng chống phá cách mạng. Chúng dùng thủ đoạn vừa khủng bố, vừa mua chuộc để lôi kéo một số người dao động, bất mãn hoặc những người có uy tín trong đồng bào dân tộc. Ở Sơn Hà, Ba Tơ, do ta chủ động, tranh thủ gặp một số người mà ta dự đoán khi dịch đến, có thể lôi kéo, lợi dụng để đưa vào làm việc trong bộ máy của chúng như các ông Đinh Hoài Ân, Đinh Dạch, Đinh Hót ở Sơn Hà; Chánh Liêu ở Ba Tơ..., cho nên khi dịch đến đặt vấn đề thì những người này từ chối không chịu ra làm việc cho chúng. Ở quận lỵ Sơn Hà và một vài xã lân cận, bọn Đinh Ngô và tay sai của chúng hết sức tàn ác. Tháng 9-1955 chúng đã lùng bắt và bắn chết một lúc 22 cán bộ của ta, trong số này có đồng chí Đinh Chiêu, Huyện ủy viên, Bí thư xã Sơn Nham, là một đồng chí trung kiên, bất khuất. Ở làng Linh Ngo, xã Ba Chùa, huyện Ba Tơ chúng bắt ông già Khênh (tức Phạm Văn Rúi) đem về quận tra tấn, đánh đập dã man, nhưng ông không khai một lời, chúng

đem thả ông xuống hầm rồi chôn sống. Trong vụ khủng bố ở 2 xã Trà Thủy và Trà Sơn của huyện Trà Bồng, chúng đã đưa đi thủ tiêu nhiều người. Nhân dân các huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi đã sớm thấy bộ mặt gian ác của Mỹ - Diệm và mong muốn Đảng cho được đánh.

Ở các huyện đồng bằng và thị xã Quảng Ngãi sau khi xây dựng được bộ máy ở tỉnh và huyện, địch đã bố trí mạng lưới tình báo, chỉ điểm, ngày đêm rình mò, bắt bố cơ sở, đảng viên ta. Chúng tổ chức lực lượng cảnh sát ở huyện và hương vệ đoàn để hỗ trợ cho việc lập bộ máy cai trị ở xã, ấp. Bọn này theo dõi nắm tình hình, bắt cóc cán bộ, lũng súc vào các cơ sở mà ta có liên hệ để tổ chức hội họp... Từ giữa năm 1956 đến năm 1959, ở Quảng Ngãi nhà tù mọc lên như nấm, thôn, xã nào cũng có trại giam chật ních những người kháng chiến cũ và đồng bào có liên quan đến những người đi tập kết hoặc thoát ly. Ở thôn An Diêm, xã Bình Chương của huyện Bình Sơn chỉ có gần 1.000 dân mà đã có tới 5 nhà giam.

Trong bối cảnh dưới sự đàn áp khủng bố dã man của Mỹ - Diệm, thời kỳ 1954 - 1959 phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi gặp rất nhiều khó khăn và chịu nhiều tổn thất. Chưa bao giờ cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước hy sinh nhiều như ở thời kỳ này. Có thể nói, đa số cán bộ bất hợp pháp bị bắt hoặc phải bật lên núi. Ở các huyện Mộ Đức, Nghĩa Hành, hầu hết cán bộ đều bị bắt. Huyện Tư Nghĩa 95% cán bộ bị bắt hoặc hy sinh. Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh mất 80%, Đức Phổ hơn 70%,

các huyện miền núi mất gần 20%. Nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, Huyện ủy đã hy sinh rất đông cảm như đồng chí Phạm Xuân Hòa (Phó bí thư Tỉnh ủy) đồng chí Nguyễn Cát (Phó bí thư Huyện ủy Mộ Đức), đồng chí Nguyễn Chót (ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy), đồng chí Hồng Quang (Bí thư Huyện ủy Nghĩa Hành)... Các đồng chí Từ Ty, Tôn Diêm, Lê Long Châu... là những cán bộ cách mạng từ năm 1930 đến năm 1937, Tỉnh ủy viên hoặc Bí thư Huyện ủy bị bắt.

Trước sự đàn áp dã man của Mỹ - Diêm, hầu hết cán bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước vẫn giữ được khí tiết, vượt qua mọi gian khổ hy sinh để hoạt động. Có những tấm gương hy sinh hết sức xúc động như đồng chí Võ Tấn Trụ công tác tại Huyện ủy Bình Sơn. Đặc biệt là đồng chí Tu Nhân Đạo, Huyện ủy viên, bị địch bắt, đồng chí đã cướp súng ngắn của địch và chạy thoát, bọn địch đuổi theo, bắn đồng chí bị thương ở chân, đồng chí cố sức leo lên một nóc nhà cao ở chợ Châu Ổ nói chuyện với dân, lên án tội ác của địch trước hàng nghìn đồng bào đang họp chợ, gây được khí thế và niềm tin. Bọn địch đã bắn chết đồng chí trước sự xúc động và căm thù của quần chúng.

II- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY

Trong giai đoạn này, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của cách mạng miền Nam là phải giữ gìn lực lượng, bảo

vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng, nêu cao tinh thần và khí tiết của người cán bộ, đảng viên, gắn bó mật thiết với quần chúng, giáo dục quần chúng, giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, đồng thời phải có những hình thức đấu tranh thích hợp để củng cố và phát triển lực lượng, từng bước tiến lên giành thắng lợi ở từng nơi, từng vùng...

Ngày 05-9-1954, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã có chỉ thị, trong đó có đoạn nêu rõ, đối với nguy quân như sau: "Trước hết cần nhận rõ: mặc dù hòa bình trở lại, ta vẫn không được coi nhẹ việc vận động nguy binh, trái lại phải hết sức chú trọng công tác đó"... "Phải chú trọng vận động gia đình nguy binh để họ góp vào việc tuyên truyền nguy binh" (1).

Khi Mỹ - Diệm tổ chức tuyển cử riêng lễ bầu Quốc hội bù nhìn ngày 4-3-1956 và thắng tay dùng bạo lực khủng bố tàn khốc nhân dân miền Nam, Hội nghị Bộ Chính trị khóa II tháng 6-1956 đã nhận định: "Khả năng giằng co kéo dài, tình trạng chia cắt đang tồn tại ở miền Nam. Hình thức đấu tranh trong toàn quốc hiện nay là đấu tranh chính trị, không phải đấu tranh vũ trang. Nói như thế không có nghĩa là tuyệt đối không dùng vũ trang tự vệ trong những hoàn cảnh nhất định hoặc không tận dụng những lực lượng vũ trang của các giáo phái chống Diệm. Cần củng cố lực lượng vũ trang và bán vũ trang

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước tập 1 (1954 - 1965)
Nhà xuất bản Sự thật trang 61.

hiện có và xây dựng căn cứ làm chỗ dựa". Nếu ở nơi nào sau tháng 6-1956, địch đánh phá, giết chóc tàn bạo mà ta chỉ có đấu tranh chính trị đơn thuần, mặc dù có vũ khí trong tay, có lực lượng mà không biết tự vệ để chúng tha hồ bắn giết, bắt bớ là hữu khuynh. Tiếp đó, đồng chí Lê Duẩn đã thảo ra "Đề cương cách mạng miền Nam" và đưa xuống các Đảng bộ để nghiên cứu, góp ý. Đề cương đã vạch rõ: "Ngày 20-7-1956 đã không có tổng tuyển cử như Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định. Nhân dân ta ở miền Nam đang rên xiết dưới ách áp bức, bóc lột, tù đầy, chém giết man rợ, đất nước bị chia cắt và bị chiến tranh của Mỹ - Diệm hăm dọa. Tình hình đó buộc nhân dân ta phải vùng dậy đập tan chế độ Mỹ - Diệm để tự cứu mình". Tư tưởng chỉ đạo trong đề cương đã được các đồng chí Liên khu ủy viên, Tỉnh ủy viên đi dự hội nghị về truyền đạt, như một luồng gió mới, mở đường cho việc vận dụng vũ trang tự vệ hỗ trợ cho đấu tranh chính trị.

Đặc biệt, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) ngày 13-01-1959 đã đề ra đường lối cách mạng ở miền Nam rất rõ ràng, đó là:

"Quá trình cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh chính trị, kinh tế, văn hóa và đảm bảo cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ hình thức thấp, từ đây lôi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính

quyền đó và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm khi có thời cơ thuận lợi trong nước và trên thế giới". Về binh vận, nghị quyết này chỉ rõ: "Quân đội là chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - Diệm để bảo tồn chế độ của chúng và đồng thời cũng là lực lượng mà cách mạng cần phải tranh thủ, cho nên binh vận là công tác hết sức quan trọng" (1).

Qua các chỉ thị, nghị quyết trên đây chúng ta thấy rõ Trung ương đã sớm đặt ra công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xem đó là một công tác hết sức quan trọng.

Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, năm 1956 Liên khu ủy V có chỉ thị về công tác binh vận, tế vận, cụ thể là:

"Cần thấy rõ quân đội là công cụ đàn áp và gây chiến của Mỹ - Diệm..., ta phải kịp thời tăng cường công tác binh vận..." (2), khẩu hiệu chung để vận động binh sĩ là: "Đòi cải thiện sinh hoạt, đối xử tốt với dân, đồng tình với dân, không tham gia khủng bố nhân dân. Chống âm mưu biến quân đội thành công cụ đánh thuê cho Mỹ, tán thành hòa bình và thống nhất" (3). Chỉ thị còn đề ra yêu cầu cụ thể đối với việc vận động từng sắc lính như quân chủ lực, bảo an, hương vệ, lính người Thượng, lính Âu Phi... Chẳng hạn đối với hương vệ thì "Không phá làng,

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước tập 1 (1954 - 1965) Nhà xuất bản Sự thật, trang 117 - 118.

(2), (3). Chỉ thị của Khu ủy V trang 16 (1956) hồ sơ lưu tại Ban Tổng kết Binh vận Quân khu V.

không hiếp dân, không cướp bóc, không thi hành mệnh lệnh của cường hào, mật thám gian ác, sống với gia đình làm ăn",.... "Đối với lính Thượng du thì đòi nghỉ phép về thăm nhà ở địa phương, đùm bọc dân tộc, không tham gia đàn áp, chú ý những nơi nào chưa bị địch kiểm soát mà họ muốn đào ngũ thì giúp họ đào ngũ" ⁽¹⁾.

Đối với nhân viên chính quyền địch, chỉ thị của Liên Khu ủy V đề ra: "Nhiệm vụ sắp đến của ta là phải vận động, tranh thủ và nắm cho được, nhất là chính quyền xã, thôn, phường. Phương châm là: hạn chế dần mức độ phản động; tranh thủ lôi kéo hạng lưng chừng, trung lập, hạng ít phản động, đá kích, lật đổ những tên gian ác đầu sỏ" ⁽²⁾.

Như vậy Liên Khu ủy V đã đặt vấn đề binh tế vận khá sớm và đề ra yêu cầu, phương châm, tổ chức vận động đối với từng loại lính và nhân viên tệ nạn nhất là ở cấp xã, ấp. Ngày 25-10-1955 tại nóc Ông Tư, xã Trà Bùi, huyện Trà Bồng, Tỉnh ủy đã họp và đề ra chủ trương: "Đẩy mạnh công tác binh vận, tranh thủ ngũ quân, ngũ quyền, bố trí đưa người của ta vào các cơ quan hành chính của địch, đưa thanh niên tốt vào ngũ quân để sau này nắm quân đội, bố trí người vào hoạt động trong các đảng phái, tôn giáo do địch chi phối để hạn chế mức phản động trong các tổ chức này". Tiếp sau đó Tỉnh ủy họp tại nóc Anh Cương và đề ra chủ trương trừng trị bọn phản động, trong đó có bọn tay sai của Đinh Ngô ở miền núi và một số nơi khác và đẩy mạnh

(1), (2) Chỉ thị của Liên Khu ủy V trang 16 (1956) hồ sơ lưu tại Ban Tổng kết Binh vận Quân khu V.

đấu tranh chống khủng bố, tàn sát đồng bào. Tiếp chỉ thị của Bộ Chính trị ngày 05-9-1954 và chủ trương của Liên Khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi sớm nhận thức được tầm quan trọng của công tác binh, tế vận, từ đó đã nhanh chóng đề ra các chủ trương cụ thể về công tác này. Trong chỉ đạo Tỉnh ủy đã gắn đấu tranh chính trị với vận động binh sĩ và diệt ác. Nhân dân các xã, huyện trong tỉnh đã kéo nhau lên cơ quan xã, huyện, đưa đơn đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, chất vấn chính quyền ngay về việc tổ chức bầu cử riêng lẻ. Các cuộc đấu tranh này được nhiều binh sĩ và nhân viên chính quyền đồng tình.

Tháng 02-1958, đúng vào dịp Tết Nguyên Đán, tại thôn Di Ngâu, xã Trà Trung huyện Trà Bồng, hội nghị Tỉnh ủy đã quyết định: “Đẩy mạnh hơn nữa việc kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang tự vệ”. Sau đó vào ngày 07-7-1958 tại Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng, Tỉnh ủy đã mở Đại hội đại biểu nhân dân các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi. Đại hội đã phát động toàn thể nhân dân:

- Đoàn kết chung quanh Đảng, kiên quyết chống Mỹ-Diệm đến thắng lợi cuối cùng.

- Ra sức sản xuất và bố phòng, bảo vệ nương rẫy, chuẩn bị lương thực, thực phẩm dùng đủ ba năm để ủng hộ cho cách mạng.

- Bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, xóa bỏ mê tín dị đoan không để ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và hoạt động cách mạng.

- Kêu gọi những người trong chính quyền và binh lính trong hàng ngũ địch trở về với nhân dân.

Thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy ngày 25-10-1955 và lời kêu gọi của Đại hội Đại biểu nhân dân các dân tộc miền tây Quảng Ngãi, ở khắp các nơi trong tỉnh đã nổ ra nhiều cuộc biểu tình lôi kéo hàng vạn người đi đến các cơ quan chính quyền xã, quận lý đưa đơn kiến nghị đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, phản đối Mỹ - Diệm phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhân dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ kéo đến trụ sở quyền xã đòi hiệp thương hòa bình thống nhất đất nước. Nhân dân các huyện miền núi Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long kéo về quận lý đòi cứu đói, cứu đau và phản đối những hành động khủng bố, tàn ác của Mỹ - Diệm. Nhân dân ở Thu Xà (xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa) đã nằm lẩn ra đường chặn đầu xe, không cho địch chở người đi dinh điền.... Các cuộc đấu tranh chính trị này đã được một số binh lính và nhân viên chính quyền xã đồng tình ủng hộ.

Từ sau 20-7-1956 thực hiện chủ trương của Đảng về đấu tranh vũ trang tự vệ, ở Quảng Ngãi, đồng bào đã diệt những tên ác ôn ngoan cố. Ở Sơn Hà, nhân dân đã giết tên Xuyên ở xã Sơn Lăng (1956), chém đầu tên Đinh Banh đại diện xã Sơn Thành. Năm 1957 nhóm "trả đầu" của Vối Quýt hoạt động từ Sơn Hà đến địa bàn xã Tịnh Giang của huyện Sơn Tịnh. Ở Ba Tơ có nhóm "trả đầu" của ông Hối. Ở Trà Bồng có các nhóm "trả đầu" của anh Lùm, anh Lang. Về sau các nhóm "trả đầu" này hợp lại

thành binh Phó Nía ở Sơn Hà, binh Chánh Khanh ở Ba Tư, binh ông Cả Trươn ở Trà Bồng.

Tại xã Sơn Thành, chị Di Briu còn nhỏ tuổi, cha chị bị đau không thể đi làm theo lệnh của địch. Một tên trung sĩ leo lên nhà chỉ vào mặt cha chị và nói: “Cha già này sao không đi?”. Ông già vừa ngồi dậy, bị nó bắn chết luôn. Quá uất ức, chị Di Briu xách rìu bổ vào đầu giết tên trung sĩ. Chị bị bắt lên quận, chúng tra hỏi, chị nói: Nó bắn chết cha tôi nên tôi giết nó chứ không ai bảo tôi. Không có cơ gì khác và thấy chị còn nhỏ nên chúng thả chị ra.

Ở Trà Bồng, lấy danh nghĩa trả thù cho cha mình là già Triều bị địch giết hại, nhóm anh Lang phục kích địch ở Nước Giếng giết chết một tên địch, thu một khẩu súng (8-1958).

Cũng trong tháng 8-1958 ta diệt tên Võ Hoàng tức xã Cẩm, Bí thư Đảng cần lao nhân vị vừa nhận chức Quận trưởng quận Ba Tư tại nhà riêng của y ở xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh. Tiếp đó ta diệt tên Phạm Đình Trục, đại diện xã Bình Chương và Cửu Dục, đại diện xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn. Tại xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh ta diệt tên Phạm Chương là cảnh sát trưởng xã Tịnh Sơn giữa ban ngày. Giết xong, ta rải cáo trạng ghi rõ những tội ác của tên Chương để cảnh cáo những tên ác ôn ngoan cố khác. Việc ta xử trị những tên tay sai ác ôn đã gây rung động trong đám ác ôn nguy quyền, nguy quân ở cơ sở.

Công tác đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang và vận động giáo dục binh sĩ, nhân viên ngục quyền xã, áp đã đem lại niềm tin và phấn khởi cho nhân dân, đặc biệt là ở các huyện miền núi, tạo điều kiện cho bước phát triển mới của phong trào cách mạng trong tỉnh, dẫn đến cuộc Khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi thắng lợi.

III- HOẠT ĐỘNG BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY:

Thực hiện các chủ trương, hướng dẫn của Tỉnh ủy, hoạt động binh vận thời kỳ này tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

1- *Một là:* Cài cắm, đưa người của ta vào cơ quan ngục quyền và các đơn vị binh lính của địch để phục vụ cho nhiệm vụ đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất đất nước; hạn chế việc địch gây tội ác, bảo vệ lực lượng cách mạng, bảo vệ Đảng, nắm bắt thông tin để chủ động đối phó địch và phát triển tổ chức sau này. Ở Trà Bồng, ta đã bố trí đồng chí Đinh Bạch Châu (tức Phó Huệ) là đảng viên vào làm quận phó. Đồng chí hoạt động rất tích cực, trung thành, thường xuyên báo cáo tình hình và khi ta chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, đồng chí đã báo cáo tình hình và nhận kế hoạch hoạt động. Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (28-8 - 02-9-1959), nhờ một phần vận động của đồng chí Châu nên ngục quyền và binh lính ở các xã

Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình đã nhanh chóng ra hàng và nộp súng cho cách mạng.

Ở huyện Bình Sơn, ta đã bố trí các anh Nguyễn Cương (tức Hoàng Tuấn), Phạm Vi Hùng, Võ Rân, Đặng Quyết (tức Quý) vào hàng ngũ binh lính của địch. Số anh em này hoạt động rất tích cực, sau đó có anh tham gia Đội công tác và thoát ly như Hoàng Tuấn, đi bộ đội và hy sinh như anh Đặng Quyết. Một số anh tham gia công tác ở cơ sở.

Ở huyện Sơn Tịnh, ta đã bố trí anh Huỳnh Liệu vào cơ quan cảnh sát ngục, anh hoạt động tốt, sau ngày giải phóng anh được giải quyết chính sách và đã nghỉ hưu. Tại Mộ Đức, ta bố trí các anh Lê Văn Diêu, Lê Cứ vào cơ quan cảnh sát ngục. Các anh này đã bảo vệ, giúp đỡ cán bộ khi bị bắt, bị tra tấn và vượt tù...

Tại huyện Đức Phổ, ta đã bố trí được nhiều cán bộ vào cơ quan ngục quyền như đồng chí Trần Đức Oanh, sau này thoát ly lên căn cứ làm Phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi. Tại Phổ Văn ta bố trí ông Huỳnh Hiến (tức Xã Miên) là một địa chủ, có con và rể đi tập kết, làm đại diện xã. Ông Hiến đã hoạt động tốt. Khi đồng chí Tác, Bí thư xã Phổ Văn và hai đồng chí đảng viên là Bá và Thông bị bắt tại nhà ông Thảo, địch cho lùng sục tất cả nhà dân, chúng phát hiện tại nhà ông Lăng có chậu nước tiểu trên gác liền bắt ông Lăng tra tấn và cho người đến xúc lúa, đốt phá nhà ông Lăng. Ông Hiến đã nói với tên Huỳnh là cảnh sát xã, một tên ác ôn rằng: "Hai năm không bao lâu, rồi

cộng sản sẽ về gặp lại, chú liệu mà sống". Tên Huỳnh phải bỏ ý định chôn sống ông Lãng và không cướp phá tài sản của ông Lãng nữa. Ta cũng bố trí ông Thống vào làm Chủ tịch Hội đồng xã Phổ Hòa.... Trong quân đội nguy, đồng chí Lý (Phận) đã xây dựng anh Nguyễn Thanh làm cơ sở. Anh đã hoạt động tích cực, thường xuyên cung cấp tình hình, cho ta biết kế hoạch của địch sắp đi càn ráp để ta lo liệu, đối phó; những lúc căng thẳng, anh Thanh đã bảo vệ và hướng dẫn đồng chí Lý, đồng chí Trần Quán, đồng chí Bắc đi tránh. Anh Thanh hoạt động liên tục từ 1955 đến 1956 và sau đó hy sinh.

Ở miền núi, ta đã giáo dục và vận động được anh Đinh Xếch, người dân tộc H're là trung úy nguy ở xã Sơn Kỳ. Cuối năm 1957, đầu năm 1958, khi cơ quan Tỉnh ủy đóng ở Nước Lát (xã Sơn Kỳ), địch có những hoạt động gì, anh Đinh Xếch đều báo cho ta biết. Đinh Thơ là đại úy nguy, nhờ ta vận động và nắm được nên đã hạn chế được việc hành quân lùng sục, đánh phá của lính nguy. Thiếu úy Đinh Đáy, dân tộc H're đã bỏ hàng ngũ địch và trở về với ta. Thời kỳ 1954 đến 1959 ở miền tây Quảng Ngãi, nhất là Sơn Hà, lực lượng địch khá đông, chủ yếu là lính Nùng và lính H're, nhưng nhờ ta nắm được 90% gia đình binh sĩ và đại bộ phận binh lính nên cán bộ của ta ở trong nhà dân được bảo vệ an toàn. Đây là một thành tích rất lớn về công tác binh vận của ta.

Ở huyện Ba Tư, ta bố trí anh Nguyễn Đăng Dương vào làm quận phó quận Ba Tư. Anh hoạt động liên tục từ năm 1955 đến năm 1958 thì bị địch phát hiện và bắt đưa đi tù.

2- *Hai là:* Dãy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức gia đình binh sĩ tham gia đấu tranh chính trị, binh vận, kêu gọi chống, con không được gây tội ác, trở về với gia đình.

Thời kỳ 1954 - 1959 ở miền núi, Tỉnh ủy chủ trương phải nắm cho được gia đình binh sĩ, qua đó vận động ngăn chặn không cho binh lính hành quân càn quét, phá vỡ các kế hoạch hành quân của địch, tổ chức nhân dân chống lại các cuộc bầu cử của địch...

Ở Sơn Hà năm 1959, địch bắt dân tập trung đi bầu cử. Ta vận động chị em, trong đó có nhiều người trong gia đình binh sĩ nói chuyện với binh lính, gọi loa vào đồn, kêu gọi binh sĩ ủng hộ cách mạng, không đàn áp nhân dân. Do vậy, dân không chịu đi, địch phải dùng dây cột 3,4 người chung một dây rồi lừa đi như ở xóm Tà Màu, xóm Gò Rôi, Hải Giá, xóm Đèo.... Ta vừa kêu gọi, đấu tranh không đi, kết hợp với phục kích, nổ súng vào những tên cầm đầu làm chúng bỏ chạy, tạo thế cho một số đồng bào trở về. Lúc địch gom được một số dân đến nơi tập trung, chị em đấu tranh bằng cách gây mất trật tự nơi bỏ phiếu. Do một số tên ác ôn bị diệt, những tên còn lại thấy dân phá rối, không thể tổ chức bầu cử được nên đành bỏ cuộc. Ta đã giải thoát trên 300 đồng bào.

Ở đồn Di Men và đồn Xôn-Nít (Sơn Dung) ta đã vận động được một số binh sĩ người H're bỏ ngũ trở về nhà làm ăn. Như trường hợp Ti-êu trước đây rất hung hăng, đã từng làm liên gia trưởng, ta đã trực tiếp gặp, giáo

dục, vận động, anh này không còn hung hăng nữa. Ở đồn Làng Rã, ta đã vận động Cha Bồi bỏ đồn trở về Sơn Hà làm ăn, không làm ác ôn nữa. Nhờ công tác vận động gia đình binh sĩ và lính người H're nên ta đã nắm được hầu hết binh lính, kéo họ về, không cho theo địch, không hành quân càn quét, không đi bắt lính, không xua dân đi bầu cử.

Ở các xã đồng bằng, ta đã vận động, giáo dục, nắm được hầu hết Hội đồng hương chính xã và hương vệ đoàn. Những năm từ 1954 đến 1957, nhiều anh em trong Hội đồng xã, hương vệ đoàn đã liên lạc, báo cáo tình hình hoạt động của địch cho ta. Nhiều người trong hương vệ xã đã bảo vệ, dẫn đường cho cán bộ ta. Đồng chí Võ Hạnh (tức Lê Tấn Tỏa) đi từ khu đông Bình Sơn lên Bình Chương an toàn là nhờ cơ sở trong hương vệ đoàn dẫn đường.

3- *Ba là:* Bình vận đã chú ý xây dựng cơ sở trong hàng ngũ binh lính và ngụy quyền ở cơ sở.

Ở huyện Sơn Hà, ta đã xây dựng anh Đinh Dĩa trong hương vệ. Các đồng chí Đinh Néo, Đinh Lá đã giáo dục và phát động anh Dĩa bắn chết tên chỉ phó cảnh sát huyện và mang súng ra theo cách mạng.

Tháng 8-1956, ta đã tổ chức cho cơ sở diệt tên Đinh Xuyên là Hội đồng xã Sơn Lăng vì tên này hung ác quá. Ở Sơn Thành, tên Đinh Banh là đại diện xã, đã tra tấn, giết hại nhiều đồng bào ta, nhân dân quá phần uất đã chặn bắt và chặt đầu để cảnh cáo các tên khác.

Trên 500 đồng bào dân tộc H're trong đó có nhiều người trong gia đình binh sĩ của hai xã Sơn Bao, Sơn Thượng đã kéo nhau xuống quận lỵ Sơn Hà đòi hiệp thương tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. Tên quận trưởng Đinh Ngô hăm dọa: "Chỉ có hiệp lon, hiệp đá", rồi cho bọn tay sai vác cây, vác đá ném tới tấp vào đám biểu tình làm cho nhiều người bị thương. Sau đó chúng bắt hết 500 đồng bào ta, vừa đánh vừa dụ dỗ.... Nhưng đồng bào đã cùng nhau đoàn kết, không ai khai báo một lời. Ba ngày sau, chúng phải thả tất cả đồng bào trở về. Ta vận động được binh sĩ và nhiều người trong gia đình họ đi trọng đám biểu tình để đưa đơn lên huyện, đòi hòa bình, hiệp thương, chống khủng bố, bắt bớ... nên hạn chế được việc đàn áp của địch.

Sau khi các đơn vị vũ trang của tỉnh đã ra đời (như các đơn vị 339, 89, 299) nhiều huyện trong tỉnh đã thành lập các đội vũ trang tuyên truyền. Các đội công tác vừa phát tin, tuyên truyền kêu gọi binh lính và ngụy quyền, vừa xây dựng cơ sở và diệt những tên ác ôn để phá thế kìm kẹp của địch, hỗ trợ phong trào quần chúng. Chính các đội công tác này đã diệt nhiều tên ác ôn và một số đồn bót.

Từ ngày 28-8-1959 đến ngày 02-9-1959, Tỉnh ủy đã lãnh đạo các xã ở huyện Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đứng lên khởi nghĩa, cùng lực lượng vũ trang và cơ sở bên trong diệt ác ôn, tấn công các đồn bót. Nhiều tên cầm đầu ở quận lỵ bỏ chạy về tỉnh, quần chúng tràn vào quận lỵ. Chính quyền và hương vệ các xã ở Trà Xuân,

Trà Phú, Trà Bình đã nhanh chóng ra hàng. Ta giành thắng lợi to lớn, vang dội.

Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi đã đánh dấu một mốc lịch sử lớn của phong trào cách mạng trong tỉnh và ở miền Nam. Nó báo hiệu cho thất bại của Đế quốc Mỹ trong chính sách dùng bộ máy tay sai độc tài Ngô Đình Diệm để tiêu diệt phong trào cách mạng ở miền Nam bằng chính sách “tố cộng”, “diệt cộng”. Đây là một thắng lợi lớn và có sự đóng góp của công tác binh vận. Ta đã căn bản xóa bỏ toàn bộ nguy quyền ở huyện lỵ Trà Bồng và ở các xã của các huyện miền núi khác (trừ các quận lỵ). Đã có trên 1.000 binh lính rã ngũ, đa số là lính H're, trong đó nhiều người sau này tham gia công tác cách mạng. Đây cũng là một cuộc khởi nghĩa ta ít tổn thất và địch không thể đàn áp, khủng bố đồng bào được.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN (THỜI KỲ 1954 - 1959)

1- Ưu điểm:

a- Tỉnh ủy đã sớm nhận thức về vai trò quan trọng của công tác binh vận, đề ra nên đã có những chủ trương đúng đắn, kịp thời trong việc cài, cấy cán bộ, đảng viên vào bộ máy nguy quyền, nguy quán. Số anh em này hầu hết đều tích cực hoạt động, thể hiện sự trung thành với Đảng, với cách mạng và đem lại nhiều hiệu quả.

b- Ta đã dự lương và chủ động gặp gỡ, nhắc nhở, giáo dục một số nhân sĩ ở tầng lớp trên, những người có

liên quan đến những vụ việc nổi cộm trước đây. Một số con cái, người thân trong gia đình họ được đi tập kết đã tạo mối liên hệ tốt với cách mạng và ta bố trí cho họ tham gia hoạt động cách mạng. Do vậy, khi địch đến tìm cách lôi kéo, mua chuộc làm việc cho chúng thì nhiều người từ chối, hạn chế một phần sự đánh phá của địch.

c- Tỉnh ủy đã sớm kết hợp đấu tranh chính trị đòi hòa bình, hiệp thương, tổng tuyển cử theo Hiệp định Giơ-ne-vơ, đòi dân sinh, dân chủ với công tác vận động binh sĩ và nhân viên ngũ quyền, xây dựng và tổ chức hướng dẫn cơ sở hành động, giáo dục gia đình binh sĩ để họ khuyến răn, nhắc nhở chồng, con là binh sĩ, tề ngũ không hành quân, khủng bố, giết hại đồng bào, bỏ ngũ trở về với gia đình hoặc binh biến, đi theo cách mạng.... Tỉnh ủy đã sớm kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận với vũ trang tự vệ, trừng trị những tên tay sai hung ác, làm lỏng kẹp và hạn chế những hành động chống phá của được bọn ác ôn.

d- Ở miền núi ta đã vận dụng được phong tục tập quán của đồng bào dân tộc, sớm tổ chức các nhóm "trả dẫu" để diệt những tên ác ôn, tranh thủ lôi kéo được nhiều binh sĩ tham gia mà địch không có cơ để đàn áp.

Ở đồng bằng ta đã sớm chuyển các đoàn thể cứu quốc qua các tổ chức, hình thức biến tướng như "Đội tuần sương", "Hội táng trợ"... để tập hợp lực lượng và chống được nhiều cuộc hành quân, tàn sát của địch.

Kinh nghiệm công tác binh vận của thời kỳ này cho thấy khi tổ chức hoạt động binh, tề vận tốt, lôi kéo được

những gia đình binh sĩ tham gia, có cơ sở trong binh lính và nguyên nhân thì hiệu quả tấn công và nổi dậy đạt cao, ta ít tổn thất và giữ được thế hợp pháp cho nhân dân và cán bộ đi lại hoạt động thuận lợi.

2- Khuyết điểm:

a- Lúc đầu ta còn lúng túng trong phương thức đấu tranh chính trị hợp pháp.

b- Sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, của Khu ủy Khu V và của Tỉnh ủy đối với công tác binh vận, tổ vận rất sớm và khá rõ, nhưng ở tỉnh ta từ 1954 - 1959 còn chưa có tổ chức làm công tác binh vận (tuy rằng Tỉnh ủy đã phân công trong cấp ủy phụ trách). Thời kỳ này phong trào quần chúng làm công tác đấu tranh chính trị, binh vận khá mạnh mẽ nhưng vì ta chưa có bộ máy, chưa có kế hoạch hướng dẫn cụ thể, nên việc đánh giá, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm trong đấu tranh binh vận chưa được bao nhiêu.

B- THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT" CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1960 - 1965)

I- TÌNH HÌNH VÀ ÂM MƯU HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH:

Đến cuối năm 1959, đầu năm 1960, các huyện miền núi của tỉnh ta và nhiều vùng rộng lớn ở Tây Nguyên

cũng như một số xã miền tây của các tỉnh bạn lân cận, như Quảng Nam, Bình Định đã được giải phóng, tạo thành căn cứ liên hoàn. Ở vùng đồng bằng, nông thôn phong trào cách mạng cũng có bước phát triển. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng cùng với đấu tranh binh vận và vũ trang diệt ác ôn đã làm lỏng kẹp và ta làm chủ một số xã, thôn.

Để cứu vãn chế độ thực dân kiểu mới trước nguy cơ bị suy sụp, Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm đã đề ra chiến lược "Chiến tranh đặc biệt". Mỹ coi đây là một phương pháp sáng tạo để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Tiến hành chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ đề ra kế hoạch Xtalây-Taylor với ba biện pháp chiến lược:

- Một là tăng cường lực lượng quân nguy, dùng quân nguy do Mỹ trang bị, huấn luyện và chỉ huy để tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng.

- Hai là dập tắt phong trào cách mạng ở nông thôn bằng thủ đoạn "bình định", dồn dân vào các "ấp chiến lược", giữ vững thành thị, xây dựng bộ máy chính quyền tay sai của Mỹ ngày càng mạnh.

- Ba là, ngăn chặn biên giới, kiểm soát ven biển, cắt nguồn chi viện của miền Bắc, cô lập miền Nam.

Thực hiện kế hoạch này, Đế quốc Mỹ hy vọng sẽ giành được thế chủ động và chuyển sang thế tấn công. Kế hoạch Xtalây - Taylor đề ra phải "bình định" xong trong 18 tháng. Mỹ - Diệm coi việc xây dựng ấp chiến lược là "quốc sách", là nội dung cơ bản của chiến lược

“Chiến tranh đặc biệt”. Trong một thời gian ngắn phải lập xong 17.000 ấp chiến lược để tập trung và kiểm soát hầu hết nông thôn ở miền Nam, tạo điều kiện tiêu diệt lực lượng ta. Ngô Đình Diệm gào thét: “Cứu nông thôn là cứu chế độ, đập lên oán hờn, thực hiện cho kỳ được quốc sách ấp chiến lược”. Tháng 2 năm 1962, đế quốc Mỹ thành lập Bộ chỉ huy quân sự đặc biệt (MACV) do đại tướng Mỹ HaKin cầm đầu. Mỹ tăng viện trợ cho ngụy lên 500 triệu đôla mỗi năm. Đến cuối năm 1962 số quân chủ lực ngụy tăng lên 200.000 tên và bảo an 100.000 tên. Riêng trong năm 1962, Mỹ đã đưa vào miền Nam 500 máy bay, nhiều nhất là máy bay trực thăng.

Tại Quảng Ngãi, Mỹ - Diệm chia nông thôn thành ba vùng để áp dụng các biện pháp đánh phá khác nhau:

- Vùng do ta làm chủ thì địch thực hiện “đốt sạch”, “giết sạch”, “phá sạch”.

- Vùng tranh chấp giữa ta và địch thì chúng đánh phá liên miên, kết hợp với việc tung mật vụ, thám báo, khủng bố, chiêu an để kéo dân.

- Vùng chúng kiểm soát thì tăng cường kiểm tra, phân loại, tổ chức tổ cộng để đánh bật cơ sở của ta.

Đặc biệt, đối với miền núi sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, địch tiến hành càn quét, đánh phá liên miên. Chúng thực hiện triệt để chính sách phá hoại kinh tế, hủy hoại cây trồng, nông cụ, giết hại trâu bò, ngăn cản và kiểm soát chặt chẽ việc đi lại, trao đổi mua bán thóc, gạo, mắm muối, thuốc men... hòng làm cho người dân mất hết khả năng tiếp tế cho cách mạng.

Chỉ tính trong 3 tháng đầu năm 1960, Mỹ - Diệm đã mở 52 cuộc hành quân càn quét ở huyện Trà Bồng và miền tây của tỉnh với quy mô từ một đại đội đến hai trung đoàn.

Mỹ - Diệm xem Quảng Ngãi là một trọng điểm "bình định" nên chúng đã huy động một lực lượng lớn về quân sự mở các chiến dịch "Phượng Hoàng", "Trung nghĩa", "Chính nghĩa" tiến hành càn quét, khủng bố liên tục ở nông thôn để rào làng, lập ấp.

Ngô Đình Nhu đã đích thân ra Quảng Ngãi trực tiếp giám sát một số ấp chiến lược, trong đó có ấp Thạch Thang ở xã Đức Phong (địch gọi là ấp Đức Thuận) mà chúng xem đây là một ấp kiểu mẫu. Đó là những ấp chiến lược đạt được 6 tiêu chuẩn sau đây:

1- Đã kiểm tra và phân loại dân chúng cư ngụ trong ấp, tiêu diệt được cơ sở nằm vùng của cộng sản.

2- Đã tuyển dụng đủ số nghĩa quân và số nghĩa quân này được huấn luyện, trang bị.

3- Đã thiết lập được hệ thống chương ngại vật, hệ thống phòng thủ.

4- Thiết lập được hệ thống liên lạc với cấp trên và truyền tin phục vụ cho quốc gia.

5- Dân chúng trong ấp được tổ chức thành đoàn ngũ, tự phân công bảo vệ an ninh trong thôn xóm.

6- Ban trị sự ấp được bầu theo quy định.

Bằng mọi thủ đoạn cực kỳ tàn bạo, đến cuối năm 1961 địch đã lập được trên đất Quảng Ngãi 216 ấp chiến

lược, gồm được 513.280 dân, chiếm trên 64% số dân của tỉnh lúc bấy giờ. Chúng bắt người trong các gia đình có con, em đi tập kết, đi thoát ly phải ra bảo vệ ấp, nếu để hư hỏng, bị phá thì chúng bắt các gia đình này phải đi rào lại.

Dồng thời chúng xúc dân thuộc những gia đình có người đi thoát ly, đi tập kết hoặc có liên quan đến những hoạt động chống Mỹ - Diệm, đưa đi dinh điền để dễ bề kiểm soát.

II- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY:

Trong hai ngày 26 và 27-2-1962, Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng khóa III đã họp và đề ra nghị quyết, trong đó nhấn mạnh:

“Công tác binh vận là một công tác chiến lược rất quan trọng. Phải giáo dục cho nhân dân biết làm công tác binh vận, biết lợi dụng mọi cơ hội để tuyên truyền vận động binh lính và sĩ quan địch”⁽¹⁾... “Công tác binh vận phải dính liền với đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự của nhân dân và bộ đội cách mạng”⁽²⁾.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) tháng 12-1963 đã xác định: “Binh vận phải là một công tác chính trị của toàn dân và toàn quân, là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng, khẩu hiệu công nông liên hiệp phải được thấu suốt đầy đủ trong

(1), (2) Trích văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước, tập 4 trang 139 - NXB Sự thật.

toàn bộ công tác chính trị và quân sự" (1)... "Kết quả công tác binh vận cũng là kết quả của công tác quân sự và chính trị" (2).

Nghị quyết của Khu ủy V, tháng 2/1961 đã xác định: "Cần nhận rõ công tác binh vận là một trong những nhiệm vụ cơ bản có tính quyết định thắng lợi của cách mạng" (3). Nghị quyết đề ra 3 nhiệm vụ rất cụ thể về công tác binh vận:

- Vận động binh lính đoàn kết với nhân dân, chống âm mưu của Mỹ - Diệm dùng quân đội miền Nam làm công cụ đàn áp, đánh phá cách mạng miền Nam. Sẵn sàng phá tan âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ.

- Xây dựng cơ sở cách mạng trong quân đội địch để tiến tới thực hiện khối công nông binh liên hiệp, chuẩn bị điều kiện kịp thời cùng nhân dân đánh đổ chế độ độc tài, phát xít của Mỹ - Diệm, thực hiện hòa bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc.

- Tích cực vận động phong trào chống bắt lính, phá tan âm mưu xây dựng quân đội và phát triển các lực lượng hậu bị khác của địch (4).

Tháng 6/1961, Hội nghị Ban Thường vụ Khu ủy V xác định nhiệm vụ trước mắt là: "Tập trung mọi lực lượng, mọi khả năng vào chống phá áp chiến lược, coi đó là nhiệm vụ trung tâm quan trọng nhất" (5) và quyết

(1), (2) Văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước tập 1 thời kỳ 1954 - 1965, NXB Sự thật, trang 140 và 201.

(3), (4), (5) Nghị quyết về công tác Binh vận của Khu ủy V lưu tại Ban Tổng kết Binh vận Quân khu V.

định phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kim, giành quyền làm chủ.

Tháng 2-1960, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ nhất trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã họp ở Di Ngâu thuộc xã Trà Trung, huyện Trà Bồng, có đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V về dự và chỉ đạo. Đại hội đã đánh giá về sự lãnh đạo của Tỉnh ủy vừa qua cơ bản là đúng với đường lối, sự chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy. Đảng bộ đã quán triệt và nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, nắm vững thời cơ, phát động quần chúng khởi nghĩa vũ trang và tiếp đó tiến hành chiến tranh du kích để chống lại kẻ thù hành quân càn quét, đốt phá, gom dân. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của toàn Đảng bộ, toàn dân trong tỉnh là: "Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền, thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thế kìm kẹp bên dưới, phá khu đồn tập trung dân, hỗ trợ quần chúng giành lại nông thôn".

Tháng 12-1961, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy (mở rộng) đánh giá tình hình hoạt động 1960, 1961, cụ thể hóa việc tổ chức tấn công và nổi dậy ở đồng bằng, kết hợp 2 chân, 3 mũi giáp công, kiên quyết giành lại nông thôn đồng bằng, phát động toàn dân thi đua phá ấp chiến lược, diệt địch, giành dân, đánh bại các chiến thuật "trục thẳng vận" và "thiết xa vận" của địch.

Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về công tác binh vận trong thời kỳ này tập trung vào những nhiệm vụ sau đây:

+ Vận động binh sĩ, nhất là thanh niên chiến đấu, dân vệ, chính quyền thôn, ấp cùng nhân dân chống việc hành quân, cần quét gom dân lập ấp chiến lược. Xây dựng và phát triển cơ sở trong binh, tề ngụy, hỗ trợ và cùng lực lượng quần chúng nổi dậy, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, phá ấp chiến lược, mở mang, giải phóng nông thôn đồng bằng.

+ Đẩy mạnh việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, tiếp tục vận động, giáo dục, tổ chức gia đình binh sĩ và nhân viên ngụy quyền Sài Gòn để họ tích cực tham gia vào các cuộc đấu tranh chính trị chống lập ấp, gom dân, chống bắt lính, hành quân, cần quét; lôi kéo con em đi lính trở về sum họp với gia đình, làm hao mòn và tan rã lực lượng địch, nhất là ở cơ sở.

+ Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở trong hàng ngũ địch, nhất là nắm liên gia trưởng, thanh niên chiến đấu, dân vệ, bảo an, sử dụng họ vào việc diệt ác, phá ấp chiến lược, hỗ trợ đưa nhân dân trở về quê cũ.

+ Xây dựng, củng cố bộ máy làm công tác binh vận của tỉnh, huyện, thị xã, xây dựng cán bộ binh vận hợp pháp để thường xuyên liên lạc, nắm tình hình và chỉ đạo cơ sở nội tuyến trong binh lính hành động.

+ Phải bằng kết hợp 2 chân, 3 mũi giáp công để phá tan ấp chiến lược, giải phóng nông thôn đồng bằng và đánh bại các cuộc hành quân với các chiến thuật “trục thẳng vận” và “thiết xa vận” của địch.

+ Đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn, các trường học; kết hợp với phong trào đấu tranh của Phật giáo ở miền Nam chống Diệm, tranh thủ thời cơ, phát triển lực lượng cách mạng trong vùng địch, phát động phong trào quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm, làm cho khủng hoảng chính trị của địch càng trầm trọng. Nhân cuộc đảo chính Ngô Đình Diệm ngày 01-11-1963, phát động quần chúng truy tước, xử trị bọn ác ôn, bắt bọn cần lao nhân vị gây nợ máu... đưa phong trào đấu tranh chính trị, binh vận ở các thị trấn, thị xã lên cao.

+ Vận dụng 2 chân, 3 mũi giáp công để tấn công địch, giải phóng nông thôn, bảo vệ vùng giải phóng, đồng thời giữ vững thế hợp pháp, tạo thuận lợi cho việc đi lại làm ăn của nhân dân, tạo thế hợp pháp trao đổi giữa hai vùng, hạn chế sự đánh phá và bao vây kinh tế của địch.

III- HOẠT ĐỘNG BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY

Bước vào thời kỳ 1960 - 1965, công tác binh vận của tỉnh có nhiều tiến bộ và đạt nhiều thành tích, thể hiện trên các mặt sau đây :

1- Tỉnh ta đã xây dựng được Ban binh vận của tỉnh và các huyện. Ở tỉnh đã có cấp ủy viên phụ trách ⁽¹⁾,

(1) Ở tỉnh có đồng chí Nguyễn Tấn Viên (tức Châu) Tỉnh ủy viên phụ trách từ năm 1960 - 1961, sau đó đồng chí Lê Chí Thống là Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách từ cuối năm 1961 đến 1963, đồng chí Lâm Trường Thắng - Phó ban, đến năm 1967 đồng chí Lâm Trường Thắng, Tỉnh ủy viên, làm Trưởng ban.

các huyện từ 1961 đến 1962 đều đã có Ban binh vận huyện. Ngay sau khi thành lập đơn vị thị xã, thì tháng 7-1965 cũng có Ban binh vận của thị xã, có Thị ủy viên phụ trách.

Thời kỳ này các đội vũ trang tuyên truyền về binh vận, các tổ nội tuyến, các tổ binh vận hợp pháp lần lượt ra đời và dần dần hoạt động có nề nếp, được huấn luyện, bồi dưỡng về nghiệp vụ.

2- Hoạt động binh vận đã góp phần quan trọng trong phong trào đồng khởi lần thứ nhất từ năm 1961 đến năm 1962. Đồng bào nông thôn trong tỉnh đã nổi dậy phá banh hàng loạt các ấp chiến lược, giải phóng nhiều vùng rộng lớn ở tây và đông huyện Bình Sơn, tây Sơn Tịnh, tây Tư Nghĩa, tây nam Nghĩa Hành, tây Mộ Đức, Đức Phổ.... Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo các cấp ủy khi mở ra đến đâu thì xây dựng chính quyền tự quản xã, thôn đến đó.

Các đơn vị vũ trang của tỉnh, huyện kết hợp với nổi dậy của quần chúng đã đánh 765 trận lớn nhỏ, diệt 1.273 tên địch (có 13 tên cố vấn Mỹ), làm bị thương 753 tên khác, bắn cháy 12 xe quân sự, diệt và bắt sống 2.729 tên ác ôn, làm rã nhiều trung đội dân vệ, thu 125 súng. Đã có hàng trăm dân vệ mang súng về với nhân dân, trong đó có một số tham gia vào lực lượng vũ trang cách mạng ⁽¹⁾.

(1) Tư liệu lấy trong "Quảng Ngãi, lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm, 1945 - 1975" Nhà xuất bản tổng hợp Nghĩa Bình tháng 4/1988 trang 224.

Chỉ tính riêng tháng 2-1962 ở Quảng Ngãi đã có 150.000 dân ở 135 thôn của 28 xã thuộc các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành đã nổi dậy bắt 272 tên ác ôn, thu 147 súng, giành quyền làm chủ, xây dựng làng chiến đấu ⁽¹⁾.

Có một số vụ tiêu biểu về kết hợp 3 mũi giáp công giành thắng lợi, hiệu quả cao như :

Tại xã Nghĩa Lâm của huyện Tư Nghĩa, ta chỉ có 6 đồng chí của đội công tác và 6 đồng chí trong lực lượng vũ trang của tỉnh, nhưng nhờ ta xây dựng được cơ sở bên trong làm nội ứng, kết hợp với lực lượng nổi dậy của quần chúng, ta đã diệt tên ác ôn Nguyễn Trọng ngay tại cột cờ của cơ quan ngục quyền xã vào lúc 7 giờ sáng ngày 10-1-1960, làm tan rã một trung đội dân vệ, một đại đội bảo an, một trung đội thanh niên chiến đấu và 1 trung đội công an.

Trung đội thanh niên chiến đấu được phát động, giáo dục và hầu hết thoát ly lên căn cứ, ta thu 42 súng, trong đó có 3 súng ngắn, 1 trung liên, một tiểu liên. Ta làm chủ hoàn toàn địa bàn trong ngày. Sau này địch kéo quân lên đóng, lóp lại, đóng đồn tại thôn 2. Đến năm 1962, nhờ nội ứng, ta đã diệt gọn một trung đội thanh niên chiến đấu tại nhà anh Lê Trung Kỳ, quần chúng nổi dậy làm chủ, giải phóng toàn xã Nghĩa Lâm. Tiếp đến ta triển khai, giải phóng các xã Tây Tư Nghĩa như Nghĩa Thắng, Nghĩa Thuận (1963), Nghĩa Kỳ (1964) chỉ

(1) Tư liệu theo Nam Trung bộ kháng chiến, trang 40 Nhà xuất bản Đà Nẵng 1991.

bằng lực lượng cơ sở bên trong là nghĩa quân, dân vệ cùng với lực lượng quần chúng nổi dậy và các đội công tác. Ta đã phá rã 4 trung đội dân vệ, 6 trung đội nghĩa quân. Trong số này có nhiều anh em mang súng chạy theo cách mạng, tham gia du kích và đi bộ đội.

Ở đồn Oản Phù Rù thuộc xã Sơn Trung huyện Sơn Hà, nhờ có cơ sở bên trong nội ứng, quần chúng nghi binh và hù dọa, làm địch sợ hãi, ban đêm phải tháo chạy. Ta bức rút đồn này mà không tốn một viên đạn. Cụ thể là theo sự chỉ đạo của huyện, trên 200 dân ở đây, ban đêm kéo ra bãi cát bên sông cạnh một đám mì, ở trước đồn. Nhân dân đi qua, đi lại dẫm chân lên bãi cát, để lại vô số dấu chân. Tiếp đó họ vào đám mì, bẻ lá mì lót ngồi, nằm hàng trăm chỗ. Sáng sớm họ cho người nhà của gia đình binh sĩ chạy lên báo cho tên đồn trưởng: "Hồi tôi cộng sản về đông quá, họ đi ở bãi cát và vào nghỉ ở đám mì, họ nói sắp tới họ sẽ lên thăm đồn các ông". Tên đồn trưởng hét lên: "Nói láo". Người nhà binh sĩ nói: "Tôi nói láo thì ông đi xem, có đúng không?". Tên đồn trưởng dẫn một số lính đi đến xem tận nơi. Nó thấy dấu chân và lá mì trải nằm la liệt. Sợ quá, nửa đêm, nó rút chạy, bỏ đồn.

Ngày 13-6-1962, một tiểu đội dân vệ ở xã Phổ Nhơn, huyện Đức Phổ được ta vận động đã chống lệnh đối quân, nổi dậy làm binh biến, mang về 11 súng. Có thể nói đây là đơn vị đầu tiên đã làm binh biến và rã ngũ tập thể, kéo ra tham gia lực lượng vũ trang giải phóng. Ngày 20-10-1962 một trung đội dân vệ ở huyện Sơn Hà do

trung sĩ Đinh Xúa làm trung đội trưởng đã cùng với 3 tiểu đội trưởng và 24 binh sĩ nổi dậy diệt 2 tên ác ôn, làm bị thương 2 tên khác, mang về 11 súng và 1044 viên đạn.

Cuối năm 1962, vừa tuyên truyền, xây dựng lực lượng, đội công tác của xã Phổ Ninh huyện Đức Phổ đã diệt tên Dương Lang là ác ôn khét tiếng trong huyện Đức Phổ. Việc diệt tên Lang đã gây chấn động trong nguy quyền các xã, ấp. Nhiều tên lần lượt ra đầu thú và xin được giao nhiệm vụ để lập công chuộc tội. Ta đã giáo dục và giao nhiệm vụ cho họ theo hình thức chính quyền hai mặt "xanh vỏ đỏ lòng" ở một số thôn, xã. Ở huyện Tư Nghĩa có anh Chín là trung đội trưởng dân vệ. Ta đã giáo dục, sử dụng anh và một số cơ sở trong đơn vị của anh để diệt tên Mây, ác ôn khét tiếng lúc bấy giờ. Vào lúc 9 giờ sáng của một ngày tháng 3 năm 1962, khi tên Mây đi về thôn Nam của xã Nghĩa Thắng để bắt dân đi rào lại bờ vì ấp chiến lược, đội công tác đã hóa trang, trà trộn vào đơn vị dân vệ của anh Chín và phục sẵn. Khi tên Mây vừa đến ngã ba xóm An Lạc thì mấy loạt súng nổ, tên Mây chết ngay tại chỗ. Đội công tác an toàn trở về đơn vị. Về phía địch tuy có nghi ngờ nhưng không có lý do để bắt cơ sở của ta.

Đặc biệt, tiêu biểu cho việc vận dụng phương châm "2 chân, 3 mũi giáp công" để giành quyền làm chủ, giải phóng quê hương là xã Phổ Hiệp của huyện Đức Phổ. Ngày 14-2-1962, đồng chí Quán (tức Trần Anh Tế) là Thường vụ Huyện ủy Đức Phổ phụ trách phía trước, đã triệu tập 4 cán bộ xã Phổ Hiệp. Đó là các đồng chí Trương

Kịch (mật danh Quả), Nguyễn Mậu (mật danh Nguyễn Tiến Thu), Thị Lễ (mật danh Mười Minh) và Lê Tín (mật danh Hùng) lên Thanh Sơn, xã Phổ Cường để nhận mệnh lệnh và kế hoạch nổi dậy. Tại đây, Ban đồng khởi xã Phổ Hiệp đã tuyên thệ trước cờ Mặt trận và đại diện Huyện ủy. Đúng 1 giờ sáng ngày 17-2-1962 ta cùng cơ sở nội ứng diệt 4 tên ác ôn gồm đoàn phó đoàn dân vệ xã, cảnh sát xã, bí thư phong trào cách mạng quốc gia và một dân vệ. Quần chúng nhất tề nổi dậy, làm chủ quê hương. Sau đó 85 thanh niên cộng hòa đã thoát ly gia nhập Quân giải phóng (trong đó có 23 người vào lực lượng vũ trang của huyện (đơn vị Ngọc Sơn và đơn vị Kim Sơn ở Nghĩa Hành), 52 người tham gia lực lượng vũ trang của tỉnh và sư đoàn 3, Quân khu V. Từ năm 1962 đến năm 1975 ở xã Phổ Hiệp không có ai đi lính cho địch, trừ 24 người do ta bố trí vào các loại lính để hoạt động nội tuyến.

Tính chung, trong năm 1962 đã có trên 200 ngàn lượt quần chúng đã nổi dậy, đập tan nguy quyền 136 thôn của 28 xã, giải phóng 151.221 dân, mở ra vùng giải phóng rộng lớn (tây đông Bình Sơn, tây Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ...)

Ta đã cải tạo, giáo dục 2.864 nhân viên nguy quyền của địch, giáo dục 750 lính dân vệ, bảo an, cải tạo 76 tù hàng binh, 663 binh sỹ bỏ hàng ngũ địch về nhà làm ăn, 52 nguy quyền xã, thôn ra đầu thú. Hơn 2.000 thanh niên trong tỉnh hái lên đường gia nhập Quân giải phóng. Ta đã thu mua được hàng trăm tấn gạo, muối, mắm chuyển lên căn cứ.

3- Binh vận kết hợp với chính trị và hoạt động vũ trang tấn công vào vùng địch, thị trấn, thị xã:

Đầu năm 1963, phong trào đấu tranh của nhân dân và tín đồ Phật giáo lên cao, đầu tiên là ở Huế rồi lan vào Đà Nẵng, Quảng Ngãi và các tỉnh miền Nam. Ngày 25-9-1963 cảnh sát, ngục quyền Sài Gòn bắt nhiều học sinh của các trường công lập và tư thục ở Quảng Ngãi, làm cho phong trào đấu tranh của đồng bào Phật tử càng lên cao, sục sôi. Tỉnh ủy chủ trương tranh thủ thời cơ phát động phong trào đấu tranh chính trị và binh vận vào vùng địch, làm cho khủng hoảng về chính trị của Mỹ - Diệm ngày càng trầm trọng.

Ngày 01-11-1963, đế quốc Mỹ phải thay ngựa giữa dòng, bầy trò "đảo chính", lật đổ Ngô Đình Diệm và đưa Dương Văn Minh lên làm Tổng thống để cứu vãn tình thế.

Tin cuộc đảo chính Diệm - Nhu ngày 01-11-1963 ở Sài Gòn đã lan ra nhanh chóng ở các tỉnh miền Trung. Ở Quảng Ngãi, lực lượng đảo chính đi lùng sục bắt bọn cầm đầu cần lao nhân vị, tỉnh trưởng, quận trưởng và phe cánh trung thành với Diệm - Nhu - Cần. Nhân lúc này, Tỉnh ủy chủ trương đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận; phát động, tổ chức quần chúng nổi dậy, xuống đường, truy bắt bọn ác ôn, phá bỏ các ấp chiến lược, đòi quyền tự do dân chủ. Vùng giải phóng và lòng kẹp trong tỉnh được mở rộng hơn.

Cuối năm 1964 đầu năm 1965, phong trào đấu tranh chống chế độ độc tài Nguyễn Khánh ở tỉnh ta diễn ra

sôi nổi. Các cuộc biểu tình của nhân dân và học sinh bị địch đàn áp. Tháng 10-1964 ở Quảng Ngãi và các tỉnh ven biển miền Trung từ Huế trở vào bị lụt lớn. Địch lợi dụng mưa to, lụt lớn cho trực thăng và xe lội nước đi càn quét, gom dân đưa vào ấp chiến lược. Bộ đội, du kích tổ chức cứu dân và bám làng chống càn quét quyết liệt. Lúc này ta sử dụng cơ sở nội tuyến trong nghĩa quân làm nội ứng và phát động nhân dân nổi dậy phá nhiều ấp chiến lược ở đông Sơn Tịnh. Cũng từ cuối năm 1964, đầu năm 1965, ta liên tục tấn công và nổi dậy mở nhiều mảng lớn ở Bình Sơn, Sơn Tịnh, đông Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ, Nghĩa Hành.

Tháng 5-1965 ta mở chiến dịch Ba Gia tấn công địch ở tây Sơn Tịnh, trọng điểm là Đồn Gò Cao và phối hợp để mở mảng đông và nam thị xã Quảng Ngãi, đông Tư Nghĩa, đông Mộ Đức, đông Đức Phổ...

Đêm 28 rạng ngày 29-5-1965 bộ đội địa phương huyện Sơn Tịnh tấn công vào 2 trung đội dân vệ ở ấp Diên Niên và 1 trung đội lính cộng hòa đóng ở Núi Chơ, xã Tịnh Sơn. Sau 10 phút chiến đấu, ta đã tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở đây. Bị mất vị trí chiến lược chốt giữ đoạn đường Sơn Tịnh đi Gò Cao và Sơn Hà, 6 giờ 45 phút ngày 29-5-1965, tiểu đoàn 1, trung đoàn 51 ngụy đóng ở Gò Cao kéo xuống giải tỏa. Sau 5 giờ chiến đấu, tiểu đoàn 1 chủ lực ngụy đã bị chủ lực ta tiêu diệt. Tên đại úy Ngọc, tiểu đoàn trưởng bị bắt sống, 2 cố vấn Mỹ phải đến tội. Nhân dân các xã Tịnh Sơn, Tịnh Minh, Tịnh Bắc nổi dậy, dùng gậy gộc, dao rựa, cùng bộ đội truy bắt 217 tù binh.

Đồn Gò Cao bị uy hiếp nặng nề, bọn Mỹ - nguỵ vội và điều động tiểu đoàn 39 biệt động nguỵ, là lực lượng cơ động vùng 1 chiến thuật ở Đà Nẵng vào thị xã Quảng Ngãi, rút tiểu đoàn 3 thủy quân lục chiến thuộc lực lượng tổng dự bị đang càn quét ở Đức Phổ và tiểu đoàn 2 của trung đoàn 51, thành lập chiến đoàn hỗn hợp với số quân 2.000 tên để đi giải tỏa, tạo điều kiện thay quân cho đồn Gò Cao. Vào lúc 14 giờ 40 phút ngày 30-5-1965 toàn bộ chiến đoàn dịch lọt vào đội hình phục kích của ta. Toàn bộ chiến đoàn hỗn hợp nguỵ đã bị tiêu diệt hoàn toàn vào chiều ngày 31-5-1965. Đây là một trận đánh tiêu diệt lớn quân nguỵ, có ý nghĩa lịch sử, đánh mốc sự phá sản hoàn toàn chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ. Phối hợp trận đánh Ba Gia, quân chúng ở tây Sơn Tịnh đã nổi dậy bắt những tên lính nguỵ chạy trốn và ngăn chặn không cho dịch kéo lên Ba Gia. Khi dịch cho quân kéo lên chỉ viện, cán bộ binh vụ hợp pháp đã vận động, giáo dục và cho 5 binh sĩ được giáo dục chạy xuống. Trên đường bọn lính kéo lên, 5 binh sĩ này gặp và nói: "Các anh không nên lên tiếp viện nữa vì quân giải phóng rất đông, rất mạnh, họ sẽ tiêu diệt hết quân chủ lực của quốc gia". Hoảng sợ, tiểu đoàn chủ lực này qua đến ngã ba Sơn Tịnh rồi rút về, không dám đi tiếp viện nữa. Phát huy chiến thắng Ba Gia, trong tháng 6-1965 hơn 200.000 nhân dân ở khắp các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Trà Bồng đã nổi dậy phá banh các ấp chiến lược, giành quyền làm chủ thêm 29 xã.

Đặc biệt, liền sau chiến thắng Ba Gia thì có hơn 10 vạn nhân dân ở các huyện tràn về thị xã Quảng Ngãi và các huyện ly loan tin chiến thắng, kêu gọi binh sĩ bỏ ngũ, dừng đi lính đánh thuê cho giặc Mỹ. Tại thị xã Quảng Ngãi, hàng nghìn đồng bào trong đó có nhiều gia đình binh sĩ kéo đến bao vây cơ quan ngục quyền, doanh trại đòi chồng, con. Họ kéo lên sân bay Quảng Ngãi, nơi để xác chết của binh sĩ trong trận Ba Gia để tìm xác chồng, con. Nhiều người trong gia đình binh sĩ đội khăn tang bông bế con nhỏ, lăn khóc thảm thiết. Họ đi đến các bệnh viện, các doanh trại của quân ngục để đòi bồi thường nhân mạng, đòi xác chồng con và kêu gọi binh lính còn sống về sum họp với gia đình, vợ con, gây náo động cả thị xã và làm cho binh lính, ngục quyền ở Quảng Ngãi càng thêm lo sợ, lúng túng.

4- Binh vận đã chú ý giáo dục, phát động tổ chức gia đình binh sĩ tham gia công tác đấu tranh chính trị, vận động binh sĩ :

Đội ngũ làm công tác binh vận sử dụng nhiều hình thức từ vận động, giáo dục lễ tế đến việc mở các lớp cho gia đình binh sĩ được hiểu về tình hình trong nước, trong tỉnh, về chính sách của Mặt trận Dân tộc giải phóng đối với những binh sĩ, sĩ quan có công trong việc đưa tin, nội ứng, binh biến. Những binh sĩ đào rã ngũ được tạo điều kiện trở về quê hương sum họp với gia đình. Tại các lớp học, cán bộ binh vận nêu gương các gia đình binh sĩ đã vận động chồng con bỏ hàng ngũ địch trở về với nhân dân. Nhiều gia đình binh sĩ đã nêu cao lòng yêu

nước, trụ bảm, sản xuất, tham gia đóng góp cho cách mạng.

Chỉ tính riêng trong năm 1965 ta đã liên hệ, vận động tổ chức nhiều lớp học tập cho 4.915 người trong gia đình binh sĩ. Trong số này đã có trên 2.000 người hăng hái cùng với nhân dân ở địa phương tham gia các cuộc đấu tranh chính trị, binh vận chống địch hành quân càn quét, đốt phá, chống bắt lính. Nhiều gia đình binh sĩ đã vận động chồng, con, anh, em của mình bỏ hàng ngũ địch trở về với gia đình hoặc tham gia công tác cách mạng bằng cách làm cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch. Ở huyện Đức Phổ, nhiều gia đình binh sĩ đã vận động lôi kéo được 150 binh sĩ là con em của mình đào ngũ về nhà làm ăn. Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban binh vận tỉnh, huyện đã phối hợp, tổ chức "Đại hội gia đình binh sĩ yêu nước" hoặc ở từng thôn, xã các cuộc "Hội nghị các gia đình binh sĩ". Tại các đại hội, hội nghị này, Ban lãnh đạo hội nghị đã báo cáo kết quả vận động, lôi kéo binh sĩ về vùng giải phóng, tham gia lực lượng vũ trang cách mạng.

Tại các đại hội, hội nghị, các gia đình binh sĩ đã cùng cam kết :

a- Bằng mọi cách để vận động chồng, con, em còn đi lính địch trở về.

b- Gia đình binh sĩ tích cực hưởng ứng phong trào nổi dậy cùng nhân dân phá ấp chiến lược trở về làng cũ làm ăn.

c- Gia đình, tộc họ, xóm làng ký dứt điểm không còn người đi lính cho địch; thực hiện xã, thôn “dứt điểm về binh vận”.

Từ năm 1964 trở đi, Đại hội gia đình binh sĩ được tổ chức hàng năm ở nhiều xã, thôn giải phóng trong tỉnh.

5- Ngành binh vận đã phối hợp với các ngành ở tỉnh, huyện, xã, thôn tổ chức các cuộc tiếp xúc trực tiếp với binh lính, sĩ quan địch, đặc biệt trong các dịp tết, vui xuân:

Cứ mỗi dịp xuân về, theo mệnh lệnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam về việc “ngừng bắn”, nhân dân các vùng ở miền Nam vui tết, đón xuân. Thời gian hòa bình tuy ngắn ngủi nhưng ta đã tổ chức các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ, tặng quà cho sĩ quan, binh sĩ, tạo ra quan hệ tốt đẹp giữa những người cùng chung đất nước, quê hương, dân tộc... Các cuộc vui xuân với những trò chơi như hát sắc bùa, múa dân tộc, bài chòi, lô tô, bắn cung, kéo co, vật...dậm đà bản sắc dân tộc có tác động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm của nhiều binh sĩ. Một bà mẹ ở Đức Phổ thấy một sĩ quan ngồi gần một em thiếu nhi liền nói : “Anh em cùng một dòng máu, sao nỡ giết nhau”. Sĩ quan nói : “Thưa mẹ, con bị bắt buộc chứ không muốn, có dịp con sẽ trở về”.

Trong các ngày xuân, ta còn tổ chức các điểm ca nhạc, nói lên lòng yêu quê hương, đất nước và tình cảm của nhân dân với Bác Hồ, với sự nghiệp cách mạng và chiến sĩ. Qua đó dần dần nhiều binh lính, sĩ quan hiểu

rõ hơn về những con người kháng chiến. Nhiều binh sĩ đã hứa không bắn giết, hãm hiếp, cướp bóc và sẽ tìm cách bỏ ngũ trở về quê hương, góp phần chống Mỹ. Mỗi điểm tổ chức vui xuân là một hoạt động có tổ chức, có kế hoạch, bảo đảm an toàn cho nhân dân và binh sĩ ở các đồn, bót ra vui xuân. Tết năm 1965, ta đã tổ chức vui xuân, có thư hoặc qua các cơ sở hợp pháp mời binh sĩ, sĩ quan ở các đồn, bót hoặc từ vùng địch ra vui xuân với nhân dân vùng giải phóng. Nhiều địa phương, chị em phụ nữ, các mẹ, thiếu nhi đã có quà tặng cho binh sĩ ra ăn tết, tạo quan hệ tốt giữa nhân dân với binh lính. Việc tổ chức vui xuân còn có tác dụng tạo mối quan hệ giữa hai vùng. Nhiều người từ vùng địch, hoặc những người bỏ quê ra đi khi cách mạng mới đến nay có dịp về lại, thấy rõ sự tiến bộ và ưu việt của vùng do cách mạng kiểm soát. Đây còn là mối liên hệ qua lại giữa hai vùng, tạo thế hợp pháp cho nhân dân đi lại sản xuất, trao đổi hàng hóa, địch khó đánh bằng cách chia tuyến để đổ bom đạn lên vùng ta.

6- Công tác binh vận đã thực hiện tốt các chính sách đối với tù binh và gia đình binh sĩ, tạo ra tác động mạnh mẽ, tích cực trong việc vận động binh, tề, ngụy đào rã ngũ, hoặc hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy, tấn công địch, mở rộng vùng giải phóng:

Thời kỳ từ 1960 - 1965 qua các đợt tấn công và nổi dậy của quần chúng, ta đã bắt được nhiều tù binh và tề, ngụy. Mặc dù còn nhiều khó khăn, tỉnh đã tổ chức 3 trại tù binh, tiến hành giáo dục, cải tạo 2.243 tù binh, tề, ngụy. Trong điều kiện thiếu thốn, việc chăm sóc tù hàng

binh khá tốt. Anh em các trại đã tổ chức sản xuất, mang công hàng hóa, tổ chức việc học nghề, học văn hóa cho tù hàng binh, kết hợp với việc học tập tình hình và chính sách khoan hồng, nhân đạo của Mặt trận. Ta còn cho gia đình tù hàng binh đi thăm, đem quà cho họ và động viên tù binh học tập tiến bộ.

Nhân dịp tết 1965, ta đã phóng thích 49 tù hàng binh. Trong số này có một số người tình nguyện ở lại vùng giải phóng, tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Vào dịp 20-12-1965, kỷ niệm 5 năm thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, ta đã phóng thích 14 sĩ quan ngụy, trong đó có đại úy Ngọc, sĩ quan bị bắt ở trận Ba Gia. Cảm kích trước chính sách khoan hồng, nhân đạo của Mặt trận, số sĩ quan này đã mang bằng, cờ Mặt trận đi vào thị xã Quảng Ngãi và nói với đồng bào rằng Mặt trận là đúng, là tốt. Việc này đã có ảnh hưởng nhiều đến hàng ngũ địch ⁽¹⁾.

Nhờ ta giáo dục dạy chữ, dạy nghề nên nhiều người khi ra khỏi tù đã ổn định việc làm ăn, sinh sống. Ai ở lại vùng giải phóng thì ta giúp đỡ công ăn việc làm. Có những người lính không biết chữ, bị bắt vào trại, được học chữ, đã viết thư gửi về cho gia đình, vợ, con, do đó có tác động rất lớn đến gia đình họ và số binh sĩ khác còn ở hàng ngũ địch.

Nhờ thực hiện tốt chính sách tù binh, nên việc đào thải ngụy ngày càng nhiều, hoặc khi gặp quân giải phóng tấn công thì nhiều binh sĩ đã nhanh chóng đầu hàng.

(1) Theo tư liệu tổng kết của Ban binh vận Quân khu V

Theo số liệu chưa đầy đủ chỉ tính từ năm 1962 đến năm 1965 đã có 9.947 lính đào rã ngũ lẻ tẻ, 305 trung đội dân vệ, thanh niên tân trang đào rã ngũ tập thể, 3.740 tể ngục từ xóm ấp đến xã đã đầu hàng. Trong số binh sĩ ra rừng giải phóng đã có trên 1.200 binh sĩ tham gia lực lượng vũ trang, du kích xã thôn, hoặc phục vụ các công tác khác của cách mạng.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY

1- Về ưu điểm :

a- Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, hướng dẫn về công tác binh vận cụ thể hơn. Qua từng giai đoạn, Tỉnh ủy đã đánh giá, rút kinh nghiệm và có phương hướng nhiệm vụ kế hoạch cụ thể, chặt chẽ hơn đối với tấn công về binh vận.

b- Ban binh vận tỉnh đã được thành lập, có cấp ủy viên chuyên trách, có cán bộ chỉ đạo bất hợp pháp và hợp pháp, có các đội vũ trang tuyên truyền chuyên trách về binh vận.

c- Hoạt động binh vận đã đem lại kết quả to lớn trong các mặt :

- Tuyên truyền tấn công về tư tưởng, làm tan rã, đào ngũ nhiều binh, tể ngục.

- Đã giáo dục, xây dựng nhiều cơ sở trong binh sĩ ngục, trong đó có nhiều cơ sở hành động làm binh biến,

diệt ác, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng, nhất là ở đồng bằng (1961, 1964 và 1965), được Khu ủy V đánh giá là một tỉnh khá.

d- Lực lượng làm công tác binh vận từ các đồng chí bất hợp pháp đến hợp pháp hoạt động tích cực, có nề nếp, trực tiếp với binh sĩ, tề ngụy, dùng cảm hám sát đối tượng vận động, gặp gỡ nói chuyện, phát loa tuyên truyền vào đồn địch. Có đồng chí đã hy sinh anh dũng hoặc bị địch bắt, tra tấn tù đầy vẫn trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhiều đồng chí nay mang thương tật.

d- Đã vận động, tổ chức tuyên truyền, giáo dục được nhiều gia đình binh sĩ, qua đó huy động họ vào việc vận động, giáo dục, lôi kéo chống, con, em đào rã ngũ, chống lệnh đi càn quét, khủng bố nhân dân, chống bắt lính hoặc làm binh biến diệt ác ôn, kéo ra vùng giải phóng. Từ năm 1965 ta đã có tổ chức đại hội gia đình, binh sĩ, vận động cùng nhau cam kết gia đình, dòng tộc, thôn, xóm, xã không có người đi lính cho địch.

e- Công tác binh vận đã có nhiều hình thức đa dạng, phong phú, có tác dụng và thích hợp với các đối tượng binh sĩ, tề ngụy.

2- Về khuyết điểm :

Tuy đã có những kết quả to lớn có thể nói là vượt trội so với thời kỳ trước nhưng vẫn còn một số khuyết, nhược điểm đó là :

a- Nhận thức về công tác binh vận còn chưa thật sâu sắc, nhất là ở cơ sở và các đoàn thể.

b- Hoạt động binh vận chưa trở thành một phong trào mạnh mẽ, đều khắp của quần chúng. Việc kết hợp hoạt động binh vận với đấu tranh chính trị, vũ trang có lúc, có nơi còn chưa nhịp nhàng nên kết quả tấn công, nổi dậy còn hạn chế.

c- Cơ sở nội tuyến trong sĩ quan và binh, tề nguỵ còn ít, nhất là trong quân chủ lực. Sử dụng cơ sở nội tuyến có lúc chưa thỏa đáng, còn sử dụng non, chưa có nội tuyến chiến lược lâu dài trong sĩ quan và nguỵ quyền các cấp.

C- CÔNG TÁC BINH DỊCH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

I- TÌNH HÌNH, ÂM MƯU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH :

Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” bị phá sản, trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn của nguỵ quyền Sài Gòn, đế quốc Mỹ đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam và tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Mục tiêu của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” là :

- Tập trung lực lượng tìm diệt chủ lực quân giải phóng và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến ở miền Nam.

- Ra sức “bình định nông thôn” quét sạch cơ sở cách mạng, tiêu diệt chiến tranh du kích.

- Tăng cường chiến tranh phá hoại miền Bắc, chặn đứng sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam.

Tướng Mỹ Oet-mô-len đề ra kế hoạch 3 giai đoạn chiến tranh ở miền Nam như sau:

- *Giai đoạn 1:* Từ tháng 7-1965 đến cuối năm 1965 củng cố thế và lực lượng nguy quân, nguy quyền, phá cuộc tiến công mùa mưa của ta, đồng thời gấp rút triển khai đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam.

- *Giai đoạn 2:* Từ đầu năm 1966 đến tháng 6-1966 mở cuộc tiến công lớn, tiêu diệt chủ lực quân giải phóng, phá chiến tranh du kích, trên cơ sở đó giành lại quyền chủ động chiến lược và tiến hành “bình định”.

- *Giai đoạn 3:* Từ tháng 7-1966 đến hết năm 1967 mở các cuộc hành quân lớn “tiêu diệt” chủ lực ta, “bẻ gãy xương sống Việt cộng” là biện pháp chủ yếu quyết định thắng lợi của chiến lược “Chiến tranh cục bộ”.

Triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Lầu Năm góc đã ồ ạt đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam.

Trên chiến trường Khu V, Mỹ tiến hành xây dựng căn cứ Chu Lai và các sân bay quân sự tại các tỉnh. Tháng 3-1965 lính Mỹ đổ bộ vào Chu Lai. Đến tháng 10-1965 đã có 3 sư đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ và liên

đoàn không vận số 1, sư đoàn dù 101, lữ đoàn dù 173, sư đoàn kỵ binh bay số 1, cùng với sư đoàn Mạnh Hổ, sư đoàn Bạch Mã và lữ đoàn Rừng Xanh của Nam Triều Tiên.

Ở Quảng Ngãi, tháng 5-1965, Mỹ đưa một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ đổ quân chiếm đóng núi Bầu Đá, núi Đất thuộc xã Bình Thạnh và những điểm cao khác ở các xã Bình Chánh, xã Bình Đông huyện Bình Sơn để án ngữ phía nam căn cứ Chu Lai và khống chế toàn bộ phía đông bắc của huyện Bình Sơn. Chúng tiến hành cày ủi các xã nói trên thành vùng trắng và thường xuyên dùng tàu, thuyền chiến đấu đi tuần tra kiểm soát dọc theo ven biển, ven sông quanh vùng này.

Từ chỗ chỉ quen đánh với quân nguy, nay có thêm quân Mỹ và chư hầu ồ ạt đổ vào với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại, lúc đầu một số cán bộ, đảng viên và nhân dân lo ngại ác liệt và băn khoăn làm sao có thể vận động, dịch vận đối với lính người nước ngoài.

Tỉnh ủy đã kịp thời lãnh đạo, giải quyết tư tưởng khúc mắc, chỉ đạo cho Huyện ủy Bình Sơn và cán bộ đảng viên trong tỉnh phải kiên cường trụ bám, tấn công địch.

Quân dân Bình Sơn, nhất là bộ đội và du kích ở các xã tiếp giáp với căn cứ Chu Lai đã kiên quyết đánh bại ngay từ đầu các đoàn tuần tiểu và hành quân của Mỹ. Ngày 7-6-1965 ca nô của giặc Mỹ đi tuần vừa cập bến Tân Hy thuộc xã Bình Đông đã bị tổ du kích Bình Đông chặn đánh bắn chìm một chiếc, diệt 7 tên, thu 1 súng

tiểu liên, số còn lại bỏ chạy. Sau đó bộ đội huyện và du kích các xã đã đánh bại 5 cuộc càn quét của quân Mỹ khi chúng vừa đặt chân qua sông Trà Bồng vào vùng giải phóng, diệt xe tăng M 113, bắt sống lính Mỹ, thu nguyên cả xe Jeép. Bình Sơn đã trở thành tuyến đầu chống Mỹ, nơi đây đã hình thành "vành đai diệt Mỹ". Bất chấp giặc Mỹ tàn bạo đốt phá nhà cửa, tàu thuyền đánh cá, triệt hạ phương tiện sinh sống, nhân dân Bình Sơn có câu ca:

"Giặc đốt nhà lớn, ta làm lại lều tranh

Giặc đốt ghe, mình, sắm thùng đi câu"

Đặc biệt, trận đánh thắng Mỹ lớn đầu tiên của quân dân miền Nam diễn ra tại Vạn Tường thuộc xã Bình Hải huyện Bình Sơn vào ngày 18-8-1965. Quân và dân ta đã đập tan cuộc hành quân "Ánh sáng sao" của trên 8.000 quân Mỹ, loại khỏi vòng chiến 919 tên, bắn cháy 22 xe tăng, xe bọc thép, bắn rơi 13 máy bay. Đây là chiến thắng lớn mang ý nghĩa lịch sử, chứng minh khả năng quân và dân miền Nam có thể đánh thắng hoàn toàn quân xâm lược Mỹ.

Vào mùa khô 1965 - 1966, đế quốc Mỹ mở cuộc hành quân "Điều hầu dôi" với lực lượng lớn gồm 5 tiểu đoàn quân Mỹ và 8 tiểu đoàn quân chủ lực ngụy đánh vào huyện Đức Phổ, Ba Tư từ ngày 1-2 đến ngày 18-2-1966. Bộ đội huyện và du kích các xã đã trụ bám, dũng cảm và mưu trí, linh hoạt chống càn thẳng lợi, diệt gần 1.500 tên địch, bắn rơi 28 trực thăng. Nhân dân của 15 xã

trong huyện Đức Phổ đã đấu tranh trực diện với lính Mỹ chống đốt nhà, đòi cứu chữa những người bị thương và tranh thủ vận động, kêu gọi binh sĩ ngưng theo Mỹ giết hại đồng bào mình ⁽¹⁾. Cùng thời gian này ta đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn quân ngụy ở tây Sơn Tịnh và tiêu diệt 1 tiểu đoàn quân Mỹ ở Gò Sỏi huyện Bình Sơn và diệt gọn 1 tiểu đoàn quân ngụy ở xã Hành Thịnh.

Ngày 20-8-1966, Mỹ đưa lữ đoàn lính thủy đánh bộ Nam Triều Tiên mang tên “Rồng Xanh” khét tiếng man rợ vào Quảng Ngãi. Lữ đoàn này đến đóng các chốt điểm ở 2 huyện Bình Sơn và Sơn Tịnh. Vào cuối năm 1966, toàn bộ quân địch trên đất Quảng Ngãi tăng lên gấp 6 lần so với năm 1965. Có những nơi như huyện Bình Sơn, trung bình cứ 8 người dân có 1 lính địch. Đây là thời điểm ở Quảng Ngãi có quân số địch đông nhất.

Với số quân đông và trang bị hiện đại, lính Mỹ, chư hầu và ngụy tiến hành càn quét, đốt phá, cướp bóc liên miên, gây nhiều tội ác trời không dung đất không tha đối với mọi nơi trên đất Quảng Ngãi.

Trong 2 ngày 5 và 6-12-1966, lữ đoàn Rồng Xanh đã gây ra một vụ thảm sát đẫm máu. Chúng đã giết chết một lúc hơn 400 đồng bào ở xã Bình Hòa, huyện Bình Sơn mà hầu hết là phụ nữ và trẻ em. Dã man hơn nữa là vụ thảm sát Sơn Mỹ (Tịnh Khê) vào ngày 16-3-1968

(1) Tư liệu lấy trong tập Nam Trung bộ kháng chiến, trang 64, NXB Đà Nẵng

của lính Mỹ thuộc sư đoàn không vận số 1. Chỉ vào 1 buổi sáng chúng đã giết 504 đồng bào ta, trong đó có 182 phụ nữ, 173 thiếu nhi (trong số này có 56 cháu bé chưa đầy 5 tháng tuổi). Hành động của lính Mỹ bộc lộ đầy đủ bản chất của một đội quân xâm lược mất hết tính người mà Mỹ thường rao vì “nhân quyền” và vì Việt Nam.

II- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY

Trước tình hình mới, ngày 25-3-1965 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa III) đã dự kiến: “Địch có thể dốc toàn lực mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam bằng chính quân Mỹ và chư hầu, đồng thời tăng cường đánh phá miền Bắc thường xuyên trên phạm vi rộng hơn gây cho ta nhiều tổn thất lớn hơn. Tình hình đó sẽ làm cho tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh tăng lên gấp bội. Tuy nhiên đế quốc Mỹ sẽ không sao đảo ngược được thế chiến lược hiện nay ở miền Nam. Bởi vì chúng đang ở thế thua, bị động về chiến lược và thất bại về chính trị, bị cô lập cao độ, cả trong nước và trên thế giới, trong khi ta đang trên đà chiến thắng, ở thế chủ động và được nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới đồng tình ủng hộ ⁽¹⁾.”

Sau chiến thắng Vạn Tường, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (khóa III) ngày 27-12-1965 đã kết luận “Quân và dân miền Nam hoàn

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, NXB Sự thật Hà Nội, trang 226.

toàn có khả năng tiêu diệt những đơn vị tinh nhuệ nhất của quân viễn chinh Mỹ, tiêu diệt những đơn vị ngày càng lớn của quân chủ lực ngụy. Trong tình hình mới vẫn kiên quyết tiến lên, càng đánh càng mạnh và cuối cùng nhất định đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới của đế quốc Mỹ ⁽¹⁾.

Trên cơ sở đánh giá phân tích tình hình, Khu ủy V đã xác định chủ trương nhiệm vụ của công tác binh vận trong giai đoạn này là :

Công tác binh vận phải tấn công vào cả 2 đối tượng quân ngụy, quân Mỹ và chư hầu. Vận động quân đội Mỹ trở thành quan trọng cấp thiết, vận động quân ngụy là công tác chiến lược vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định cho toàn bộ công tác binh địch vận ⁽²⁾.

Ngày 2-5-1965, Bộ Tư lệnh Quân khu V chỉ thị cho lực lượng vũ trang các tỉnh : “Chuẩn bị tư tưởng cho bộ đội trực tiếp chiến đấu với các đơn vị quân Mỹ” và khẳng định “Việc tiêu diệt từng đơn vị quân Mỹ có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với chiến trường miền Nam mà còn có ý nghĩa quốc tế, không chỉ có ý nghĩa chiến thuật mà còn có ý nghĩa chiến lược” ⁽³⁾.

Ở Quảng Ngãi, tháng 5-1965, Tỉnh ủy có chủ trương “Ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch kể cả quân

(1) Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước tập 2, trang 18 (NXB Sự thật).

(2) Dự thảo lồng kết công tác binh vận trên chiến trường Khu V trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trang 38.

(3) Quảng Ngãi - lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975) - sách đã dẫn, trang 252.

Mỹ và chư hầu Nam Triều Tiên, đẩy mạnh chiến tranh du kích đều khắp, mạnh mẽ. Tích cực chống càn quét, lấn chiếm để lập vành đai trắng “bình định” nông thôn kiên quyết giữ vững và khôi phục vùng giải phóng”⁽¹⁾.

Về công tác binh vận, Tỉnh ủy chủ trương “Chú ý trước mắt là tổ chức đấu tranh trực diện tại thôn, xã để chống địch càn quét. Bám chắc ruộng vườn, nhà cửa, tài sản, bảo vệ cho kỳ được tính mạng, tài sản của nhân dân tại địa phương. Ra sức xây dựng đội ngũ đấu tranh chính trị, binh vận tại xã, lãnh đạo thật tốt, chống chạy xà dùa, chống chiến tranh tâm lý của địch”⁽²⁾.

Khi bọn lính Mỹ, Nam Triều Tiên gây nhiều tội ác, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị, kêu gọi quân và dân trong tỉnh: “Biến đau thương thành hành động” thể “Xé xác Rồng Xanh, phanh thây giặc Mỹ”. Các địa phương và đơn vị vũ trang đều tổ chức lễ tuyên thệ trả thù cho đồng bào bị lính Nam Triều Tiên và giặc Mỹ sát hại. Mỗi chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, du kích xã, thôn đều chích máu của mình ký vào khăn tang và mang theo khi vào trận đánh.

Lãnh đạo công tác binh vận trong thời kỳ này Tỉnh ủy chủ trương:

+ Tổ chức công tác đấu tranh chính trị, binh vận ngay tại thôn xã, trụ bám đấu tranh trực diện với lính Mỹ và Nam Triều Tiên để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, chống “bình định” gom dân với khẩu hiệu: “Một tấc không đi, một ly không rời”.

(1) Nghị quyết Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 5/1965.

(2) Nghị quyết Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 5/1965

+ Ra sức tuyên truyền vận động binh sĩ người Việt trong quân đội ngụy thấy rõ dã tâm xâm lược của đế quốc Mỹ và tội ác của chúng đối với nhân dân ta và việc lính Mỹ đối xử không bình đẳng, coi thường sĩ quan, binh lính người Việt để nâng cao hành động chống đối Mỹ từ việc đào, rã ngũ đến phản chiến, binh biến, quay súng bắn vào giặc Mỹ trở về với nhân dân; vận động binh sĩ nhất là dân vệ, thanh niên, tân trang ủng hộ cuộc đấu tranh, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tranh thủ gia đình binh sĩ tham gia vận động chống con là lính lập công trở về với cách mạng, với gia đình, quê hương.

+ Bằng nhiều hình thức thích hợp để tiếp xúc với một số lính Mỹ, Nam Triều Tiên, làm cho họ dần dần hiểu được cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc ta, tranh thủ phiên dịch người Việt khi Mỹ và chư hầu đi hành quân để họ có cảm tình và giúp đỡ nhân dân, chống các tội ác của lính Mỹ và chư hầu.

+ Tổ chức việc học tiếng Anh trong thiếu niên và phụ nữ, trước hết là những vùng có căn cứ, chốt điểm của Mỹ và Nam Triều Tiên để phụ nữ và trẻ em dần dần có thể tiếp xúc, vận động lính Mỹ và Nam Triều Tiên; tổ chức in và phát các tài liệu, khẩu hiệu với sự giúp đỡ của chuyên gia Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên trong việc vận động, tuyên truyền, phát tin bằng tiếng Triều Tiên.

+ Kết hợp tấn công để tiêu hao, tiêu diệt địch di càn quét, cướp bóc ở vùng giải phóng với việc trừng trị những tên ác ôn, tể ngụy lưu vong, lợi dụng có quân Mỹ ngụy

đi càn để về làng “bình định”, gom dân, tuyên truyền xuyên tạc. Tiến hành 3 mũi giáp công ngay ở từng thôn xã và hình thành các vành đai bao vây, bức hàng, bức rút các đồn bót, chốt điểm của địch còn đóng ở vùng giải phóng.

+ Tiếp tục xây dựng cơ sở nội tuyến trong binh lính và sĩ quan ngụy; tổ chức bồi dưỡng về tình hình, nhiệm vụ, hướng dẫn công tác báo cáo tình hình, hoạt động phản chiến nội ứng cho cơ sở và đảm bảo bí mật để phục vụ lâu dài.

+ Tiếp tục tổ chức việc giáo dục, vận động gia đình binh sĩ, mở rộng việc đại hội gia đình binh sĩ ở các xã, đăng ký dứt điểm xã, thôn không còn người đi lính cho địch.

Tỉnh ủy đề ra khẩu hiệu để vận động binh sĩ, ngụy quyền Sài Gòn là :

- “Binh sĩ không đi càn, không đi cứu, không yểm trợ cho quân Mỹ và chư hầu”.

- “Quay súng cùng nhân dân chống Mỹ cứu nước”.

- “Trở về với gia đình, ruộng vườn, trở về với nhân dân và Tổ quốc” ⁽¹⁾.

Để triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đề ra, Tỉnh ủy chủ trương: “Mỗi ngành cần thiết phải cử một cán bộ có kinh nghiệm, tiếp tục xuống huyện từ 2 đến 3 tháng để giúp các huyện về công tác binh vận và củng

(1) Mấy vấn đề lớn cần xúc tiến trong năm 1966.

Tài liệu lưu tại Bộ phận Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

cố các ban đấu tranh chính trị và binh vận ở các huyện (1).

III. HOẠT ĐỘNG BINH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC "CHIẾN TRANH CỤC BỘ" (1965 - 1968)

Thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy, công tác binh vận trong thời kỳ này đã đóng góp rất lớn vào những nhiệm vụ sau:

1- Tuyên truyền, vận động làm tan rã nhiều lực lượng địch với qui mô ngày càng lớn :

Đế quốc Mỹ đưa quân vào trực tiếp xâm lược nước ta tuy có gây khó khăn cho ta bước đầu, nhưng khi ta càng đánh, càng thắng, Mỹ càng bị sa lầy, mâu thuẫn giữa lính ngụy với Mỹ càng gay gắt. Ta đã tác động vào tư tưởng binh sĩ ngụy, làm cho họ ngày càng chán ghét chiến tranh và căm thù đế quốc Mỹ.

Qua liên lạc của ta trong dịp Tết Nguyên đán đầu năm 1966 có 1.327 lính và sĩ quan ngụy ra vùng giải phóng ăn tết, vui xuân cùng với nhân dân, trong đó có 1 trung úy, 2 thiếu úy. Cán bộ, đồng bào ta, đặc biệt là các mẹ, các chị và các em thiếu nhi vây quanh trò chuyện. Nhiều binh sĩ, sĩ quan đã nói lên tình cảm của mình và thanh minh vì bị bắt buộc, chứ bản thân họ không muốn đi lính, bỏ vợ, bỏ con ở nhà. Sau đợt tết này đã có 275

(1) Báo cáo tình hình năm 1967 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi

Tài liệu lưu tại Bộ phận Lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

lính bỏ ngũ, trong số này có 143 lính cộng hòa, 31 bảo an, 67 dân vệ. Có 3 sĩ quan cấp úy. Đặc biệt trước và sau xuân Mậu Thân 1968, có hàng nghìn binh sĩ bỏ ngũ, về nhà làm ăn hoặc ra vùng giải phóng tham gia công tác cách mạng.

Tính chung từ cuối năm 1965 đến năm 1968 có 16.962 lính ngụy đào rã ngũ lẻ tẻ và có 16 đại đội, 49 trung đội, 3 đoàn binh định nông thôn đào rã ngũ tập thể. Có 37 vụ binh sĩ binh biến, nội ứng, diệt 353 ác ôn và 210 lính Mỹ.

2- Công tác vận động lính Mỹ và Nam Triều Tiên:

+ Việc vận động lính Mỹ nổi rõ nhất là ở các huyện Bình Sơn và Đức Phổ.

Tại Bình Sơn, lính Mỹ đóng ở các đồn, chốt thường hay đi hành quân, càn quét. Khi xuống làng chúng thường gặp phụ nữ và trẻ em. Đi đâu chúng cũng hỏi Vi-xi ⁽¹⁾ (VC) và được trả lời "No - VC" ⁽²⁾. Lâu ngày lên xuống thành quen. Chúng chơi thân với trẻ em. Nhiều lần trẻ em đá banh bằng trái bóng hoặc bằng lá chuối cột lại, Mỹ thấy thích, chúng đến xin các em cho được cùng chơi. Do vậy mỗi lần Mỹ càn tới là trẻ em, phụ nữ không chạy. Các em báo cho cán bộ, du kích biết để phòng hoặc chặn đánh. Định đi đến đâu, các em đi đến đó. Cuối năm 1967, Mỹ từ Chu Lai và các chốt điểm ở

(1) Việt cộng

(2) Không có Việt cộng

Bình Đông, Bình Thạnh đi càn vào các xã Bình Hòa, Bình Phú, Bình Châu. Tại thôn An Sen, An Huệ xã Bình Phú các em bám theo với lính Mỹ rất sát và báo tin cho cán bộ, du kích của ta ở trong rừng Bướm ở An Sen. Chiều đến, khi Mỹ rút, du kích bám theo đánh buộc chúng phải tháo chạy. Có lần tại Bình Châu, vào tháng 12-1968, Ban giáo dục tỉnh cùng với Ban giáo dục Khu V về làm lễ xóa nạn mù chữ của xã. Cán bộ, nhân dân về dự rất đông. Ta trang trí cờ Mặt trận, đèn, hoa rất đẹp. Sáng hôm sau Mỹ vào sớm. Các em chạy báo cho cán bộ và du kích biết. Ta nhanh chóng cất giấu cờ, khẩu hiệu và tài liệu, còn đèn, hoa, nổi niêu xoong cháo quá nhiều không dọn kịp. Khi một toán lính Mỹ trên 10 thằng đi vào. Chúng thấy hoa, đèn và những nổi cơm lớn (ta nấu sáng chưa kịp ăn) liền chỉ vào đấy hỏi: Vi-xi, các chị trong nhà dưới bếp chạy lên khoát tay và nói: No-Vi-xi. Sau đó các chị bung cơm, thịt đặt lên bàn thờ, thắp hương và cúng vái. Mấy thằng Mỹ lúc đầu lơ ngơ, sau đó hiểu ra cũng đứng vào sau các chị và vái theo các chị.

Ở Bình Sơn, tiêu biểu về vận động lính Mỹ và diệt Mỹ, có dũng sĩ Đoàn Văn Luyện. Em này đi theo chơi với lính Mỹ, khi chúng đi càn, đốt phá, em ngăn lại. Khi địch dự kiến đi ở đâu, em biết và báo cho du kích. Em còn trực tiếp gài mìn lên xe trên đường đi và diệt được nhiều tên Mỹ. Chị Ngô Thị Tuyết ở xã Bình Đông cũng là một chiến sĩ binh vận trong việc hợp pháp, vận động binh sĩ Mỹ.

Ở huyện Bình Sơn, cơ sở ta đã tiếp xúc vận động trên 400 tên Mỹ đòi hồi hương. Ở Nước Mặn (xã Bình Nguyên) một đơn vị lính Mỹ chống lệnh đi càn, bọn chỉ huy phải đưa về Chu Lai.

Ở Đức Phổ có em Trần Ngọc Âu, từ năm 1967 khi Mỹ đến đóng quân ở Đức Phổ và lập kho hậu cần ở Sa Huỳnh em đã chơi và quen với lính Mỹ, trong đó có một đại úy Mỹ nhận em làm con nuôi. Mỗi lần gia đình em có cúng giỗ, thì tên đại úy này cũng đến cúng, lay. Nhờ quen với đại úy này, em thâm nhập vào khu hậu cần, cùng với một số em thiếu nhi nắm tình hình hoạt động của địch, Âu và các em lấy lựu đạn, đạn để trang bị cho du kích xã Phổ Thạnh. Em Âu thường leo lên xe tăng hỏi tên Mỹ lái xe về cách lái và các bộ phận máy. Trong một trận hành quân của Mỹ, em đã lên gỡ một bộ phận trong chiếc xe tăng, khi chạy chiếc xe này bị hư. Có lúc em gài mìn vào tăng, khi hành quân bị nổ mìn, địch tưởng bị quân giải phóng đánh hư. Em được bầu là dũng sĩ diệt Mỹ. Năm 1970 em được cấp trên cho ra Bắc học tập. Như vậy nhờ các em giao tiếp mà nhiều lính Mỹ có cảm tình và ta hạn chế được việc chúng trực tiếp đi càn quét, đánh phá, giết hại nhân dân ta.

Ở vùng tây Sơn Tịnh, địch đóng quân tại núi Đất thuộc xã Tịnh Bình. Từ đồn này, lính Mỹ thường xuống chơi với trẻ em. Các em thường lấy được các chiếc dù hoa, pin về cho du kích. Có lần các em thấy chúng mãi mê vui chơi đã nhanh tay hốt cát bỏ vào nòng súng cối, làm cho súng cối không bắn được.

Tại Đức Phổ, một bà già xách hũ nước cơm để về cho heo ăn. Thấy Mỹ đi qua bà để hũ nước cơm dưới đất và đứng lại cản đường. Máy tên Mỹ đi qua, có tên đụng đổ hũ nước cơm của bà. Bà này nắm lấy áo của nó giằng co và bắt chúng phải bồi thường làm hạn chế việc lùng sục.

Tại xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, mùa hè năm 1968, Mỹ định xúc lúa của dân. Chúng cho máy bay trực thăng chở lính Mỹ đi lấy lúa. Mùa nắng lúa khô giòn, vàng óng. Lính Mỹ từ trực thăng nhảy xuống kéo ra hàng trăm chiếc bao gai đựng lúa. Đồng bào thấy vậy, gọi nhau : “Bà con ơi, Mỹ cướp lúa”. Mọi người trong xóm, thôn lần lượt chạy đến. Một tên Mỹ nói lơ lớ tiếng Việt: “Cho Hoa Kỳ mượn đỡ ít lúa ăn”. Đám đông đã có trên 200 người. Một bà mẹ nói: “Không có lúa, Hoa Kỳ đi hành quân bắn phá, làm ăn không được bao nhiêu, dân bị đói Hoa Kỳ thông cảm, không thể cho mượn được”. Một số cụ già nói tiếp: “Hoa Kỳ ăn bánh mì chứ không ăn lúa gạo như Việt Nam”. Tên sĩ quan Mỹ nói: “Hoa Kỳ ăn được gạo Việt Nam rồi”. Bà con kéo tới ngày càng đông. Người phiên dịch đi theo tỏ vẻ đồng tình và nói nhỏ: “Không cho nó mượn một hạt”. Bà con la lên: “Ngon thì các ông về Hoa Kỳ, mua mà ăn”. Thấy tình thế bất lợi, bọn Mỹ kéo lên máy bay chuẩn thẳng, để lại trên 100 chiếc bao.

Những cuộc đấu tranh trực diện có tinh thần đoàn kết cao như thế đã gây niềm tin cho nhân dân trong việc trụ bám trên quê hương theo chủ trương của Tỉnh ủy.

+ Đối với bọn lính Nam Triều Tiên : Lúc đầu lũ đoàn Rồng Xanh mới vào chúng rất hung hãn, đã tàn sát hàng loạt đồng bào ta, làm cho quần chúng khủng khiếp không thể hợp pháp, bỏ chạy xa đưa lên vùng giáp ranh. Do đó địch càng hung hăng đánh phá, gây cho ta nhiều khó khăn. Thường vụ Tỉnh ủy đã kiên định phương châm 2 chân, 3 mũi giáp công, lãnh đạo quần chúng trụ bám ruộng vườn và đấu tranh chính trị, bình vận ngay trên từng xã, thôn. Tỉnh ủy đã cử các đoàn cán bộ xuống các xã, nơi có chốt điểm lính Nam Triều Tiên để lãnh đạo quần chúng sản xuất. Ban ngày sản xuất không được thì làm ban đêm.

Mặc dù khó khăn, ác liệt nhưng nhân dân rất tin Đảng, nghe theo sự lãnh đạo của Đảng. Họ về làm ruộng, làm vườn, ban đầu ở ngoài đồng rồi sau đó về ngủ ở nhà, trụ lại ban đêm, từng bước trực diện với lính Nam Triều Tiên. Chị em phụ nữ đan nón, đan cót, không làm riêng ở từng nhà mà tập trung 5 - 10 chị ở một chỗ để chống địch hiếp dâm. Biết bọn lính Nam Triều Tiên thích ăn ớt chị em hái ớt, gom lại cho chúng, chúng rất mừng. Dần dần chị em tạo được thế hợp pháp với địch. Nhờ đó không còn vùng trắng dân và có quần chúng, thì cán bộ, du kích hoạt động được. Qua quần chúng ta nắm được tình hình và có kế hoạch tấn công, tiêu diệt địch.

Ở xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn năm 1966, lính Nam Triều Tiên đổ quân càn quét và chiếm đóng tại xã. Giặc đốt nhà cửa, tàn sát dân làng hết sức dã man. Chúng bắn pháo ra đồng, không cho đồng bào ra gặt lúa đang độ chín, để buộc đồng bào vào khu đồn. Một số

người hoang mang lo sợ, chạy tản mác nhiều nơi. Trước tình hình đó, Đảng ủy xã Bình Thanh, trực tiếp là đồng chí Trương Hiệp cùng đội công tác đã đến liên hệ với cụ Tống Mai vận động bà con trụ bám, không nên chạy giặc, bỏ nhà cửa, ruộng vườn, địch sẽ gây khó khăn cho ta. Cụ Mai nhận nhiệm vụ và đã trực tiếp vận động được một số bà con trụ bám. Đồng thời cụ còn vận động một số cụ già còn ở lại thôn, xóm kéo nhau lên đồn Gò Cốt đấu tranh trực diện với lính Nam Triều Tiên. Do cụ Tống Mai là người thông thạo chữ nho nên các cụ thống nhất giao cho cụ Mai thảo một lá đơn bằng chữ nho để các cụ cùng đi đưa lên cho tên chỉ huy ở đồn Gò Cốt. Lá đơn có một đoạn như sau :

*"Như hà Đại Hàn quân sĩ áo Việt Nam
Thiết tưởng đồng châu, đồng chủng tất đồng tâm
Phụng sự quốc gia thị ái quốc
Tựa như Đại Hàn kháng Nhật
Yêu cầu Đại Hàn binh sĩ bất nhẫn tàn phá
Việt Nam".*

Tạm dịch là :

*"Tại sao binh sĩ Đại Hàn đến Việt Nam
Nghĩ rằng cùng một châu, cùng một giống đất
một lòng
Phụng sự quốc gia là yêu nước
Cũng như Đại Hàn đã chống Nhật
Yêu cầu Đại Hàn không nên nhẫn tâm tàn phá
Việt Nam!".*

Được Đảng ủy và đội công tác nhất trí với nội dung lá đơn, cụ Mai và các cụ mặc quần áo trắng, đội nón trắng kéo nhau lên đồn đưa cho viên chỉ huy. Dịch nhận đơn và xem. Cụ Tổng Mai còn dùng bút viết chữ nhỏ trao đổi với viên chỉ huy, đề nghị không bắn pháo ra đồng lúa chín để bà con đi gặt. Viên chỉ huy chấp nhận. Cuộc đấu tranh thắng lợi. Từ kinh nghiệm này, Đảng ủy xã và đội công tác kịp thời lãnh đạo nhân dân, khi dịch đi càn bà con đấu tranh, đưa yêu cầu, chúng chấp nhận, không đốt phá, giết chóc. Có lần dịch bắn đồng bào, có người bị thương, bị chết, bà con la lên, cùng tập trung khiêng thương, khiêng người chết lên đồn đòi cứu chữa và bồi thường. Từ đó, nhân dân Bình Thanh và các xã trong huyện Bình Sơn trụ bám, sản xuất, trực tiếp đấu tranh với dịch và phục vụ kháng chiến. Tháng 12-1966 cụ Tổng Mai được Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng huyện Bình Sơn tặng giấy khen là cá nhân xuất sắc của ngành binh vận năm 1966 về thành tích: "Tranh thủ quân Nam Triều Tiên, đấu tranh trực diện, tạo và giữ thế hợp pháp cho quần chúng".

Ở ấp Cây Sanh, xã Tịnh Thọ có chị Đinh Thị Xuôi (tức Einh Thị Đào) đã trực tiếp tiếp xúc và vận động lính Nam Triều Tiên. Dân ra làm ngoài đồng lúc đầu chúng bắn, chị cùng chị em phụ nữ tiếp xúc, tuyên truyền cho chúng và kéo nhau ra làm đồng, chúng không bắn nữa. Từ đó dân Tịnh Thọ lần lượt kéo nhau về làm ruộng và ở nhà, không chạy xà dừa như trước nữa ⁽¹⁾.

(1) Chị Đào sau này là Tỉnh ủy viên, Tỉnh đội phó, đã hy sinh.

Từ việc tiếp xúc với dân, lính Nam Triều Tiên bớt hung hăng như lúc mới đến, vả lại chúng bị quân và dân ta trừng trị nặng nề nên về sau chúng muốn có dân và đối xử khá hơn để khỏi bị trừng trị.

3- Công tác binh vận phục vụ cho việc mở ra, giành dân, giữ vững giải phóng và tấn công vào sáu trong vùng địch.

Để phục vụ cho nhiệm vụ giành, giữ dân, giữ vững vùng giải phóng và tấn công vào vùng địch, ngành binh vận đã thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy là vận dụng 3 mũi giáp công ở trên từng địa bàn thôn, xã. Tại tây Sơn Tỉnh khi bọn Mỹ dùng xe ủi, nhân dân các xã, nhất là ở Tịnh Bình, Tịnh Thọ, đã ra chặn xe ủi, nằm lăn trước đầu xe buộc địch phải quay xe trở lại. Ở vùng Đông Sơn, Đức Phổ, các mẹ, các chị cũng đã ra chặn xe ủi, đấu tranh quyết liệt với chúng. Để tạo ra thế hợp pháp, đi vào vùng địch, nhân dân trong tỉnh đã bao vây trung lập nhiều đồn bót địch. Đồn Gò Huỳnh thuộc xã Nghĩa Kỳ huyện Tư Nghĩa là một điển hình tiêu biểu. Đồn này do một đại đội bảo an và một trung đội dân vệ đóng giữ. Trước đó khi ta chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men, vải vóc từ vùng địch tạm chiếm lên vùng căn cứ, lính trong đồn gây khó khăn cho ta, có lúc chúng chặn, cướp lấy hết, có lúc chúng bắn những người gánh hàng lên. Tỉnh ủy chủ trương phải bằng mọi cách để chuyển lương thực lên căn cứ đủ cho bộ đội ăn và dự trữ, đồng thời lấy lúa giống chuyển lên căn cứ để sản xuất. Để thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, ngành binh vận

tỉnh và huyện Tư Nghĩa phải xây dựng cho được cơ sở nội tuyến bên trong và tranh thủ tên đồn trưởng để trung lập đồn này. Lúc này các đồng chí Trần Đức Dung ở Ban binh vận tỉnh và đồng chí Võ Hành, lãnh đạo Ban binh vận huyện Tư Nghĩa đã bàn bạc, bám sát và xây dựng được cơ sở nội tuyến trong trung đội dân vệ và trong đơn vị bảo an. Qua cơ sở, ta đã diệt được 2 tên ác ôn là an ninh trong quân đội nguy ở đồn này. Đêm đêm ta phát loa kêu gọi binh lính trong đồn không được ngăn cản, bắn phá, cướp bóc của nhân dân qua lại mua hàng. Ta cũng nêu ra sẽ không bắn trả lính trong đồn ra lấy nước và cho họ xuống dân để mua lương thực, thực phẩm. Đi đôi với việc phát loa kêu gọi, ta còn kết hợp với nội tuyến bên trong để vận động, giải thích. Hai bên đã thỏa thuận để cho đồng bào lên xuống, chuyên chở hàng hóa, đi lại làm ăn. Hàng ngày cứ đến 3 giờ chiều bên ta xuống công gạo, mắm, thuốc men, lúa giống... Số lượng người đi công hàng hàng ngày có đến 40, 50 người. Những binh sĩ ở đồn Gò Huỳnh không bắn và cũng không gọi pháo ở thị xã bắn lên. Do đó, ta đã chuyển lên căn cứ được hàng trăm tấn gạo, lúa, mắm muối và hàng tiêu dùng khác. Chiều 30 tết cuối năm 1965, đầu năm 1966 cán bộ binh vận hợp pháp mang quà xuống tặng cho đồn. Tên đồn trưởng gửi lời cảm ơn các anh giải phóng. Cũng chiều ấy, đồng chí Võ Hành đọc mệnh lệnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng về việc ngừng bắn để cho nhân dân vui xuân, ăn tết cổ truyền của dân tộc trong 3 ngày. Binh lính trong đồn Gò Huỳnh nghe mệnh lệnh đã đồng thanh hô to : "Hoan hô Mặt trận Dân tộc giải phóng".

Từ đó ta qua lại, lên xuống lấy hàng bình thường. Đến năm 1969 theo yêu cầu của trên, ta đã bao vây và bức rút đồn này.

Ở phía nam, tại đường tỉnh lộ số 5 trục đường Thạch Trụ (Đức Lân, Mộ Đức) đi Ba Tư, ta bao vây trung lập đồn số 7. Đồn này do một đại đội bảo an đóng giữ, có lúc chúng đưa quân số lên đến 1 tiểu đoàn. Đây là một trục đường chiến lược quan trọng. Đồn số 7 nằm trên trục đường này và cách ngã tư Thạch Trụ 7km. Ở đây địch có thể khống chế, phát hiện sự di lại của cán bộ, chiến sĩ ta và ngăn cản việc vận chuyển lương thực, hàng hóa lên căn cứ. Các đồng chí lãnh đạo Ban binh vận tỉnh, huyện, trực tiếp là đồng chí Lâm Trường Thắng, đồng chí Trần Thị Tùng đã tổ chức xây dựng cơ sở binh sĩ trong đồn, qua đó liên hệ với tên đồn trưởng. Hai bên đã thỏa thuận:

Về phía địch :

- Không được bắn vào làng và hành quân đốt phá, nếu vì kế hoạch hành quân do trên thúc ép thì phải báo cho ta biết hoặc chỉ bắn pháo vào đồng trống.

- Không được ngăn cản, cướp giết, bắt bớ nhân dân đi buôn bán, làm ăn qua lại trên trục đường.

Về phía ta :

- Không bắn bia, bắn tia.

- Nếu có tấn công vào đồn sẽ phát loa kêu gọi trước.

Từ cuối năm 1964 đến năm 1967, hai bên đã thực hiện các điều thỏa thuận, việc chuyển hàng lên căn cứ thuận lợi. Có lúc anh em ta đi sớm quá thì đồn trưởng đề nghị ta đi tối hơn để ở dưới quán khói thầy và phạt chúng. Đến cuối năm 1967, ta bức rút luôn đồn này.

Cuối năm 1967, ta cũng đã liên hệ với đồn Núi Tròn, bảo đảm việc đi lại ban ngày của nhân dân và cán bộ. Định trên đồn không bắn xuống, không gọi máy bay, đại bác ở dưới tỉnh bắn lên. Chuẩn bị xuân Mậu Thân 1968, cán bộ ngành binh vận của ta, trực tiếp là đồng chí Nguyễn Thị Liên đã tổ chức vận động binh sĩ trên đồn. Định hứa sẽ giao đồn Núi Tròn, nhưng khi chị Liên lên, chúng thấy việc chiếm lĩnh thị xã của ta không được nên chúng đã lật lọng và bắt giết chị. Đồng chí Liên đã hy sinh anh dũng.

Cũng thời gian này ta bao vây, cô lập đồn Hải Thuyền ở Cổ Lũy thuộc xã Nghĩa An huyện Tư Nghĩa. Đồn Cổ Lũy án ngữ hành lang qua lại của ta từ Sơn Tịnh đi đông Tư Nghĩa, Mộ Đức. Ta đã liên hệ với một sĩ quan của đồn này qua đồng chí Mùi là cán bộ cơ sở binh vận nội tuyến. Do vậy, khi ta tấn công đồn Hải Thuyền diệt một số tên ngoan cố thì địch đã nhanh chóng đầu hàng.

Việc bao vây, cô lập nhiều đồn bót đã tạo thế hợp pháp giữ vững vùng giải phóng, đảm bảo cho việc đi lại thuận lợi và có thể đi sâu vào bên trong thị xã, thị trấn, phục vụ cho việc xây dựng cơ sở, tổ chức lực lượng nổi dậy giành dân, giành quyền làm chủ ngày càng mở rộng.

4- Hoạt động binh vận phục vụ cho việc xây dựng chính quyền hai mặt : “Xanh vỏ đỏ lòng”, đưa lực lượng ta tiến sâu vào thị xã phục vụ cho việc tấn công nổi dậy ở đô thị.

Thôn Đông Dương, xã Tịnh Ấn, huyện Sơn Tịnh (còn gọi là B10 của thị xã Quảng Ngãi), nằm trên bờ bắc của sông Trà Khúc, đối diện với phường Trần Phú và Lê Hồng Phong ngày nay. Đây là một địa bàn quan trọng để vào thị xã từ phía bắc. Đảng bộ và nhân dân ở đây có truyền thống yêu nước, cách mạng kiên cường, chỉ bộ Đảng hoạt động liên tục suốt trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là một địa bàn quan trọng nên địch luôn tập trung, xây dựng bộ máy chính quyền và lực lượng nhân dân tự vệ. Chúng đã thành lập ở đây một trung đội thanh niên tân trang có trang bị vũ khí đầy đủ. Nhưng địch không thể ngờ được lực lượng này đều là cơ sở của cách mạng. Ban chỉ huy quân sự của thị xã Quảng Ngãi đã lợi dụng thế hợp pháp để xây dựng trung đội thanh niên tân trang này thành của ta. Trung đội này do đồng chí Cao Năm (bí danh Bình) làm trung đội trưởng, chính trị viên là đồng chí Trần Cao Duệ do Ban chỉ huy thị xã đưa về. Trung đội này ban ngày mang súng địch “bảo vệ thôn”, ban đêm mang súng AK bảo vệ mọi hoạt động của ta và sang đánh thị xã theo sự chỉ huy của Thị đội Quảng Ngãi. Đến năm 1973 ta rút đơn vị này ra và thành lập đại đội 74 của thị xã.

Tại huyện Ba Tơ, từ năm 1961, ngành binh vận đã trực tiếp xây dựng cơ sở trong đơn vị bảo an do anh Lê Núi làm đại đội trưởng. Đơn vị này đã đóng góp rất

nhiều cho việc ta trừng trị bọn ác ôn và tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch ở Ba Tư trong nhiều năm, đồng thời tích cực tạo điều kiện cho ta xây dựng cơ sở nội tuyến trong các đơn vị khác.

Năm 1966, sư đoàn 3, Quân khu V chuyển quân từ Bình Định ra đóng ở xã Ba Trang. Bọn thám báo của địch theo dõi, phát hiện đã báo cáo lên trên và yêu cầu máy bay B52 rải thảm vào chỗ của sư đoàn 3. Anh Lê Nuôi đã kịp thời báo cáo lên trên, sư đoàn 3 kịp thời chuyển quân đi nơi khác. Khi địch đến ném bom B52, sư đoàn 3 của ta không bị tổn thất. Tháng 8-1966 anh Lê Nuôi ra gặp anh Trục (tức đồng chí Giáp Văn Cương) sư trưởng sư 3 và đồng chí Nguyễn Đôn tư lệnh Quân khu V tại xã Ba Điền. Các đồng chí này quyết định đưa 2 quân báo của ta mặc quần áo bảo an vào trong huyện lỵ Ba Tư quan sát tình hình. Anh Lê Nuôi đã dẫn đường cho 2 quân báo của ta vào quan sát và còn gửi ra 12 bộ quần áo bảo an để bộ đội ta mặc vào đánh chi khu cảnh sát quận lỵ diệt tên chi khu trưởng và 10 tên cảnh sát ác ôn. Đơn vị anh Lê Nuôi đã đưa bộ đội ta ra vùng giải phóng an toàn.

Xuân Mậu Thân 1968, đơn vị này phối hợp với cơ sở trong cảnh sát và bảo an của quận đánh diệt gọn 2 trung đội Trường Sơn, một trung đội bình định nông thôn và 3 tên nguy hiểm ác ôn mở đường cho 250 đồng bào bên trong nổi dậy. Cho đến 10 giờ trưa mùng 2 tết Mậu Thân địch kéo đến đông, anh em trong đơn vị này đã đưa đồng bào ra an toàn.

Sau này bị lộ, anh Nuôi bị địch bắt, một số anh em còn lại mang súng ra vùng giải phóng. Anh Nuôi bị chúng đánh đập tàn nhẫn và chúng đày ra Côn Đảo, nhốt vào chuồng cọp, nhưng anh vẫn giữ khí tiết. Sau khi được trao trả, anh Nuôi vẫn tiếp tục công tác tốt cho đến ngày giải phóng toàn tỉnh.

Một hình thức của chính quyền hai mặt mà ta xây dựng ở trong thị xã Quảng Ngãi, đó là chính quyền thôn Gò Quán, thôn này ở phía nam Núi Bút, trước đây gọi là B6 của thị xã Quảng Ngãi. Tại đây, ta đã liên hệ, xây dựng anh Bùi Ánh Dương (tức Chín Hoàng) cùng với vợ của anh là chị Nguyễn Thị Lợi. Anh chị đã hoạt động từ năm 1960. Anh Dương đã vào Mộ Đức gặp đồng chí Hùng, bà Phạm Thị Đầm và đồng chí Cao Sư vào năm 1964. Năm 1967, đồng chí Thới Văn Thái (tức Huế), đồng chí Nguyễn Thị Hồng Bính, đồng chí Phạm Ngọc Tương cán bộ binh vận tỉnh đã gặp đồng chí Bùi Ánh Dương tại xã Đức Chánh để giao nhiệm vụ. Anh Dương đã xây dựng một số cơ sở của ta trong ấp Gò Quán và một số sĩ quan, binh lính ngụy. Bộ máy ngụy quyền ấp Gò Quán trở thành chính quyền hai mặt. Các đồng chí Huỳnh Thị Ngọc Sương, Huỳnh Lùng, Nguyễn Thị Hồng Bính đã từng về ở nhà anh Dương để nắm tình hình, tổ chức diệt ác ôn và vạch kế hoạch tấn công vào thị xã. Toàn bộ cán bộ của ấp Gò Quán đều do ta bố trí hoạt động, trong đó có anh Nguyễn Nhảy ấp trưởng. Võ Tự ấp phó an ninh, Nguyễn Thìn ấp phó phụ trách thanh niên tân

trang, Nguyễn Huấn phụ trách tuyên văn ấp và toàn bộ các xóm trưởng, liên gia. Cơ sở trong binh sĩ đã đánh một chiếc máy bay L19, lấy của địch 2 súng Colt 12 và nhiều quần áo của binh lính địch để cán bộ binh vận hóa trang vào hoạt động trong vùng địch, cung cấp cho tỉnh 2 bản đồ do máy bay địch chụp căn cứ của ta ở phía tây và phía nam của tỉnh. Ngày 6-9-1969, sau khi nghe tin Bác Hồ vô vàn kính yêu qua đời, tại nhà anh Bùi Ánh Dương, cơ sở đã tổ chức trọng thể lễ tang Bác để ghi nhớ công ơn trời biển của Người. Tất cả 24 người dự lễ đều đội khăn tang và để tang trong 3 ngày.

Đến năm 1971, do có chỉ điểm, một số anh em cơ sở ở Gò Quán bị lộ. Các anh Bùi Ánh Dương, Nguyễn Thìn, Nguyễn Huấn, Nguyễn Muộn... bị bắt và bị địch đày ra Côn Đảo, Phú Quốc. Ở nhà, chị Nguyễn Thị Lự và các anh chị cơ sở còn lại vẫn liên tục hoạt động cho đến ngày giải phóng toàn tỉnh.

5- Binh vận cùng với đấu tranh chính trị và lực lượng vũ trang được tập hợp và huy động cao độ trong cuộc tập kích chiến lược xuân Mậu Thân 1968, góp phần đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang, ngồi vào đàm phán tại Hội nghị Pari...

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa III) về việc mở đợt tấn công chiến lược đánh vào thị xã, thành phố, qui mô trên toàn miền Nam bằng "thực hiện tổng tiến công và

nổi dậy, quyết tâm tiêu diệt giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai bán nước”⁽¹⁾. Đảng bộ và nhân dân Quảng Ngãi đã tích cực chuẩn bị cho việc tấn công phía trước. Cán bộ binh vận từ cơ sở đến huyện, tỉnh đã xấp vào bám các vị trí và địa bàn, tiến hành tuyên truyền vận động, tổ chức lực lượng, kết hợp với tấn công quân sự và phát động phong trào quần chúng tấn công binh vận vào nguy quân, nguy quyền. Tỉnh ta đã mở đợt tấn công vào thị xã Quảng Ngãi vào đêm 30 rạng ngày 31-1-1968 (tức tối 01 rạng ngày 02 tết Mậu Thân)⁽²⁾. Trong khi đó ở một số tỉnh khác đã tấn công vào đêm trước nên địch đã biết và có kế hoạch phòng thủ, đối phó quyết liệt. Mặc dầu vậy, với khí thế dũng mãnh và quyết thắng, gần 20 vạn nhân dân ở khắp các nơi đổ về thị xã và các thị trấn quân lỵ, cùng lực lượng vũ trang của ta tấn công địch quyết liệt. Ta đã chiếm được hầu hết các vị trí quan trọng trong thị xã, làm chủ hơn một nửa thị xã. Lực lượng binh vận và các đội vũ trang tuyên truyền đã vào ngã 5 Quán Ấm, hô hào nhân dân xuống đường và hô vang các khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai Nguyễn Văn Thiệu”.

“Đế quốc Mỹ cút đi”

“Anh em binh sĩ hãy cùng nhân dân quay súng bắn vào giặc Mỹ và bọn tay sai ác ôn”...

(1) Nghị quyết Trung ương 14, trích theo tài liệu lịch sử Đảng CSVN tập 2 trang 393, NXB Chính trị quốc gia tháng 01-1995.

(2) Thời gian tấn công sau một số tỉnh là do có lệnh hoãn từ trên.

Tại các điểm ta chiếm lĩnh như Nha cảnh sát, Nhà ga Quảng Ngãi, Ty chiêu hồi, Đài phát thanh... quần chúng giương cao cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng, kéo đi trên nhiều tuyến đường hoặc mít ting từng cụm, sau đó tháo gỡ các băng tin, xé cờ nguy. Ở nhà lao, lực lượng nổi dậy đã giải thoát cho hàng trăm cán bộ và đồng bào bị địch giam giữ.

Kết quả trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 4.025 tên Mỹ - nguy, bắt sống 482 tên, phá huỷ 88 xe quân sự, đánh cháy 34 máy bay và nhiều kho vũ khí, đạn dược. Bộ máy nguy quyền ở nhiều nơi trong thị xã tan rã. Nhiều tên trốn chạy trước khí thế cách mạng và sự truy lùng của quần chúng.

Hầu hết vùng nông thôn của tỉnh được giải phóng. Hàng chục vạn quần chúng nổi dậy phá tan hoang các ấp chiến lược giành quyền làm chủ tại chỗ hoặc gồng gánh, kéo nhau trở về làng cũ. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tuy không chiếm lĩnh được thị xã nhưng cũng đã giành thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Hoạt động binh vận trong tổng tiến công và nổi dậy xuân 1968 đã có những thành tích xuất sắc. Ta đã tấn phát 54.258 truyền đơn, trong đó 15.375 truyền đơn bằng tiếng Anh và tiếng Triều Tiên, trực tiếp gửi 715 thư tay cho sĩ quan và binh sĩ nguy, treo 2.161 áp phích và 100 băng khẩu hiệu lớn, phát loa kêu gọi vào các đồn bót, cơ quan địch 370 lần. Ta đã vận động đào rã ngũ lẻ tẻ 1.773 lính các loại, vận động đào rã ngũ tập thể 16

đại đội bảo an, dân vệ, 3 đoàn binh định nông thôn, bức rút 4 đồn. Ta đã xây dựng và sử dụng binh sĩ làm binh biến và nội ứng 20 vụ, diệt 43 tên ác ôn, làm bị thương 23 tên khác. Một số cơ sở nội tuyến đã dẫn đường cho lực lượng vũ trang của ta đánh vào nhiều chốt điểm trong thị xã ⁽¹⁾.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

1. Ưu điểm:

a- Công tác binh vận đã có tác động liên tục, mạnh mẽ đến tư tưởng của binh lính ngụy cũng như lính Mỹ và chư hầu. Biểu hiện rất rõ là lính ngụy mất hết niềm tin vào lính Mỹ và chư hầu như lúc chúng mới đổ vào miền Nam và huyênh hoang rằng: “Lực lượng Huế Kỳ là không thể tưởng tượng được”.

Đại bộ phận binh lính, sĩ quan ngụy có tư tưởng chán ngán chiến tranh, thất vọng khi thấy Mỹ thua trong 2 mùa khô 1965 - 1966 và 1966 - 1967, tiếp theo đó bị ta đánh tả tơi trong đợt tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy, công tác vận động binh sĩ Mỹ và Nam Triều Tiên ngày càng có kết quả. Nhân dân đã trụ bám, tạo thế hợp pháp làm

(1) Tư liệu Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Ngãi tháng 6-1968, lưu tại Bộ phận LSĐ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

ăn, đóng góp cho cách mạng và đấu tranh ngăn chặn nhiều cuộc hành quân, tàn sát, cày ủi của lính Mỹ và Nam Triều Tiên, bảo vệ lực lượng cách mạng và cung cấp tình hình để phục vụ cho tấn công địch. Công tác binh vận đã đi đầu trong việc tổ chức bám trụ, tiếp xúc, vận động và đấu tranh với lính Mỹ, Nam Triều Tiên.

b- Việc vận động, giáo dục, tổ chức gia đình binh sĩ để qua đó vận động chống, con em về với gia đình, trung lập, không gây tội ác... đã phát triển mạnh mẽ.

Đến năm 1968, toàn tỉnh đã xây dựng được 165 tổ công tác binh vận hợp pháp gồm 427 người, trong đó có một số là người nhà trong gia đình binh sĩ.

Qua các gia đình binh sĩ, ta đã tổ chức được 47 tổ bám các điểm chốt và bao vây đồn bót với số lượng 174 người.

Các xã đứt điểm về binh vận tăng khá, đã có trên 50 xã. Riêng 1966 đã có 17 xã đứt điểm về binh vận.

c- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động phong phú, phù hợp với từng đối tượng ta đã vận động đào ngũ với số lượng lớn binh sĩ ngụy.

Trước tình hình Mỹ thua đã rõ ràng và cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam như đi vào đường hầm không có lối thoát, ta đề ra khẩu hiệu vận động binh lính, tề ngụy:

*"Mỹ thua, Mỹ đi về Mỹ
Anh em binh sĩ, thua trở về đâu!"*

Do đó chỉ trong 4 năm, đã có 16.962 binh sĩ nguy đào rã ngũ. Binh quân mỗi năm trên 4.200 người với nhiều vụ binh biến, nội ứng khá tiêu biểu. Điều này thể hiện sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng và kinh nghiệm tổ chức, hoạt động của công tác binh vận tỉnh ta.

Cơ sở bên trong làm công tác binh vận phát triển khá. Đặc biệt ở xã Nghĩa Phú (Tư Nghĩa) có chị Hai Tại là người Hoa, có thuyền buôn, thường chở hàng vào các tỉnh Nam bộ. Cán bộ binh vận của tỉnh và huyện Tư Nghĩa trực tiếp là đồng chí Đoàn Thị Kim Chi, Huyện ủy viên, Phó ban binh vận huyện Tư Nghĩa đã xây dựng chị Hai Tại thành cơ sở cách mạng và giao nhiệm vụ cho chị vận động và tổ chức binh sĩ đào rã ngũ. Chị Hai Tại đã tổ chức được một tổ phụ nữ vận động hàng trăm binh sĩ các tỉnh Nam bộ đào rã ngũ và chị giúp đỡ tiền ăn, quần áo đưa thuyền chở về quê Nam bộ được 340 binh sĩ. Ngoài ra ở Bình Sơn, Đức Phổ cũng có điểm đón đào binh về quê cũ.

d- Lực lượng cán bộ binh vận từ tỉnh đến huyện, xã, từ cán bộ bất hợp pháp đến hợp pháp phát triển mạnh, được bồi dưỡng nghiệp vụ, có kế hoạch hành động và sinh hoạt có nề nếp. Thời kỳ này cứ giữa năm và cuối năm, Ban binh vận tỉnh hoặc Tỉnh ủy đã có tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động binh vận, nêu lên những mặt làm được, những điển hình và đề ra những nhiệm vụ, mục tiêu cho năm tới hoặc cho từng chiến dịch khác cụ thể hơn.

2- Về khuyết điểm và hạn chế:

a- Công tác binh vận vẫn còn chưa làm tan rã lớn quân nguy so với thời cơ và yêu cầu của Tỉnh ủy đề ra, nhất là thời kỳ trước và sau tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1968.

b- Việc xây dựng cơ sở có phát triển nhưng chưa thực hiện được binh biến, khởi nghĩa lớn. Ở thị xã Quảng Ngãi và trong các đơn vị chủ lực của nguy, cơ sở binh vận còn yếu.

c- Các đơn vị vũ trang và bán vũ trang của tỉnh và huyện, xã còn chưa chú trọng đúng mức đến công tác binh, địch vận.

d- Có nơi, có lúc còn đơn giản, mất cảnh giác nên có khi địch lật lọng, ta bị tổn thất, như trường hợp của đồng chí Nguyễn Thị Liên ở núi Tròn. Đó là do ta chưa có kế hoạch phối hợp 2 chân 3 mũi giáp công để khống chế địch và bảo vệ cán bộ khi trực tiếp liên hệ với chúng.

D - CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 - 1972)

I- ÂM MƯU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH:

Bị thất bại nặng nề trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 của quân và dân ta, chiến lược

“Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản. Nhưng với bản chất thực dân, hiếu chiến và ngoan cố, đế quốc Mỹ đã tìm đường tiếp tục chiến tranh bằng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Thực chất, đây là một kiểu chiến tranh đặc biệt ở mức độ cao, tàn bạo và thâm độc hơn, đó là sự “thay màu da trên xác chết” với công thức “vũ khí, đô la Mỹ, xương máu quân nguy”.

Để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, đế quốc Mỹ đề ra kế hoạch ba giai đoạn:

- *Giai đoạn 1:* Từ năm 1969 đến tháng 6-1970, phải kiểm soát được những vùng đông dân quan trọng nhất. Quân nguy được tăng cường đủ sức đối phó với các lực lượng của ta, rút được một bộ phận quân Mỹ về nước, làm suy yếu ta thông qua kế hoạch “binh định nông thôn”. Đây là giai đoạn mở đầu có ý nghĩa quan trọng đối với Mỹ.

- *Giai đoạn 2:* Từ tháng 6-1970 đến tháng 6-1971, phải kiểm soát hầu hết các vùng đông dân. Quân nguy bảo đảm được nhiệm vụ chiến đấu trên bộ, rút đại bộ phận quân chiến đấu Mỹ về nước.

- *Giai đoạn 3:* Từ tháng 6-1971 đến tháng 6-1972 về cơ bản hoàn thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, phục vụ cho Ních - Xơn thắng cử trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào tháng 11-1972.

Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” nói lên sự ngoan cố của đế quốc Mỹ, đồng thời cũng thể hiện sự bế tắc, lẩn quẩn, bị động của Mỹ trước nguy cơ thất bại hoàn toàn.

Để thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, trên đất Quảng Ngãi, Mỹ - ngụy đã cố gắng xây dựng và tập trung một lực lượng quân sự rất đông.

Về quân Mỹ: Có lữ đoàn 198 và lữ đoàn 11. Lữ đoàn 198 đóng ở các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng; lữ đoàn 11 đóng ở các huyện Đức Phổ, Mộ Đức và Tư Nghĩa. Ngoài ra còn một số cố vấn Mỹ đóng ở các quận như Sơn Hà có 20 tên, Ba Tư có 12 tên, Minh Long có 30 tên, Trà Bồng có 30 tên, Giá Vực có 2 tên. Số cố vấn này hoạt động ở quản lý và một số chốt, trực đường quan trọng. Riêng ở Trà Bồng còn có trại biệt kích Mỹ.

Về lực lượng quân ngụy: Gồm có sư đoàn 2 (có đủ 3 trung đoàn 4,5 và 6), 2 chi đoàn xe thiết giáp, một tiểu đoàn pháo.

Lính bảo an có 40 đại đội với 3.500 tên. Dân vệ, nghĩa quân có 151 trung đội. Nhiều nhất là ở các huyện Sơn Tịnh 27 trung đội, Bình Sơn 19 trung đội, Mộ Đức, Đức Phổ mỗi huyện có 17 trung đội. Các huyện miền núi, mỗi huyện có từ 4 đến 9 trung đội. Thị xã Quảng Ngãi có 13 trung đội, Tư Nghĩa có 16 trung đội.

Thanh niên tân trang có nhiều nhất là Bình Sơn 15 trung đội rồi đến Tư Nghĩa 13 trung đội, Nghĩa Hành 12 trung đội, Đức Phổ, Sơn Tịnh có từ 4 đến 5 trung đội. Miền núi mỗi huyện có từ 1 đến 2 trung đội. Toàn tỉnh có 50 trung đội.

Lính biệt kích có 10 đại đội đóng ở các huyện: Trà Bồng 4 đại đội, Sơn Hà, Ba Tư mỗi huyện 3 đại đội.

Bình định nông thôn có 63 đoàn, nhiều nhất là ở huyện Mộ Đức có 12 đoàn rồi đến Tư Nghĩa có 10 đoàn, thị xã Quảng Ngãi có 7 đoàn. Các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh mỗi huyện có 6 đoàn. Huyện Nghĩa Hành có 5 đoàn. Các huyện Ba Tư, Sơn Hà, Minh Long có 3 đoàn, Giá Vực có 2 đoàn và Trà Bồng có 1 đoàn.

Toàn tỉnh có 7 trung đội đặc công, 6 trung đội thám báo. Tại thị xã Quảng Ngãi có 1 trung tâm huấn luyện thường xuyên có từ 500 đến 700 quân. Ngoài ra ở huyện nào cũng có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội phòng vệ dân sự phục vụ ở cơ quan nguy quyền của quân. Như vậy toàn tỉnh có khoảng 14.000 lính nguy tử chủ lực đến thanh niên tân trang, phòng vệ dân sự và có lữ đoàn quân Mỹ và lữ đoàn Rồng Xanh của Nam Triều Tiên.

Từ tháng 11-1968, địch tập trung đánh phá các vùng giáp ranh và miền núi. Chúng cho máy bay rải chất độc hóa học ở các huyện Ba Tư, Minh Long, Sơn Hà, Trà Bồng và vùng giáp ranh miền tây các huyện Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tịnh. Đồng thời cho máy bay ném bom rải thảm vào các xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Lâm, Nghĩa Sơn (huyện Tư Nghĩa), Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Hiệp (huyện Sơn Tịnh), Trà Tân, Trà Trung, Trà Phú (huyện Trà Bồng), Hành Thiện, Hành Tín (huyện Nghĩa Hành), Đức Phú (huyện Mộ Đức), Phổ Phong, Phổ Nhơn (huyện Đức Phổ), Ba Diễn, Ba Động, Ba Trang, Ba Khâm (huyện Ba Tư), Sơn Nham, Sơn Linh, Sơn Cao, Sơn Thủy (huyện Sơn Hà)... hòng biến các vùng này thành bình địa để đẩy lực lượng ta ra xa

và triệt hại kinh tế của ta. Ở nông thôn đồng bằng, địch ráo riết thực hiện kế hoạch “bình định đặc biệt”, “bình định cấp tốc” trên quy mô rộng lớn đánh vào vùng giải phóng với chiến thuật thâm độc “tam giác chiến” (tình báo chiến, du kích chiến và tâm lý chiến, trong các cuộc hành quân liên quân Mỹ - Việt nhằm “quét và giữ”.

Ngày 13-1-1969 địch huy động trên 8.000 quân chủ lực cơ động của Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân mang tên “liên kết 9” đánh vào khu vực Ba Làng An gồm 6 xã Bình Phú, Bình Châu, Bình Tân (huyện Bình Sơn), Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa, Tịnh Khê (huyện Sơn Tịnh) do tên chuẩn đô đốc hạm đội 7 Mỹ chỉ huy chung và tên chuẩn tướng Nguyễn Văn Toàn là sư đoàn trưởng sư đoàn 2 ngụy chỉ huy phối hợp. Trong cuộc hành quân này địch đã giết hại hơn 1.500 đồng bào ta để gây khiếp sợ. Nhưng với ý chí bất khuất, quân và dân các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh đã trụ bám, vượt qua bao gian khổ, ác liệt, đánh cho địch bị tổn thất nặng nề. Qua 36 ngày đêm chiến đấu, quân và dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.454 tên Mỹ - ngụy, diệt 5 trung đội Mỹ, 1 đại đội ngụy, bắn rơi 7 máy bay trực thăng, bắn cháy 17 xe tăng, xe bọc thép, thu nhiều súng, đạn.

Phối hợp với Ba Làng An, quân dân khắp nơi trong tỉnh đã đồng loạt tấn công và nổi dậy diệt đồn, phá ấp. Đêm 22 rạng ngày 23-2-1969 cứ điểm Gò Huỳnh bị ta tấn công, đại đội bảo an 425 bị tiêu diệt. Cùng lúc các vị trí Núi Chóp, Đồi Tranh, Gò Da, cũng bị ta tấn công, 3 khẩu pháo ở Núi Chóp bị ta phá hủy, nhiều tên địch

bị đền tội. Cứ điểm Xương Rồng ở Đức Phổ bị ta tấn công, diệt 105 tên Mỹ. Núi Xương Rồng trở thành núi Xương Mỹ. Liên đêm sau đó, sở chỉ huy tiểu đoàn 3 lữ đoàn 11 sư đoàn American bị ta tấn công, nhiều tên chết và bị thương.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn đối với cả dân tộc ta. Như bị sét đánh, toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh đau thương vô hạn. Nhớ lời chúc tết đầu năm nào Bác đề ra nhiệm vụ: “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Trong tuần lễ tang Bác, quân, dân Quảng Ngãi quyết biến đau thương thành hành động, liên tục tấn công để đánh bại các cuộc hành quân “bình định cấp tốc” của địch.

Suốt 2 năm 1969, 1970, quân và dân Quảng Ngãi bằng 3 mũi giáp công đã chiến đấu quyết liệt, giành giật với địch từng tấc đất. Các mẹ, các chị đã kéo nhau năm lần trước xe ủi không cho địch cày ủi nhà cửa, ruộng vườn, cây trái như ở các xã Tịnh Bình, Tịnh Sơn huyện Sơn Tịnh, Đức Phong, Đức Phú, Đức Minh huyện Mộ Đức, Bình Thanh, Bình Mỹ, Bình Tân huyện Bình Sơn.... Qua 2 năm hoạt động, quân và dân Quảng Ngãi vẫn giữ được quyền chủ động chiến trường trên các khu vực quan trọng, giữ được dân và giải phóng được hàng chục vạn dân với nhiều mức : 76.093 người được giải phóng hoàn toàn, 59.583 người làm chủ hợp pháp và 101.571 người lỏng kẹp. Có những vùng địch không thể đưa người Việt Nam lên làm ấp trưởng, xã trưởng, do vì tên nào lên làm tay sai cho Mỹ - ngụy gian ác thì ta diệt. Do vậy có

nơi lính "bình định" của Mỹ phải đứng ra làm ấp trưởng như ở thôn Tân Hy xã Bình Đông, thôn Phú Lễ xã Bình Trung huyện Bình Sơn. Khi bị ta tấn công thì lính Mỹ lơ ngơ phải bỏ chạy (như tên Huych-King ở Bình Trung).

Sau năm 1971, lực lượng vũ trang của tỉnh tập trung huấn luyện cho du kích. Lực lượng huyện và các đội công tác vẫn bám trụ đánh địch hành quân, đi càn không cho địch bình định, lấn chiếm.

Tháng 3, tháng 4 năm 1971, ta chiến thắng lớn ở đường 9 - Nam Lào, bắt sống đại tá ngự Nguyễn Văn Thọ, tiêu diệt và bắt sống 21.102 tên địch, bắn rơi 505 máy bay, phá hủy 1.130 xe cơ giới, 112 khẩu pháo, 43 tàu và xà lan, thu nhiều xe tăng, trang bị, vũ khí. Chiến thắng đường 9 - Nam Lào đã làm rung chuyển hệ thống ngự quân, ngự quyền ở Quảng Ngãi. Mặc dù cuối năm 1971, đầu năm 1972 tỉnh ta gặp nhiều khó khăn do địch đánh phá và chốt giữ các hành lang đi lại nhưng tỉnh đã chủ trương mở đợt tấn công và nổi dậy khắp nơi trong tỉnh. Ở các xã Bình Phước, Bình Trị huyện Bình Sơn ta đánh và tiêu diệt đoàn bảo an 103 mang tên Mãng Xà Vương khét tiếng gian ác và 2 liên đội bảo an số 35, 36. Đồng thời ở phía nam ta tấn công đồn Núi Đất, Kỳ Tân, ở xã Đức Lợi vây ép yếu khu Long Phụng, pháo kích quận lỵ Mộ Đức. Cùng lúc, tiểu đoàn 107 tiến đánh tiêu diệt bọn dân vệ ở xã Đức Nhuận, phá khu đồn Kiến Khương ở Đức Chánh. Nhân dân ở các xã Đức Hiệp (Mộ Đức), Hành Thịnh (Nghĩa Hành) bị dồn vào đây hăng hái tham gia phá ấp cùng nhau kéo về làng cũ, tham gia

kháng chiến. Thấy mất ấp Kiến Khương, tên quận trưởng Mộ Đức Nguyễn Giàu cho pháo dọn đường, lệnh cho 2 đại đội bảo an đi giải tỏa "tiêu diệt cho hết du kích và cán bộ Việt Cộng", nhưng lại bị tiểu đoàn 83 đánh tiêu diệt 1 đại đội và làm 1 đại đội bị thiệt hại nặng. Số sống sót chạy về đồn Thi Phổ. Tối đến ta tiêu diệt đồn này. Sáng 16-4 địch ở Long Phụng rút chạy bị du kích và lực lượng huyện truy đánh, một số bị chết, bị thương, một số đầu hàng. Ta chuyển sang Nghĩa Hiệp, Phú Bạch, khu đồn An Long ở Tư Nghĩa và đánh địch ở Hành Phước, khu đồn Xóm Mới. Trong tháng 9 và 10-1972 ta tấn công đánh chiếm quận lỵ Ba Tư, giải phóng hoàn toàn quận lỵ, đồng thời đánh địch ở Thạch Trụ, Châu Me (Mộ Đức), Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Sa Huỳnh (Đức Phổ) cắt đứt quốc lộ 1A. Phía bắc ta đánh Thế Long, Thế Lợi (Tĩnh Phong), Tĩnh Hà, Tĩnh Ấn huyện Sơn Tịnh. Chiến thắng xuân hè 1972 của Quảng Ngãi đã góp phần cùng toàn miền làm phá sản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Như con thú dữ, Mỹ lộng lộn cho máy bay B52 đánh phá miền Bắc 12 ngày đêm (18-12 đến 30-12-1972) nhưng chúng đã bị quân và dân miền Bắc trừng trị bằng chiến thắng vang dội "Điện Biên Phủ trên không", bắn rơi 81 máy bay hiện đại của Mỹ, trong đó có 34 máy bay B52 và 5 máy bay cánh cụp cánh xòe F111, hàng trăm giặc lái Mỹ đền tội, 43 tên bị bắt sống. Nước cờ cuối cùng hy vọng có thể ép Việt Nam trên bàn hội nghị của Mỹ đã tiêu tan, Kít-Xin-Gơ phải trở lại bàn hội nghị để tiếp tục bàn việc ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam.

II- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” (1969 - 1972)

Ngày 1-1-1969 trong thư chúc mừng năm mới, Hồ Chủ tịch chỉ rõ nhiệm vụ trong thời kỳ mới là : “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”.

Ngày 20-7-1969, đúng 15 năm ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng nhưng chúng chưa chịu từ bỏ dã tâm bám lấy miền Nam nước ta. Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết đánh cho Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân và ngụy quyền sụp đổ hết và giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà”.

Tháng 1-1970, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 19 (khóa III) đã đề ra nhiệm vụ: “Động viên sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền, kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, kết hợp tiến công địch cả về quân sự, chính trị và ngoại giao, giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi quyết định, tạo điều kiện cơ bản để thực hiện một miền Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập tiến tới thống nhất đất nước”⁽¹⁾.

(1) Báo cáo chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ 19 khóa III.

Tháng 9-1969, Hội nghị Ban Thường vụ Khu ủy V đã xác định: "Nhiệm vụ chống binh định, giành dân là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ".

Quán triệt đường lối của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và sự chỉ đạo của Khu ủy V, tháng 7-1970, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp và nhận định: "Địch tuy dồn dập đánh phá ác liệt, nhưng chúng vẫn ở trong tình trạng bị động. Lực lượng cơ sở ta đã cài được một số cơ sở ở vùng sâu, các đơn vị tập trung đang được luân phiên bồi dưỡng, củng cố, sức chiến đấu được nâng lên" ⁽¹⁾. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương: "Mở đợt tấn công binh vận vào quân đội địch, đưa nhanh những tin chiến thắng của ta ở các chiến trường và chính sách của Mặt trận đối với binh sĩ địch, nhất là đối với phụ quân, dân vệ, thanh niên tân trang, nghĩa quân" ⁽²⁾.

Về những nhiệm vụ cụ thể của công tác binh vận trong thời gian này, Tỉnh ủy đã chủ trương:

a- Tập trung mọi nỗ lực của toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân, trong tỉnh, bằng 3 mũi giáp công, đánh bại kế hoạch "binh định cấp tốc", "binh định đặc biệt" của Mỹ - nguy bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân.

b- Tổ chức các tổ đấu tranh chính trị, binh vận, xây dựng nòng cốt và cơ sở binh vận hợp pháp trong các mẹ,

(1) Trích Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy 7-1970 theo Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975) sách đã dẫn, trang 351.

(2) Báo cáo của T771 về công tác binh vận 10-8-1970

các chi, trong các gia đình binh sĩ; bố trí đảng viên, đoàn viên bám các chốt điểm, các đồn bót địch đóng quân, để bao vây ngăn chặn các hành vi đánh phá tàn bạo của địch.

c- Tấn phát mạnh mẽ truyền đơn, bản tin, phát loa chiến thắng đưa các nội dung chính sách nhân đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đến các binh sĩ, sĩ quan, nhân viên chính quyền ngụy nhằm làm cho họ thấy rõ sự thất bại của Mỹ - ngụy trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", thấy rõ Mỹ đẩy binh sĩ, ngụy quyền vào chỗ chết thay cho quân Mỹ.

d- Tiếp tục vận động, xây dựng cơ sở trong binh sĩ, nhất là trong lực lượng dân vệ, bảo an, thanh niên tân trang, thương phế binh ngụy để họ đồng tình, hỗ trợ nhân dân nổi dậy diệt ác phá kềm, trở về quê cũ. Hướng dẫn, tổ chức việc nội ứng, binh biến khởi nghĩa diệt Mỹ và bọn tay sai ác ôn, phá rã phụ quân, lập công trở về với nhân dân.

e- Tuyên truyền, vận động binh sĩ Mỹ, Nam Triều Tiên tìm cách bỏ ngũ, phản chiến, đòi trở về nước hoặc chạy ra vùng giải phóng của ta để được đối xử tử tế và được giúp đỡ đưa về nước.

g- Để phù hợp với tình hình mới, Tỉnh ủy đã phân công, bố trí cán bộ đứng chân ở các địa bàn và bám sát cơ sở với phương châm: Dân bám đất sản xuất, du kích lực lượng vũ trang bám đánh địch, cán bộ bám dân, cấp

trên bảm cấp dưới (4 bảm). Các ngành binh vận, chính trị, vũ trang chăm lo xây dựng thực lực và cơ sở bên trong lực lượng địch, các khu đông dân cư, thị trấn, thị xã. Các đoàn thể sắp xếp cán bộ đi phục vụ cho các chiến dịch tấn công và nổi dậy để vây đồn, phá ấp, đẩy mạnh các hoạt động ra phía trước. Tỉnh còn thành lập Ban chỉ đạo các khu đồn trọng điểm, như Ban chỉ đạo SO7 (Bầu Giang - Đá Chẽ).

III- HOẠT ĐỘNG BINH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ:

1- Công tác binh vận thực hiện nhiệm vụ trọng tâm chống “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”, giành dân, giữ vững vùng giải phóng:

Năm đầu thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1969), Mỹ - ngụy tiến hành việc “bình định” hết sức quyết liệt như ném bom xăng, cho xe Mỹ cày ủi, thả Mỹ lếch phục kích các hành lang và theo dõi hoạt động của ta để chụp quân tiêu diệt hoặc gọi phi pháo bắn phá. Thời kỳ này chúng đã xây dựng một số khu đồn tập trung, tiêu biểu như khu đồn Bầu Giang - Đá Chẽ (ta gọi là SO7) ở Tư Nghĩa, khu đồn Văn Thánh ở Tịnh Ấn. Tuy nhiên ở các khu đồn này đều có cơ sở của ta và là những khu đồn ở sát thị xã Quảng Ngãi và thị trấn Sơn Tịnh.

Ở vùng nông thôn rộng lớn, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã trụ bảm và chống trả quyết liệt với địch. Ở vùng Ba Làng An, nhân dân đã giúp bộ đội, du

kích tìm và gỡ những quả bom, đạn pháo lép về làm mìn và gài trên các trục đường, thôn xóm, bãi cỏ để đánh xe tăng và binh lính đi càn quét, lùng sục. Tại các xã Tịnh Bình (Sơn Tịnh), Đức Phong, Đức Minh, Đức Thắng huyện Mộ Đức, được các tổ đấu tranh chính trị, binh vận tổ chức, nhân dân đã kéo ra ngăn chặn không cho xe ủi nhà cửa, cây cối nên xe ủi phải rút lui hoặc nằm lỳ một chỗ. Nhờ kết hợp tốt ba mũi giáp công, nên năm 1969 và đầu năm 1970 ta đã giành quyền làm chủ 324.500 dân, đưa lên tranh chấp và nắm được cơ sở 35.000 dân, làm lỏng kẹp đại bộ phận các ấp và khu đồn ⁽¹⁾.

Trong đợt hoạt động xuân 1971, ta đã giành thêm được 36.000 dân, san bằng 37 chốt, đồn của địch, trong đó có 17 chốt với quân số trung đội và 15 chốt với quân số đại đội ⁽²⁾.

Nhờ thực hiện tốt việc bám trụ với khẩu hiệu "Một tấc không đi, một ly không rời" nên ta đã đẩy lùi và làm thất bại nhiều cuộc hành quân bình định của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch và xử tội bọn tể ác ôn, lưu vong. Điển hình là vụ chống "về làng" để bình định ở xã Tịnh Bình tháng 7-1971. Lợi dụng có đồn Núi Đất, một chốt điểm của Mỹ, Mỹ - nguy đồ quân xuống xã này, có bọn tể của xã lưu vong đi theo để về "hội làng". Cuộc hành quân này của liên quân Việt - Mỹ, có 10 xe tăng M113 và phi pháo yểm trợ. Bọn tể lưu vong đã chạy trốn

(1) Báo cáo năm 1969 và 6 tháng đầu năm 1970 về công tác binh địch vận của T771 ngày 10-8-1970.

(2) Báo cáo số 86/NP ngày 10-2-1971 của T756.

từ khi ta giải phóng xã Tịnh Bình năm 1962, nay chúng theo về, hống hách. Để “hội làng” chúng cho tay chân phát loa và di kéo đồng bào đến địa điểm tập trung. Trong làng những người trai trẻ đều gia nhập quân giải phóng, du kích xã thôn, một số ít đàn ông còn ở nhà thì sống bất hợp pháp với địch. Ở trong làng chỉ còn các cụ già, phụ nữ và trẻ em. Bọn địch phải lùng sục đến từng nhà để lôi dân đi họp. Phụ nữ thì nói có con mọn, ốm đau không đi được. Các cụ già thì nằm rên đau nhức không đi nổi. Hồ hết mãi, đến 10 giờ chúng mới kéo được gần 50 người đến nơi họp. Tên đại diện lưu vong của xã đứng lên nói: “Hôm nay nhờ có liên quân Mỹ - Việt đánh tan Việt Cộng nên chúng tôi mới được về đây gặp lại đồng bào...”. Ở dưới, phụ nữ thì làm cho con khóc, các cụ già thì thi nhau ho sù sụ, chẳng ai nghe được gì, cùng lúc đó có tiếng hô lớn: “Đồng bào hãy nằm xuống để chúng tôi diệt ác ôn”. Nhanh như chớp, một số du kích trong đội quyết tử bắn vào đám tề lưu vong. Một số tên đến tội ngay tại chỗ, vài tên sống sót bỏ chạy thục mạng. Bọn Mỹ ở vòng ngoài nghe bắn loạn xạ, không hiểu ra sao, vội vàng nhảy lên xe tăng rút chạy được 300m thì một tiếng nổ long trời. Một xe tăng tan xác vì mìn của du kích đã gài. Cuộc hành quân trở về làng để lập ấp, gom dân của địch đã bị thất bại hoàn toàn.

2- Binh vận trong việc xây dựng cơ sở trong hàng ngũ địch, diệt ác ôn, nội ứng, binh biến, diệt đồn, phá rã phụ quân:

Thời kỳ này, Mỹ - ngụy quyết sống chết để “quét và giữ”, thực hiện kế hoạch “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt” với những thủ đoạn cực kỳ tàn bạo mà chúng gọi là “tam giác chiến” (tình báo chiến, du kích chiến và tâm lý chiến). Chúng cố gây cho tình ta một số khó khăn, có nơi mất cảnh giác nên bị mất đất, mất dân. Nhưng trong công tác binh vận, ta có lợi thế. Đó là từ ngày 5-12-1968, Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn Hội nghị Paris với đại diện của 4 bên đó là : Đại diện Chính phủ Cách mạng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Hoa Kỳ và Chính quyền Sài Gòn. Giải pháp chính trị này góp phần chứng tỏ: “Mỹ thua đã rõ ràng”, “Mỹ cút”, “ngụy sẽ nhào” như Bác Hồ đã từng nói.

Do vậy, thời kỳ này, ngành binh vận đã xây dựng được nhiều cơ sở từ nghĩa quân, dân vệ, thanh niên tân trang đến bảo an và chủ lực ngụy. Nhiều cơ sở đã vận động đào ră ngũ, cung cấp kế hoạch hành quân của địch, làm nội ứng, binh biến diệt ác, diệt đồn, về với nhân dân.

Tiêu biểu như vụ binh biến, nội ứng, tiêu diệt đồn Gò Sỏi. Đồn Gò Sỏi thuộc xã Bình Trung (Bình Sơn) do 17 lính thuộc tiểu đoàn 6 thủy quân lục chiến Mỹ và một trung đội dân vệ, một trung đội thanh niên tân trang chiếm giữ. Đồn có 7 lô cốt, chung quanh có hào sâu, kẽm gai và gài mìn dày đặc.

Để thiết thực tỏ lòng thương tiếc và nhớ ơn Bác Hồ, trong tháng tang lễ Bác, Huyện ủy Bình Sơn đã giao cho

Bau binh vận chủ công, phối hợp với lực lượng vũ trang huyện và xã Bình Trung rà soát lại cơ sở đã có trong trung đội thanh niên tân trang ở cứ điểm Gò Sỏi. Cơ sở này đã được Đảng ủy xã Bình Trung xây dựng và đã được vinh dự đứng vào hàng ngũ Đảng. Khi được giao nhiệm vụ, cơ sở này đã phấn khởi nhận trách nhiệm. Anh đã vẽ sơ đồ cấu trúc quân sự của cứ điểm, đưa ra cho bộ đội nghiên cứu, tập luyện. Tiếp đến anh đưa trình sát vào để khảo sát thực địa, bố trí trận đánh để đảm bảo chắc chắn và ra gặp ta, thống nhất ám tín hiệu, mật danh, đường tiến quân, đường rút...

Đúng 0 giờ 25 phút ngày 20-10-1969 ta phát lệnh nổ súng. Cơ sở bên trong đã tiêu diệt bốn chỉ huy ngay từ đầu, hỏa lực của địch bị dập tắt ngay. Ta cắt đứt toàn bộ hệ thống liên lạc, sau ít phút tiến công ta hoàn toàn làm chủ trận địa.

Kết quả ta đã diệt gọn cứ điểm Gò Sỏi, phá huỷ 7 lô cốt, 2 nhà tole, 1 nhà dũ, diệt 17 tên Mỹ binh định. Trung đội nghĩa quân chết 26 tên, 6 tên còn lại đều bị thương. Trung đội thanh niên tân trang có 34 binh sĩ thì có 13 tham gia trận đánh, 4 tên bị giết, 5 tên bị thương, 12 người khác đầu hàng, được giáo dục và phóng thích tại chỗ. Ta thu toàn bộ vũ khí và quân trang. Diệt cứ điểm Gò Sỏi, ta đạt được 4 yêu cầu là:

- Phá được kế hoạch bình định cấp tốc tại xã Bình Trung. Dự kiến của địch là sẽ bình định thôn 1, tiến lên bình định hết xã Bình Trung, nóng dần dần ra vùng giải phóng của ta.

- Chóng âm mưu dựa vào cứ điểm để bắt lính, dồn quân bù vào hao hụt do bị ta tiêu diệt.

- Ta phát huy được khí thế cách mạng của quần chúng, buộc địch phải co lại phòng ngự.

- Lập thành tích thiết thực tỏ lòng thương tiếc và biết ơn vô hạn đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh ⁽¹⁾.

Chiến thắng cứ điểm Gò Sỏi đã khẳng định lần nữa về việc vận dụng phương châm 3 mũi giáp công, thực hiện lấy ít địch nhiều, có hiệu quả cao. Tin Gò Sỏi bị diệt đã làm cho nguy quân, nguy quyền hoang mang khiếp sợ và cổ vũ nhân dân ta ở các nơi khác. Vào đêm 19-10-1969, 1 trung đội thanh niên tân trang tại xã Bình Chánh của huyện Bình Sơn đã nổi dậy làm binh biến phá hủy toàn bộ cơ quan hội đồng ấp, bắt 1 tên ấp trưởng, 1 ấp phó; 1 trung đội thanh niên tân trang và 13 lính nghĩa quân đã mang súng ra vùng giải phóng tham gia kháng chiến chống Mỹ.

Tại quân trường Quảng Ngãi, ta đã xây dựng được 30 cơ sở và 50 cảm tình, tất cả có 80 người (trong đó có 8 đảng viên và đoàn viên) hầu hết là du kích và thanh niên vùng giải phóng bị địch bắt đi lính. Số này đều nằm trong một đại đội. Thường vụ Tỉnh ủy đã phân công các đồng chí Thái, Ninh, Sương túc trực chỉ đạo. Ta chủ

(1) Cơ sở nội tuyến đánh cứ điểm Gò Sỏi là đ/c Võ Văn Anh đơn vị thanh niên tân trang lúc ấy, hiện nay Võ Văn Anh là Phó ban Tổ chức Huyện ủy Bình Sơn. Đ/c Bùi Anh Tuấn chính trị viên đại đội 21 Huyện đội chỉ huy trận đánh. Đ/c Huỳnh Quân trung đội trưởng lực lượng vũ trang huyện trực tiếp phối hợp và chỉ huy chiến đấu.

trương dùng cơ sở làm binh biến, kéo ra vùng giải phóng không cho địch hoàn thành kế hoạch huấn luyện và phân về các trung đoàn của sư đoàn 2. Dự kiến của ta phối hợp bên trong với đưa lực lượng bên ngoài vào nhưng do bên ngoài không vào được nên số cơ sở bên trong phải vận động kéo anh em ra. Tổng cộng trong 3 tháng 15 ngày, đến đêm 10-5-1970 các anh Trần Văn Giảng, Nguyễn Dương đã vận động được 480 binh sĩ ra vùng giải phóng. Các anh Trần Văn Giảng và Nguyễn Dương được báo cáo điển hình tại Hội nghị binh vận Khu V năm 1970.

Đặc biệt, tháng 10-1970 anh Nguyễn Cấn, cơ sở nội tuyến của ta mang bí số B1 lái xe cho tên thiếu tá Nguyễn Quang Tú, trưởng phòng 4 (hậu cần - tiếp vận) lên sân bay Quảng Ngãi nhận quân nhu từ Đà Nẵng chuyển về. Trong lúc chờ đợi, anh Cấn quan sát thấy có 1 chiếc xe Mỹ chở đầy quân đang đậu tại khu vực sân bay. Anh đã bí mật cài 50 gam thuốc nổ C4 với kíp hẹn giờ 30 phút vào chiếc xe này. Khi anh đưa thiếu tá Tú về thị xã, vừa tới Cầu Mới ở cuối đường băng của sân bay thì mìn phát nổ. Thiếu tá Tú sợ mất quân dụng của sư đoàn 2 nên bảo quay xe trở lại. Đến nơi anh thấy chiếc xe Mỹ bị nổ đang bốc cháy, 2 tên Mỹ chết, 1 tên khác bị thương. Vụ này đã gây rung động ở thị xã Quảng Ngãi.

Thời kỳ này công tác xây dựng cơ sở nội tuyến trong lực lượng phụ quân rất mạnh. Nhiều địa phương nắm từng trung đội thanh niên tân trang và xây dựng trong họ các tổ binh sĩ yêu nước, ban cán sự và sắp xếp tổ chức

chuẩn bị phục vụ phá khu đồn đưa dân về làng cũ. Điều hành có các trung đội thanh niên tân trang Tịnh Kỳ, Tịnh Thiện, Tịnh Long, Tịnh Hòa (Sơn Tịnh), núi Ông Đọ (Đức Phong, Mộ Đức), Bình Châu (Bình Sơn)...

Ở miền núi, tại các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà đại bộ phận lính dân vệ, phòng vệ dân sự, Trường Sơn thông qua gia đình binh sĩ ra vùng giải phóng nghe cán bộ ta giáo dục, tuyên truyền và giao nhiệm vụ hành động từ thấp đến cao.

Trong thời kỳ chống chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", ngành binh vận tỉnh đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng cơ sở nội tuyến trong sĩ quan nguy. Qua theo dõi, Ban binh vận tỉnh biết rõ lý lịch và thái độ của trung úy Trương Quang Hảo (tức Hào). Ta bố trí đồng chí Tôn Thị Phương (bí danh Yến) tiếp cận, liên lạc và xây dựng anh Hào làm cơ sở nội tuyến trong quân đội nguy. Anh Hào đã thường xuyên báo cáo tình hình địch kịp thời, phục vụ tốt yêu cầu tác chiến của quân giải phóng. Trong mùa khô năm 1972, khi tiểu đoàn bảo an số 117 đi càn quét vùng đông Bình Sơn (sau khi ta diệt chốt An Sen) và đông Sơn Tịnh, anh Hào (với bí số D2) đã kịp thời báo cáo kế hoạch tác chiến hướng hành quân của quân nguy Sài Gòn, giúp quân giải phóng đập tan kế hoạch hành quân của địch, diệt gọn đại đội bảo an 143 và tiểu đoàn bảo an số 117 của địch. Bản thân anh Hào đã vận động, tạo điều kiện cho nhiều binh sĩ bỏ ngũ và trực tiếp xây dựng cơ sở cách mạng trong quân đội nguy.

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong thời kỳ "Việt Nam hóa chiến tranh" đã có 323 vụ binh biến, khởi nghĩa. Trong đó, năm 1969 có 130 vụ, 6 tháng đầu năm 1970 có 48 vụ, năm 1971 có 83 vụ và 9 tháng đầu năm 1972 có 62 vụ.

Đây là thời kỳ ngành binh vận đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến trong các loại quân nguy, nhất là trong thanh niên tân trang và dân vệ. Các cơ sở nội tuyến đã làm nội ứng, binh biến đạt hiệu quả khá tốt.

3- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phát huy chiến thắng, tấn công mạnh mẽ vào tư tưởng binh sĩ Mỹ, nguy và chư hầu:

a- Đối với binh sĩ Mỹ: Trước thất bại liên tiếp, Ních - Xon phải chấp nhận ngồi vào hội nghị Paris để bàn việc rút quân Mỹ. Tư tưởng binh sĩ Mỹ càng biểu hiện lo sợ, hoang mang, chán ngán chiến tranh. Đã có những biểu hiện phản chiến, đòi về nước trong binh sĩ Mỹ. Một tiểu đội lính Mỹ ở Mộ Đức khi đi càn đến cầu Giắt Dây không chịu đi nữa và đã vứt hết ba lô xuống cầu. Tại cứ điểm Gò Hội ở huyện Đức Phổ có 2 đại đội lính Mỹ do 1 đại úy điều khiển mang súng chúc nòng đi quanh Gò Hội 2 vòng, vừa đi vừa hô khẩu hiệu phản chiến. Khi đại úy này về đến quận lỵ Đức phổ thì tên thiếu tá Mỹ chỉ huy Gò Hội đến bắt đã bị đại úy này bắn chết. Trong dịp tết Nguyên đán Canh Tuất (1970) có 4 lính Mỹ ở Đức Phổ đã ra dự tết với nhân dân, được nhân dân đón tiếp, tặng quà. Sau tết ta gửi thư, một người đã viết thư trả lời, trong thư viết "rất sung sướng được nhận thư, cầu chúc sớm được hòa bình".

Chấp hành sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Ban binh vận tỉnh đã tuyên truyền vận động quân Mỹ và ngụy Sài Gòn thực hiện thật nghiêm chỉnh lệnh ngừng bắn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong dịp lễ Noël năm 1969. Đồng thời trong ngày ngừng bắn này làm cho lực lượng quân sự Mỹ - ngụy thấy rõ cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta là chính nghĩa và ta đã tiếp cận với binh lính và sĩ quan ngụy để xây dựng cơ sở cách mạng.

Tháng 12-1969, đoàn công tác của Ban binh vận tỉnh đóng tại Mộ Đức gồm có các đồng chí Thái (Huê), Phạm Ngọc Tương, Tôn Long Tiết họp bàn biện pháp tổ chức thật tốt việc thực hiện lệnh ngừng bắn vào ngày 25-12-1969, chủ yếu là tổ chức cho được buổi gặp mặt trực tiếp giữa đoàn công tác của Ban binh vận tỉnh với tiểu đoàn 4, trung đoàn 6, sư đoàn 2 chủ lực ngụy do tên thiếu tá Sánh làm tiểu đoàn trưởng đóng tại đồn Kiến Khương (Đức Chánh - Mộ Đức) để từng bước lôi kéo bọn này rã ngũ và không đi càn quét vào vùng giải phóng.

Để chuẩn bị cho cuộc gặp mặt này, Ban binh vận tỉnh đã phối hợp với huyện Mộ Đức và xã Đức Chánh tiến hành 3 việc:

- Kết hợp với Ban đấu tranh chính trị của huyện Mộ Đức và xã Đức Chánh huy động 3.000 quần chúng đến quốc lộ 1A đoạn Mồ Cây để hỗ trợ cho cán bộ binh vận tiếp xúc với binh lính và sĩ quan tiểu đoàn 4, trung đoàn 6, sư đoàn 2 ngụy.

- Tổ chức các đội tuyên truyền binh vận của tỉnh và huyện Mộ Đức phát loa liên tục vào các đồn bót và vùng địch kiểm soát từ 20-12 đến 25-12-1969 về lệnh ngừng bắn của MTDTGPMNVN và các chủ trương chính sách của Mặt trận.

- Phối hợp với xã đội Đức Chánh đưa một trung đội du kích với vũ khí đầy đủ để hỗ trợ cho cuộc tiếp xúc và phòng khi có diễn biến xấu.

Vào lúc 8 giờ ngày 25-12-1969 các đồng chí Phạm Ngọc Tương và Tôn Long Tiết đã có mặt tại Mỏ Cày trên quốc lộ 1A, cách đồn Kiến Khương chừng 1.500m, phía sau đã có 3.000 nhân dân xã Đức Chánh và trung đội du kích của xã.

Vào lúc 8 giờ 45 phút, một binh sĩ của tiểu đoàn 4 trung đoàn 6, sư đoàn 2 ngụy cỡi xe máy đi qua. Các đồng chí Tương và Tiết lệnh cho người lính ngừng lại và nói rõ ý nghĩa ngày ngừng bắn, đề nghị về báo cáo với chỉ huy việc cán bộ Mặt trận muốn gặp anh em sĩ quan và binh sĩ của đơn vị. Qua thái độ chân tình và cởi mở của cán bộ ta, binh sĩ này về đồn báo lại. Gần 1 giờ sau, có gần 200 binh lính và sĩ quan của tiểu đoàn 4 kéo ra gặp cách mạng. Lúc này dân chúng cũng lên quốc lộ, vây chặt điểm tiếp xúc. Càng về sau, 2 bên biểu lộ sự thông cảm và thân mật. Tất cả binh lính và sĩ quan có mặt tại địa điểm lắng nghe cán bộ binh vận nói chuyện về tình hình và chính sách hòa hợp dân tộc của Mặt trận, về nguồn gốc của quân ngụy Sài Gòn và cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của đế quốc Mỹ. Một số sĩ quan

tỏ vẻ đồng tình, số này được cán bộ hợp pháp của ta bám theo để xây dựng cơ sở sau này. Sau hơn 1 giờ 30 phút nói chuyện, bọn mật vụ nguy đã về quân lý Mộ Đức báo cáo. Tên thiếu tá Hai (Nguyễn Ngọc Hai) khét tiếng gian ác được phái ra để giải tán cuộc tiếp xúc. Tên Hai ngồi trên chiếc xe jeep, tay lăm lăm chìa khẩu súng M16 về phía cán bộ ta. Lúc này trên 3000 đồng bào xã Đức Chánh đã vây chặt. Lực lượng du kích xã cũng sẵn sàng chiến đấu. Thấy tình thế bất lợi, tên thiếu tá Hai chuẩn thẳng để mặc cán bộ cách mạng và binh sĩ, sĩ quan của tiểu đoàn 4 tiếp tục nói chuyện với nhau.

Đến 11 giờ, từ thị trấn Đồng Cát, quân Mỹ đưa 3 xe M113 chở đến toàn lính Mỹ với súng đạn lăm lăm. Trên đoạn đường quốc lộ 1A đã có trên 400 xe các loại, dồn lại, tắc ứ. Hàng trăm hành khách kéo đến xem Việt Cộng. Trước tình hình đó, cán bộ binh vận vẫn bình tĩnh. Đồng chí Tôn Long Tiết đứng giữa đường chặn đầu chiếc xe M113 đi trước. Anh gọi mấy tên lính Mỹ ngồi trên xe bước xuống để giải thích ý nghĩa của ngày ngừng bắn trong lễ Noel 25-12. Được giải thích, binh lính Mỹ rất phấn khởi, cho dừng xe, hạ súng và nói chuyện với anh Tiết. Đến lúc này đã có trên 5.000 người kể cả hai bên và hành khách trên xe. Nhiều người dân vùng địch kiểm soát là khách đi đường cố chen lấn để được vào xem Việt Cộng, một số người vui mừng nắm tay đồng chí Tiết.

Cuộc tiếp xúc ngày 25-12-1969 giữa cán bộ Mặt trận với lính nguy và lính Mỹ đã gây được tiếng vang lớn trong vùng địch. Ai cũng cho cách mạng là chính nghĩa,

cách mạng nhất định thắng lợi. Lính nguy thuộc tiểu đoàn 4, trung đoàn 6, sư đoàn 2 sau đó có chuyển biến rõ rệt như đối xử tử tế với đồng bào vùng giải phóng. Đã có trên 30 lính của tiểu đoàn này bỏ ngũ và một số sĩ quan, binh sĩ trở thành cơ sở cách mạng của ta.

Qua vụ này cho thấy, một số binh sĩ Mỹ đã thấy được cuộc kháng chiến của nhân dân ta do Mặt trận Dân tộc giải phóng lãnh đạo là chính nghĩa, quân Mỹ không thể chiến thắng được. Nhiều binh sĩ Mỹ đấu tranh để đòi được về nước. Có một số lính Mỹ khi hành quân đã tìm cách chạy theo ta như tháng 8-1971 đã có 1 trung sĩ Mỹ đã chạy ra vùng ta ở Sơn Tịnh, sau đó được đưa lên khu.

b- Đối với lính Nam Triều Tiên: Thời kỳ này đã bớt hung hăng, nhất là sau khi bị ta tiêu diệt ở Quang Thạnh và nhờ công tác tuyên truyền vận động của ta, một số lính Nam Triều Tiên đã dần dần có quan hệ thân thiện với dân. Có những nơi như ở Bình Thanh, Bình Phú, Bình Hòa khi xuống dân lính Nam Triều Tiên nói "Đừng đánh chúng tôi nữa". Một số lính đã gánh nước giúp dân. Nhiều người mong muốn được sớm về nước. Có một số binh sĩ đến chào đồng bào khi trở về. Đến 1973 thì lính Nam Triều Tiên đã rút hết khỏi tỉnh ta.

c- Về vận động binh sĩ nguy: Trước thất bại của Mỹ, binh sĩ nguy ngày càng thất vọng và chán ngán chiến tranh, căm ghét Mỹ, Thiệu, Kỳ. Tại Quán Lát (xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức) có một thanh niên làm hình Mỹ, Thiệu, Kỳ bằng rơm đem đến để ở ngã 3 đường. Tiểu đoàn 3, trung đoàn 4, sư đoàn 2 đi cần thấy hình rơm

Mỹ, Thiệu, Kỳ họ đã dùng súng thi nhau bắn tan nát rồi đem đốt. Khi gặp đồng bào đi làm, những lính này nói: "Chúng tôi đã giết bọn Mỹ, Thiệu, Kỳ rồi, đồng bào hãy đến xem". Nhiều lính ngủ ở các đồn bót đã lắng nghe loa của ta phát tin vào ban đêm. Nhiều người nhặt được truyền đơn đã đọc cho nhau nghe và cất giữ. Khi đi cần, nhiều người mở đài Hà Nội ra nghe. Họ nói với nhau: "Thằng Thiệu, thằng Kỳ không ăn thua gì nữa rồi".

Phong trào gia đình binh lính cùng nhân dân đấu tranh chống địch tàn sát, chống bắt lính dôn quân, đi đầu trong đấu tranh chính trị, vận động kêu gọi chống con dao rã ngũ và về vùng giải phóng tham gia kháng chiến ngày càng cao. Điển hình là các huyện miền núi trong công tác vận động lính H're, xây dựng cơ sở hành động, công tác bao vây bức hàng, bức rút các chốt điểm địch chiếm đóng, cấm cờ giành dân lấn đất trong và sau hiệp định Paris.

Ở Sơn Lăng, Sơn Thành (Sơn Hà) ta đã tổ chức đại hội gia đình binh sĩ, lấy máu ăn thề và có lần tổ chức đón 200 gia đình trong ấp ra dự đại hội. Sau các lần tổ chức học tập, giáo dục các gia đình binh sĩ đã ký kết dứt điểm trong tộc họ, xã, thôn không còn người đi lính.

Ở huyện Mộ Đức trong năm 1972 ta tổ chức được 11 lần đại hội có 1.295 người nhà binh sĩ tham dự, tổ chức được 61 lần đấu tranh đòi chống con có 7.891 lượt người dự.

Trước thất bại nặng nề của các đơn vị chủ lực ngủ ở đường 9 - Nam Lào và cũng như ở ngay trong tỉnh, với

sự tấn công tuyên truyền mạnh mẽ của công tác binh vận, quân nguy ngày càng lo sợ, biểu hiện tư tưởng cầu an, tinh thần chiến đấu bạc nhược, ngại đi càn quét, sợ đụng độ với ta, tránh né, co cụm ngoài đồng không dám vào xóm, khi chạm súng với ta thì bỏ chạy. Một số lính nguy đi càn ở tây Sơn Tịnh, khi du kích xã Tịnh Bình nổ súng đã nhanh chóng giơ tay đầu hàng.

Khi Hội nghị 4 bên ở Paris tiến hành, nhiều binh lính bàn tán xôn xao “thế là hết”. Họ nói với nhau “Mặt trận sẽ thắng”. Lê Văn Huấn, nguy quyền ở huyện Tư Nghĩa tìm gặp dân và thanh minh : “Tôi có làm việc nhưng tôi chưa làm điều gì ác, tôi không đánh đập, tra tấn, giết ai”.

Trưởng Ban dân ý vụ Quảng Ngãi hoang mang phát biểu : “Bây giờ tôi cũng phải tìm chỗ dựa của tôi chứ không còn tồn tại được mấy ngày nữa”.

Tên đại tá Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh sư đoàn 2 nguy, trực tiếp chỉ huy tiểu đoàn 2, trung đoàn 4 phản kích lại ta ở Nghĩa Hành, sau khi tiểu đoàn 2 bị ta tiêu diệt, y buột miệng kêu lên một cách khâm phục “Cộng sản thật là gan dạ, họ có tinh thần chiến đấu dũng cảm, phi thường”.

Do địch hoang mang, lo sợ, công tác binh vận của ta có điều kiện tác động, giáo dục, lôi kéo, làm rõ ngũ binh sĩ ngày càng nhiều, đồng thời có nhiều đơn vị, đồn bót trung lập. Ta phát triển được nhiều cơ sở và tổ chức được nhiều vụ binh biến, phản chiến.

Theo báo cáo chưa đầy đủ, chỉ trong vòng 4 năm của thời kỳ "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969 - 1972) đã có 20.694 binh sĩ ngụy đào rã ngũ lẻ tẻ và có 2 tiểu đoàn, 7 đại đội, 55 trung đội, 6 tiểu đội đào rã ngũ tập thể. Có 223 vụ binh biến diệt 647 tên địch. Ngành binh vận đã gửi 65.831 lá thư cho binh lính, sĩ quan ngụy. So với thời kỳ 1961 - 1965 và 1965 - 1968 thì đây là thời kỳ binh sĩ ngụy đào rã ngũ nhiều nhất, bình quân mỗi năm rã ngũ gần 5.200 tên và bình quân mỗi năm 56 vụ.

4- Công tác binh vận phục vụ cho việc chống bắt lính, đồn quân, góp phần làm hao mòn, suy yếu lực lượng địch:

Trong thời kỳ "Việt Nam hóa chiến tranh", để quân ngụy có thể thay thế dần cho kế hoạch rút quân Mỹ, Mỹ- ngụy càng ráo riết bắt lính, đồn quân để tăng thêm quân số cho quân ngụy và bù vào chỗ hao hụt do bị ta tiêu diệt. Ở tỉnh ta, Mỹ - Thiệu tổ chức bắt lính hết sức trắng trợn. Chúng bắt trẻ em từ 14, 15 tuổi cho đến những người già dưới 50 tuổi. Do vậy, Tỉnh ủy đã đề ra việc chống bắt lính là nhiệm vụ hết sức cấp bách. Tư tưởng chỉ đạo ấy đã được các cấp ủy, các tổ chức đấu tranh chính trị, binh vận, các đoàn thể quán triệt, thực hiện thường xuyên. Ngành binh vận đã tiến hành nhiều biện pháp để chống bắt lính, đồn quân có kết quả thiết thực như: giáo dục, hướng dẫn quần chúng có trách nhiệm bảo vệ, che giấu thanh niên không để cho địch bắt đi lính. Khi địch đến bắt thì tập trung nhiều người cùng nhau phản đối và lôi kéo cho kỳ được con em ở lại.

Có những vụ tiêu biểu như: Tại xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, gần 5.000 đồng bào đoàn kết phản đối dịch đi bắt lính. Những gia đình có thanh niên bị bắt lính đã lần vào kéo lại con em mình cùng với sự hỗ trợ của nhiều người. Cuộc đấu tranh hết sức quyết liệt, kết quả dịch không bắt được một người nào.

Ở thị xã Quảng Ngãi, đồng bào đấu tranh khá quyết liệt chống dịch quân sự hóa học đường, bắt học sinh các trường học tập quân sự, lập đội ngũ và điều đi cho các đơn vị. Tại nhà lao Quảng Ngãi, có cuộc đấu tranh đập phá nhà lao, xé cờ ba que, đánh tên quản đốc nhà lao bị thương để chống việc đưa 60 thanh niên bị tù đi tập quân sự nhằm bổ sung cho quân đội nguy. Học sinh trường Bồ Đề, thị xã Quảng Ngãi tổ chức cắm trại, đưa đơn đòi tỉnh trưởng Quảng Ngãi thả số học sinh bị bắt lính. Học sinh trường Trần Quốc Tuấn đấu tranh chống bắt lính rất quyết liệt trong các ngày 14, 20 và 21-1-1971 đã làm cho bốn cảnh sát nguy quyền Sài Gòn phải nhượng bộ. Cuộc đấu tranh của học sinh ở thị xã Quảng Ngãi đã giành lại được 360 thanh niên bị dịch bắt lính.

Ngành binh vận đã phổ biến chính sách của Mặt trận và hướng dẫn gia đình binh sĩ đi kêu gọi, lôi kéo chống con đang đi lính trở về gia đình, nhất là sau khi ta tiêu diệt nhiều quân nguy Sài Gòn ở đường 9 Nam Lào. Ta đã rải và dán nhiều truyền đơn, áp phích có nội dung:

"Hãy tự giải thoát khỏi con đường dẫn đến chết chóc, tàn tật, vô nghĩa"

- “Bỏ súng về với gia đình”!
- “Diệt ác ôn, về với cách mạng”.
- “Cùng với nhân dân chống đồn quân, bắt lính, bỏ ngũ về nhà làm ăn”

Nhiều gia đình binh sĩ đã kéo đi đòi chồng, con. Có những cuộc, đồng bào kéo nhau đi 50 - 70 người vào tận đồn bót, trụ sở quận, tỉnh đưa đơn đòi chồng, con trở về như ở Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sơn Hà. Có gia đình binh sĩ đã kéo được 5 thanh niên chiến đấu bỏ súng về nhà. Có 5 thanh niên tự chặt ngón tay trở rồi trả súng về nhà. Chỉ mới tính 9 tháng đầu năm 1972 ở Mộ Đức có 1.295 lượt người nhà binh sĩ tổ chức được 61 lần đấu tranh đòi chồng con bị bắt lính trở về với gia đình. Ở thị xã Quảng Ngãi, 100 gia đình binh sĩ đấu tranh, kêu gọi 80 lính trở về. Huyện Đông Sơn chỉ trong 15 ngày đầu tháng 9-1972 các gia đình binh sĩ đã kêu về 36 lính...

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ CHỐNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969 - 1972)

1- Ưu điểm:

a- Công tác tuyên truyền, tấn công chính trị vào tư tưởng binh lính địch mạnh mẽ hơn và bằng nhiều hình thức phong phú như gọi loa, viết thư tay, tấn phát truyền đơn, tổ chức gặp mặt nhân lễ Noel, tết Nguyên đán, tổ chức nói chuyện với đông đảo binh lính địch về tình hình, về chính sách Mặt trận nên đã góp phần phá vỡ

một số lượng khá lớn phụ quân nhất là thanh niên tăn trang, phòng vệ dân sự và một số sắc lính khác. Đặc biệt thời kỳ này ngành binh vận đã giáo dục, tổ chức, hướng dẫn nhiều gia đình binh lính cùng với quần chúng tham gia tấn công chính trị tư tưởng vào hàng ngũ binh lính địch, ép sát đồn bót địch để vận động, kêu gọi binh sĩ địch. Tiêu biểu như ở các xã Phổ Hiệp, Phổ Khánh, Phổ Văn, Phổ Thuận ở huyện Đức Phổ, Đức Phong, Đức Thanh ở huyện Mộ Đức, Nghĩa Kỳ huyện Tư Nghĩa, Bình Trung huyện Bình Sơn.

b- Việc xây dựng thực lực, phát triển cơ sở trong hàng ngũ binh sĩ ngày tiến bộ nhiều hơn trước, nhất là việc phát triển cơ sở nội tuyến, có kế hoạch, hướng dẫn, sử dụng có chất lượng và hiệu quả cao hơn, bảo đảm được nguyên tắc bí mật.

c- Việc tiếp nhận, quản lý giáo dục tù hàng binh tiến bộ hơn trước. Qua đó đã làm cho binh lính, sĩ quan và gia đình binh sĩ tin tưởng vào chính sách của ta nhiều hơn. Đã làm cho các lực lượng vũ trang của ta nhất là lực lượng ở cơ sở như du kích, bộ đội huyện... quán triệt được chính sách tù hàng binh nên việc tấn công quân sự với vận động, kêu gọi binh lính ngày tốt hơn, đạt hiệu quả cao hơn và ta ít bị tổn thất.

d- Đội ngũ cán bộ, cơ sở làm công tác binh vận được xây dựng củng cố, trang bị phương tiện, bồi dưỡng nghiệp vụ, lý lẽ nên trong hoạt động đã phát huy tốt vai trò của binh vận trong việc tấn công địch như bao vây bức hàng, bức rút, đấu tranh giành và giữ dân, chống bắt lính, vận động, kêu gọi chống con còn trong hàng ngũ địch trở về.

2- Về khuyết điểm:

a- Trong chỉ đạo, tuy có chủ trương, có kế hoạch về tấn công binh vận, tỉnh đã có những hướng dẫn cụ thể về cách làm cho từng cấp, từng ngành, từng giới và địa phương nhưng ở cơ sở thì còn thiếu kế hoạch cụ thể nên hiệu quả có lúc còn hạn chế.

b- Mạng lưới hợp pháp ra vào bên trong còn chưa đều và tấn công chưa mạnh, do vậy việc xây dựng cơ sở trong sĩ quan quân Cộng hòa còn ít. Cơ sở trong tề ngụy còn yếu.

c- Việc tiếp nhận quản lý tù hàng binh tuy có tiến bộ nhiều nhưng ở một số trại ở huyện và tỉnh vẫn còn có tù binh trốn trại. Việc tiếp nhận và quản lý tù hàng binh còn có thiếu sót, cá biệt còn có tình trạng đánh đập tù hàng binh như ở Đức Phổ, Mộ Đức.

E - CÔNG TÁC BINH VẬN TỪ SAU KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS ĐẾN GIẢI PHÓNG TỈNH QUẢNG NGÃI VÀ TOÀN MIỀN NAM (27-1-1973 - 30-4-1975)

I- ÂM MƯU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỊCH:

Sau những thất bại liên tiếp trên chiến trường miền Nam, ngày 27-1-1973, Chính phủ Hoa Kỳ và ngụy quyền Sài Gòn phải ký kết Hiệp định Paris về Việt Nam. Theo

Hiệp định Paris, Mỹ phải rút hết quân Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, cam kết tôn trọng quyền độc lập của nhân dân Việt Nam, thừa nhận thực tế ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị. Tại điều 4, chương II của Hiệp định Paris có ghi: "Chính phủ Mỹ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam".

Nhưng ngày 14-1-1973, hai tuần trước khi ký hết Hiệp định Paris, Tổng thống Mỹ Ních - Xon đã gửi thư cho Nguyễn Văn Thiệu, trong đó có cam kết "tiếp tục viện trợ đầy đủ về kinh tế và quân sự" và "Mỹ sẽ trả đũa không thương tiếc với mọi vi phạm lệnh ngừng bắn"⁽¹⁾. Theo Giê - Rôn L. Sê Tô và tiến sĩ Nguyễn Thế Hưng thì: "Thiệu được ủng hộ đầy đủ của Mỹ để thực hiện một chính sách tránh hòa giải về chính trị và tiếp tục tiến công quân sự"⁽²⁾.

Mỹ chủ trương "hiện đại hóa và tinh nhuệ hóa quân đội ngụy bằng kế hoạch quân sự 6 năm (1974 - 1979) làm cho chúng trở thành đội quân tay sai mạnh nhất của nước Mỹ"⁽³⁾.

Mỹ đề ra kế hoạch chiến tranh 3 năm (1973 - 1975) nhằm xóa bỏ "thế đa báo" ở miền Nam, tiêu diệt các lực lượng vũ trang và chính trị của cách mạng, xóa tình trạng hai chính quyền, hai quân đội và 3 lực lượng hiện có⁽⁴⁾.

(1) (2) (3) (4) Nguyễn Thế Hưng và Giê Rôn - L. Sê Tô. Trích dẫn theo lịch sử Đảng CSVN tập II (1945 - 1975) của Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - NXBCTQG tháng 1-1975 - trang 590 và trang 591.

Ngay sau khi ký kết Hiệp định Paris (27-1-1973) Mỹ - Thiệu đã lập tức thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, dốc toàn lực mở cuộc hành quân lấn chiếm vào vùng kiểm soát của ta. Nguyễn Văn Thiệu trắng trợn tuyên bố : “Cuộc chiến tranh đã bắt đầu”.

Tại Quảng Ngãi, chỉ tính trong vòng 9 tháng (từ ngày 27-1-1973 đến 30-10-1973) Mỹ - Thiệu đã vi phạm lệnh ngừng bắn 18.276 vụ, hành quân lấn chiếm thêm 167 chốt điểm mới, nâng số đồn bót, chốt điểm lên 415 cái, lập thêm 6 khu dồn dân và hàng chục ấp chiến lược, đốt phá 17.328 nóc nhà, 85 trường học, 25 nhà chùa, 7 bệnh xá, giết hại 1.511 đồng bào ta, và làm bị thương 1.814 người, bắt tra tấn, đánh đập 5.776 người, giam cầm 722 người, hãm hiếp 574 phụ nữ. Chúng nghiêm cấm nhân dân đi lại giữa hai vùng. Nguyễn Văn Thiệu ra rả tuyên bố qua các loa truyền thanh và báo chí: “Không có hòa bình, không hòa hợp, không chia đất cho cộng sản, không nói chuyện với cộng sản, không cho cộng sản về thăm gia đình. Nếu cộng sản dùng dao thì ta dùng súng, nếu cộng sản dùng súng thì ta dùng đại bác để tiêu diệt nó” ⁽¹⁾. Chúng ráo riết thực hiện việc cày ủi và phát quang trên nhiều vùng rộng lớn như ở các xã Phổ Hiệp, Phổ Phong, Phổ Khánh, Phổ Ninh (huyện Đức Phổ), Đức Thạnh, Đức Phong, Đức Minh (huyện Mộ Đức), Nghĩa Kỳ, Nghĩa Thắng (huyện Tư Nghĩa), thôn Đông Dương (B10) xã Tịnh Ấn huyện Sơn Tịnh...

(1) Thiệu tuyên bố khi có Hiệp định Paris.

Cùng với việc hành quân, cần quét lẩn chiếm một cách tàn bạo, dịch ra sức tăng cường nguy quân, củng cố nguy quyền, thay đổi hàng loạt nhân viên nguy quyền từ xã đến tỉnh, thực hiện đồn quân, bắt lính, bắt ép nữ thanh niên vào phòng vệ dân sự, khuyến khích các đảng phái mở rộng hoạt động, phát triển Đảng dân chủ trong tất cả các cơ quan, trường học ấp, xã. Tháng 10/1973 Nguyễn Văn Thiệu trắng trợn tuyên bố: "Đã bình định được 94% đất đai, quân lực Việt Nam Cộng hòa đã áp đảo được Cộng sản".

Bằng những thủ đoạn tàn bạo, cố tình phá hoại Hiệp định Paris, Mỹ - ngụy đã gây ra cho ta một số khó khăn nhất định.

Về phía ta, sau khi ký kết Hiệp định Paris một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ có tư tưởng hòa bình, nghỉ ngơi, mất cảnh giác. Một số nặng gia đình, mất phương hướng đấu tranh... để địch lẩn và chốt thêm một số điểm như xã Đức Minh (Mộ Đức), Phổ Cường (Đức Phổ), Nghĩa Thắng (Tư Nghĩa), Tịnh Giang (Sơn Tịnh). Ta gặp một số khó khăn trong việc giành dân, bảo vệ vùng giải phóng.

II- SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC BINH VẬN TRONG THỜI KỲ NÀY

Tháng 7/1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nhận định: "Chỗ mạnh của nguy quyền Sài Gòn là được Mỹ viện trợ về vật chất, có cố vấn quân sự Mỹ chỉ huy, quân số đông, hệ thống kìm

keo dày đặc, kiểm soát những vùng đông dân cư, đô thị và đường giao thông chiến lược. Nhưng nguy quyền Sài Gòn có chỗ yếu cơ bản là ở thế thua, tinh thần sa sút, mất chỗ dựa quan trọng là quân viễn chinh Mỹ, kinh tế khủng hoảng, chính sách độc tài, phát xít, bóc lột, mâu thuẫn sâu sắc với toàn thể nhân dân”.

Về phía ta: Hội nghị xác định : “Con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình huống nào, phải kiên quyết phản công và tấn công địch, thu hồi những vùng bị địch lấn chiếm, nơi nào có điều kiện thì mở rộng vùng giải phóng của ta. Trong tình hình mới, vận dụng phương châm đấu tranh phải gắn liền với yêu cầu giành dân, giành quyền làm chủ”, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là : “Đấu tranh trên 3 mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao, tùy theo từng lúc, từng nơi mà kết hợp các mặt trận đó cho thích hợp, buộc địch phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris về Việt Nam, không ngừng giữ vững lực lượng cách mạng về mọi mặt, thắng địch từng bước và chủ động trong mọi tình huống, đưa cách mạng miền Nam tiến lên... Thực hiện một miền Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập và phồn vinh, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước”.

Cụ thể hóa nghị quyết của Trung ương, Hội nghị Quân ủy Trung ương tháng 10-1973 vạch rõ : “Nhiệm vụ trung tâm số 1 về mặt quân sự lúc này là: “Phá bình định, lấn chiếm, giành quyền làm chủ”. Tiếp đó, ngày 15-10-1973 Bộ chỉ huy các lực lượng vũ trang giải phóng

miền Nam ra lệnh: Kiên quyết đánh trả những hành động chiến tranh của chính quyền Sài Gòn bất cứ ở đâu bằng các hình thức và lực lượng thích đáng.

Tháng 12-1973, Hội nghị đại biểu lần thứ 3 Đảng bộ khu V đã ra lời kêu gọi: "Trước mắt phải kiên quyết đánh bại âm mưu lấn chiếm, bình định của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ của nhân dân, giữ vững và xây dựng vùng ta, giữ vững và phát triển thực lực cách mạng".

Đại hội Đảng bộ khu V đề ra nhiệm vụ binh tế vận sau Hiệp định Paris là: "Tập trung sức vận động binh sĩ ngụy nhằm phục vụ nhiệm vụ chung của Đảng bộ là đánh bại lấn chiếm, bình định, tổ cộng của địch, giành dân, giữ dân, mở rộng quyền làm chủ và phát triển lực lượng cách mạng".

Đại hội cũng đề ra một số công tác cụ thể như:

1- Kện toàn tổ chức binh vận các cấp cho đủ người, nhất là ở huyện, xã, chú trọng thành phần hợp pháp, tránh thay đổi những cán bộ có kinh nghiệm; xây dựng đội ngũ binh vận vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức và lề lối làm việc.

2- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ binh vận, đặc biệt là cán bộ làm công tác binh vận ở huyện, xã, cán bộ hợp pháp.

3- Khẩn trương phát triển đội ngũ hợp pháp và lực lượng nòng cốt làm binh vận, lực lượng này gồm có:

- Nòng cốt binh vận trong quần chúng, đặc biệt là trong gia đình binh sĩ, thương binh, nhất là trong vùng địch kiểm soát.

- Lực lượng hợp pháp bám đồn, bót hoặc đơn vị địch.

- Lực lượng làm công tác tiếp cận và vận động sĩ quan.

Thời kỳ này, Khu ủy khu V, Ban binh vận khu V đã thường xuyên có hướng dẫn, điện chỉ đạo cho các Ban binh vận các tỉnh khá chặt chẽ.

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã có những nghị quyết, chỉ thị rất cụ thể về hoạt động binh vận trong thời kỳ này (từ 27-1-1973 đến 30-4-1975).

Hội nghị Thường vụ Tỉnh ủy mở rộng họp từ ngày 21-4-1973 đến 27-4-1973 đã nhận định:

Về địch: Từ sau ngày đình chiến, địch bất chấp Hiệp định. Chúng đã vi phạm lệnh ngừng bắn, cố sống chết phản kích ta để giành lại những vị trí quan trọng như khu vực Sa Huỳnh, nam Sông Vệ, Ba Làng An, Thạch Trụ. Chúng tập trung sức để nối lại và giữ cho được trục đường số 1 và một số đường ngang cần thiết cho chúng.

Đối với vùng giải phóng, địch liên tiếp hành quân với quy mô cỡ đại đội, tiểu đoàn cố gắng lấn chiếm chung quanh các chốt điểm ở hai bên trục giao thông, càn quét, xúc tát dân, đốt phá nhà cửa, cướp bóc tài sản, hãm hiếp phụ nữ, thường xuyên bắn pháo vào vùng đông dân cư

của ta để gây mất ổn định. Chúng tăng cường công tác gián điệp, tình báo, tung tin xuyên tạc Hiệp định Paris.

Đối với vùng còn kiểm soát được như thị xã, thị trấn, địch liên tục hành quân cảnh sát, hội làng, tăng cường các thủ đoạn phát xít như cấm đi lại, cấm hội họp, bàn tán, cưỡng bức nhân dân vào phòng vệ dân sự.

Nghị quyết của Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra những điểm chính sau đây:

1- Phải giải quyết về nhận thức, làm cho cán bộ, đảng viên thấy rõ tình hình hiện nay, ta và địch đang ở trong thế càn rằng lược. Việc lấn chiếm gây căng thẳng, đó là mục đích của địch. Ta chống lấn chiếm đến khi nào bọn ngoan cố, hiếu chiến bị đánh đổ mới thôi. Nếu ta đánh giá đúng địch, ta, quán triệt phương hướng nhiệm vụ và vận dụng đúng đắn phương châm, phương pháp, kiên trì trụ bám, quyết tâm giành và giữ quyền làm chủ của nhân dân thì nhất định ta sẽ đánh bại được âm mưu lấn chiếm của địch.

2- Phải quán triệt vấn đề chống lấn chiếm, giữ nông thôn và giành nông thôn là nhiệm vụ hàng đầu. Do đó phải phát động quần, dân chống địch bằng 3 mũi giáp công, khéo léo kết hợp 2 chân nhưng lấy đấu tranh chính trị, binh vận là chủ yếu.

3- Phải có kế hoạch chống lấn chiếm trên từng vùng: miền núi, nông thôn, đồng bằng, vùng địch mới lấn chiếm.

Về công tác binh vận, Tỉnh ủy chủ trương:

a- Tuyên truyền sâu rộng nội dung Hiệp định Paris, về thiện chí của ta, về chính sách hòa hợp dân tộc, đồng thời tố cáo mạnh mẽ hành động lấn chiếm, gây chiến, phá hoại hòa bình, hòa hợp dân tộc của Mỹ - Thiệu. Phát động một phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi trong binh lính và gia đình họ phản đối Mỹ - Thiệu, tán thành hòa bình, hòa hợp dân tộc.

b- Ra sức vận động phong trào phản chiến trong binh lính địch, "án binh bất động", không hành quân lấn chiếm, không tham gia bình định, tố cộng của địch, đồng tình, ủng hộ hoặc tham gia phong trào đấu tranh đòi hòa bình, hòa hợp dân tộc, chống mọi hình thức kìm kẹp, hà khắc trong quân ngũ, vận động trung lập hóa đồn bót, đơn vị, tiến lên làm binh hiền, khởi nghĩa, ly khai khi có thời cơ.

c- Tích cực phát triển thực lực cơ sở cách mạng trong quân nguy, đảm bảo hoạt động liên tục và lâu dài. Đồng thời chú trọng tổ chức một số cơ sở ngầm trong những đơn vị và vị trí có tính chiến lược và quan trọng của địch để sử dụng khi cần thiết.

Hết sức coi trọng công tác vận động sĩ quan, góp phần mở rộng mặt trận liên hợp hành động vì hòa bình, hòa giải và hòa hợp dân tộc ở thị xã, thị trấn.

d- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào chống đồn quân, bất lính trong các tầng lớp nhân dân, thanh niên, trong dân vệ, thanh niên tân trang ở vùng địch kiểm soát và tranh chấp.

đ- Khẩu hiệu công tác binh vận thời gian này là: “Hòa hình, hòa giải, hòa hợp dân tộc”; lấy nội dung Hiệp định Paris và những vấn đề bức xúc về đời sống của nhân dân, tính mạng của binh lính và gia đình họ làm nội dung cơ bản để tuyên truyền, tấn công chính trị vào hàng ngũ nguy quyền, nguy quân; làm cho các nội dung trên biến thành yêu cầu, nguyện vọng, tình cảm, ý chí của mọi người trong gia đình binh sĩ và nhân viên nguy quyền. Từ đó làm họ đồng tình, ủng hộ cuộc đấu tranh của quần chúng chống tập đoàn Thiệu ngaoan cố, hiếu chiến và độc tài phát xít đẩy họ và gia đình họ vào chỗ chết chóc, cơ cực để họ có thể hành động phản chiến, chống lệnh đi hành quân lấn chiếm, bình định nhằm phá vỡ địch về tư tưởng và tổ chức, đồng thời tranh thủ nắm lính, nắm tề, phát triển thực lực trong binh sĩ và nhân viên nguy quyền.

III- HOẠT ĐỘNG BINH VẬN VÀ KẾT QUẢ:

Được Tỉnh ủy lãnh đạo, uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, mất cảnh giác, ảo tưởng hòa bình, muốn nghỉ ngơi... cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đã dần dần đánh giá đúng bản chất, âm mưu của địch. Chúng ta đã từng bước đánh bại âm mưu lấn chiếm, bình định của địch đồng thời dựa vào pháp lý của Hiệp định Paris để đẩy mạnh tấn công chính trị, binh vận, giữ vững vùng giải phóng, tạo ra thế và lực mới tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi vào

ngày 24-3-1975 và tham gia vào cuộc tổng tấn công nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam 30-4-1975.

Thời kỳ này hoạt động binh vận đã đạt được những thành tích xuất sắc trên các mặt sau đây:

1- Chống bình định lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng:

Nhờ có kế hoạch và chuẩn bị đón thời cơ, sau khi ký kết Hiệp định Paris, tỉnh đã mở đợt tấn công tuyên truyền Hiệp định Paris và lệnh ngừng bắn từ 0 giờ ngày 28-1-1973 vào hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền trong tỉnh. Các lực lượng chính trị, binh vận, vũ trang trong tỉnh phối hợp chống địch hành quân, cấm cờ giành đất, giành dân, kêu gọi ngừng bắn, hòa giải giữa hai bên.

Chỉ tính trong năm 1973, ta đã phát loa 2.963 lần vào các đồn bót và vị trí đóng quân của địch, gửi 1.230 thư kêu gọi của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và nội dung Hiệp định Paris, viết và tấn phát 115.670 khẩu hiệu, 4.700 áp phích và khẩu hiệu lớn, đưa thư trực tiếp cho binh lính và nhân viên ngụy quyền 4.872 lá..., tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc giữa cán bộ binh vận với binh lính, sĩ quan địch. Ở vùng đông Bình Sơn và đông Sơn Tịnh như ở An Cường, Tịnh Kỳ, Tịnh Hòa lực lượng binh vận đã cùng các đơn vị vũ trang địa phương (D48 của tỉnh, C275 của huyện) cùng với du kích dùng xe đạp có mang theo loa máy, loa tay tuyên truyền nội dung của Hiệp định Paris đã làm dịu tình hình ở vùng này trong những ngày đầu. Các tổ binh vận và các

đơn vị C195 (Nghĩa Hành), C284 (Sơn Tịnh), C71 (Đông Sơn), C219 (Đức Phổ), C19 (Mộ Đức), và du kích các xã Phổ Cường, Phổ Hiệp, Phổ Khánh, Phổ Phong (Đức Phổ), Tĩnh Giang, Tĩnh Ấn, Tĩnh Hà, Tĩnh Thọ (Sơn Tịnh), Hậu Thịnh, Hành Thiện (Nghĩa Hành), Bình Trung, Bình Chương, Bình Hải (Bình Sơn)... đã nhanh chóng dùng loa kêu gọi lính nguy thực hiện nội dung Hiệp định Paris, Nghị định thư và các chính sách hòa hợp dân tộc của Mặt trận dân tộc giải phóng và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, kêu gọi gặp gỡ tiếp xúc hai bên, đồng thời cảnh báo những hành động vi phạm lấn chiếm đất, nhổ cờ. Có nơi địch nhổ cờ của ta, ta bắt chúng phải cắm lại, chúng chấp nhận, cắm lại cờ cho ta rồi về lại đồn cũ.

Tại tây Sơn Tịnh, địch cho 1 lính bảo an thuộc tiểu đoàn 141 đóng ở Đồi 47 mò ra cắm cờ trên vùng đất giải phóng. Bị ta bắt được kiểm tra thấy trong ba lô có 52 lá cờ ba que. Ta giải thích nội dung Hiệp định Paris cho binh sĩ này, ta gửi bản Hiệp định và báo anh về đọc cho binh lính trong đồn nghe. Từ đó không thấy binh sĩ nào ra cắm cờ ở khu vực này nữa.

Tại Sa Huỳnh, Đức Phổ, nhờ ta phát loa phổ biến nội dung Hiệp định và giờ ngừng bắn, tiểu đoàn 39 biệt động đóng ở đây khi đến giờ ngừng bắn có hiệu lực đã để súng tại chỗ, vỗ tay hoan hô Hiệp định và ra gặp bộ đội ta.

Một trung đội cộng hòa đóng ở Đá Chồng (Sơn Tịnh) nhận được giấy mời của ta, phân khởi tìm đến điểm đón

tiến cùng nhân dân và cán bộ vui tết Quý Sửu (1973), tết mừng hòa bình và hòa hợp dân tộc.

Đơn vị biệt động biên phòng ở Hoầu - Phe - Rinh (Sơn Hà) chỉ trừ tên đại đội trưởng còn tất cả 80 binh sĩ, sĩ quan đều kéo ra nghe ta phổ biến nội dung Hiệp định Paris.

Lính bảo an thuộc tiểu đoàn 109 nói chuyện với nhau tại 1 quán ăn ở thị trấn Sông Vệ: "Nay có hòa bình rồi liệu mà làm để còn sống về với vợ con, chòm xóm". Một thiếu úy công binh nói: "Tôi cũng chán cái đời lính lắm rồi, chỉ mong có hòa bình, may được sống về với vợ con" (1).

Tiểu đoàn 2, trung đoàn 6, sư đoàn 2 nguy đóng ở Hòn Dấu (Tỉnh Hiệp, Tỉnh Đông, huyện Sơn Tịnh), bị bọn chỉ huy ra lệnh cho một đại đội bí mật đánh chiếm cho được Gò Cao và 2 đại đội khác đánh vào thôn Minh Thành xã Tịnh Minh. Ta đánh trả, chết một số tên, đồng thời phát loa tố cáo sẽ trừng trị những tên đi lấn chiếm. Chúng sợ rút chạy về và không chịu làm theo lệnh trên nữa.

Cùng với phát loa kêu gọi, ta còn tấn phát hàng chục ngàn truyền đơn, áp phích có nội dung như:

- Không hành quân lấn chiếm, càn quét, giải tỏa.
- Đòi rút bỏ các chốt điểm đóng trái phép sau ngày

28/1/1973.

(1) Báo cáo tổng kết binh vận 1973, tài liệu của Tỉnh đội Quảng Ngãi.

- Diệt bọn ác ôn ngoan cố, thúc ép binh sĩ đi vào chỗ chết.

- Cùng với nhân dân chống đồn quân bắt lính, bỏ ngũ về nhà làm ăn...

Các truyền đơn này được tán phát vào binh lính bằng nhiều con đường đã có tác dụng khá mạnh. Cụ thể:

- Nhờ binh vận hoạt động tích cực, trung lập được các đồn bót nên trên các hành lang từ đông lên tây ta đi lại an toàn. Từ vùng đông lên tây Sơn Tịnh ta trung lập 2 đồn Núi Võ và Đốc Trâu, nên đi lại không bị trở ngại.

- Tiểu đoàn 2, trung đoàn 5 (sư đoàn 2) phản đối chỉ huy, không chịu đi lấn chiếm khu vực Kim Giao, xã Phổ Thuận (Đức Phổ) suốt 15 ngày liền. Sau đó họ đã có hành động phản chiến, bắn chết 1 tên thiếu úy, 3 tên trung sĩ và 3 tên ác ôn khác. Anh Bưởi ở trung đội dân vệ 160 (Mộ Đức) đã bắn chết 2 tên ác ôn đang đi bắt thanh niên vào lính. Sau đó anh Bưởi mang 1 súng trở về với cách mạng. Hai lính thuộc đơn vị trinh sát 5 đã bỏ vị trí đóng trái phép ở Núi Đồi (Đức Hòa) mang súng chạy về Đồng Cát đánh trả bọn cảnh sát, dân vệ, giết 4 tên, làm bị thương 4 tên khác. Bọn địch vây bắt 2 anh này. Một anh tự tử chết tại chỗ, còn một anh bị thương và bị bắt sống. Trước mặt tên quận trưởng Mộ Đức và số đông binh lính, anh này đã chửi tên quận trưởng và tố cáo Nguyễn Văn Thiệu hiếu chiến, vi phạm Hiệp định. Trước

khi bị bắn chết anh hồ khẩu hiệu: "Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu, ủng hộ Phạm Văn Đồng" (1).

Anh Đinh Lem, lính biệt động tiểu đoàn 60 ở huyện Sơn Hà rất căm phẫn trước hành động thúc ép binh sĩ đi càn, lấn chiếm vùng Mặt trận dân tộc giải phóng kiểm soát đã bắn chết tên trung úy Diêm, đại đội trưởng và mang súng chạy về vùng giải phóng.

Nhờ quán triệt Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy 7-1973 và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (8-1973), kết hợp tốt 3 mũi giáp công, nên quân dân nhiều nơi đã đánh bại nhiều đợt lấn chiếm của địch như ở Đức Nhuận (Mộ Đức), An Sơn (xã Bình Phú - Bình Sơn), Phổ Ninh, Phổ Vinh (Đức Phổ), Đình Cương, Hành Thiện (Nghĩa Hành), Núi Tròn, Núi Dấu (Sơn Tịnh)... bảo vệ được vùng giải phóng ở những nơi này. Đồng thời ta đã trung lập, bao vây 48 đồn bót địch (1974), nên tuy còn đồn địch mà ta vẫn nối liền vùng giải phóng. Như ở Sơn Tịnh, ta vẫn nối liền vùng giải phóng Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Hà, có lập quản lý Sơn Hà (mặc dù có các đồn Núi Tròn, Núi Lách...).

Sang năm 1974, khí thế cách mạng của quân và dân trong tỉnh đã chuyển lên một bước mới. Nhân dân tin tưởng hăng hái thực hiện chủ trương của Đảng và chính quyền cách mạng, quyết tâm trụ bám giữ vững vùng giải phóng và tích cực tham gia các đợt tấn công và nổi dậy, mở rộng vùng giải phóng trong xuân hè 1974.

(1) Báo cáo công tác binh tế văn năm 1973 của Tỉnh đội Quảng Ngãi.

Ngày 17-7-1974, ta mở chiến dịch Thu năm 1974 tiến công địch ở Phú Lâm Tây, cầu Cộng Hòa, núi Đình Cương, cắt đường giao thông của địch từ Nghĩa Hành đi Minh Long. Liên sau đó, sáng 16-8-1974 ta tiến đánh quận lỵ Minh Long. Qua một ngày đêm bao vây, công kích, sáng 17-8-1974 ta tiêu diệt toàn bộ quân địch, làm chủ chi khu quận lỵ. Quân chúng hăng hái nổi dậy truy bắt bọn tay sai ác ôn và kêu gọi binh lính còn trốn tránh ra đầu thú.

Đầu tháng 9-1974 ta bao vây công kích chi khu Giá Vụt. Đến ngày 20-9-1974 ta tiêu diệt tiểu đoàn 70 biệt động biên phòng và tập kích 2 đại đội bảo an, dân vệ, đánh tan 15 chốt điểm, giải phóng hoàn toàn chi khu Giá Vụt.

Như vậy đến tháng 10-1974 lực lượng chủ lực nguy bị tiêu hao, tiêu diệt nặng nề, quân số thiếu hụt, tinh thần chiến đấu sa sút, chúng phải lùi về cơ cụm để giữ phần đất còn lại. Các đoàn binh định nông thôn, địa phương quân, dân vệ, thanh niên tân trang tan rã nghiêm trọng. Trên địa bàn Quảng Ngãi, kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch cơ bản đã bị đánh bại.

2- Công tác vận động gia đình binh sĩ, chống bắt lính, đồn quân, phá rã phụ quân:

Trong thời kỳ này, công tác vận động gia đình binh sĩ đạt kết quả rất tốt. Được các đoàn thể và tổ chức binh vận, chính trị cho học tập về nội dung Hiệp định Paris và chính sách hòa hợp dân tộc, nhiều gia đình binh sĩ

đã hăng hái vận động chồng, con, em trở về với gia đình hoặc không chịu đi hành quân lấn chiếm vào vùng của Mặt trận kiểm soát. Trong vòng 3 ngày sau Hiệp định Paris được ký kết, quần chúng các xã Phổ Thạnh, Phổ Vinh, Phổ Cường, Phổ Thuận, Phổ Ninh (huyện Đức Phổ), trong đó chủ yếu là gia đình binh sĩ đã vận động về được 244 binh sĩ ⁽¹⁾.

Tại xã Phổ Cường, ngành binh vận đã tập hợp được 80 gia đình binh sĩ đứng ra ngăn chặn những hành động cướp bóc của binh lính đi càn và giữ được quan hệ bình thường giữa hai vùng, mở ra được một cửa khẩu để giao dịch hàng hóa và bao vây, trung lập 1 đại đội bảo an đóng ở Núi Bè, buộc địch phải chấp nhận những yêu cầu của ta như không hành quân lấn chiếm, không cấm cở ngoài khu vực đóng quân, những nơi đã lấn chiếm phải rút quân về.... Cũng tại xã Phổ Cường, một bà cụ tìm gặp một người lính ngụy con của bà. Bà nói: "Hòa bình rồi, còn đánh ai nữa đâu, con đi về làm ăn với gia đình". Người lính này lúc đầu không nghe, cấm cở ba que đi cấm, bà giành lại không cho cấm. Ít hôm sau, người lính con của bà đã trở về với gia đình.

Tại các chốt Đông Sơn và Bình Sơn, ta đã vận động cha mẹ binh sĩ kêu gọi và cho vợ con binh sĩ trong đồn đi ra mua bán, đưa người hợp pháp của ta vào, sau đó

(1) Tập 1, tài liệu Hội nghị chuyên đề về đấu tranh chính trị, binh vận ngày 4-4-1974 của Ban binh vận tỉnh Quảng Ngãi.

hẹn gặp trao đổi, đưa ra những yêu cầu của ta. Như cho người gặp anh N ở Đông Sơn. Sau khi gặp ta, qua phân tích và đấu tranh của ta địch đã thừa nhận những tội ác và hứa không vi phạm Hiệp định nữa, hứa giữ quan hệ bình thường giữa hai bên, không gay căng thẳng nữa. Sau buổi tiếp xúc, có 20 binh sĩ bỏ ngũ ra vùng giải phóng.

Ở huyện Sơn Hà, 1 chị vợ lính tìm thăm chồng ở núi Lách (Tịnh Giang, Sơn Tịnh) và khuyên chồng: "Hòa bình rồi, anh về với em và con". Người chồng mang súng về vùng giải phóng. Chị và một số nông cốt liên hệ với lính ở các đồn bót, khu đồn đưa được 600 dân Sơn Hà bị địch xúc xuống Quảng Ngãi trở về vùng ta. Lúc này nhiều xã, huyện đã tổ chức cho người thân trong gia đình như cha mẹ đi gặp con, vợ gặp chồng, con đi tìm cha để kêu gọi trở về với gia đình với lời khuyên: Hòa bình rồi, hãy về với gia đình, đi hành quân, lấn chiếm là vi phạm Hiệp định, sẽ bị quân giải phóng trừng trị.

Do vậy, thời kỳ này số đào rã ngũ rất đông, chỉ tính sau ngày Hiệp định Paris đến cuối năm 1974 đã có 23.898 binh sĩ đào rã ngũ, đông nhất là dân vệ, thanh niên tân trang, bảo an. Bình quân 1 năm đào rã ngũ gần 12.000 người. Ngoài số đào rã ngũ lẻ tẻ, có 186B và 2D đào rã ngũ tập thể (2 tiểu đoàn này rã ngũ mỗi tiểu đoàn trên 100 binh sĩ) và có 6 toán dân ý vụ bỏ việc, không làm.

3- Xây dựng cơ sở và chỉ đạo, tổ chức cơ sở hành động:

Thời kỳ này, Tỉnh ủy chủ trương xây dựng và phát triển thực lực cách mạng, chú ý trong vùng địch còn kiểm soát, nhất là ở thị xã Quảng Ngãi.

Bọn địch ở thị xã là bọn đầu sỏ, nơi đây tập trung nhiều tên gian ác. Chuẩn bị có Hiệp định, ở thị xã Quảng Ngãi địch đã áp dụng những thủ đoạn phát xít, tàn bạo như sau:

- Hành quân cảnh sát: Chúng tổ chức hai loại: Cảnh sát công khai và cảnh sát mật. Bọn này đến từng nhà lục soát hoặc chặn đường tra hỏi, khám xét trong người. Chúng ráo riết và tích cực đón bắt lính ở các ngã đường, không vận động được học sinh đi lính thì chúng đến nhà phục sẵn để bắt. Chúng vu cáo gia đình học sinh, thanh niên có quan hệ chính trị với cách mạng, đe dọa tù tội để buộc phải chấp nhận đi lính và cấp thẻ phòng vệ dân sự cho những người trong gia đình.

- Chúng đặt ra những luật lệ phát xít như:

+ Cấm trại quân đội 100%.

+ Cấm tụ tập từ 3 người trở lên.

+ Cấm quan hệ ra vào hai vùng.

+ Cấm bàn tán về hòa bình, hòa hợp dân tộc.

+ Mọi nhà đều phải treo cờ 3 que.

+ Cấm gia đình binh sĩ đi thăm chồng, con và kêu gọi con, em về ăn tết...

- Từ sau ngày 27-1-1973, địch quản thúc tất cả những gia đình có quan hệ với cộng sản, (có người đi tập kết, đi thoát ly, có cơ sở liên hệ, nuôi giấu, liên lạc với cách mạng...) tập trung bọn tể ngục xã, áp tức trực ở trụ sở. Các cơ quan, công sở có lực lượng phòng vệ canh giữ ngày và đêm. Số này được trang bị súng để bảo vệ.

- Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc nội dung Hiệp định Paris, bưng bít không cho dân bàn tán. Chúng nói miền Bắc bị thua sau khi bị đánh bằng B52 nên mới chịu ký Hiệp định, ngừng bắn 1 tháng để Mỹ rút quân rồi sau sẽ trở lại. Chúng tổ chức lực lượng lưu manh, phản động phản đối các phái đoàn của ta sau khi có Hiệp định.

Tỉnh ủy, Ban binh vận tỉnh, binh vận các huyện đã xây dựng cơ sở, tập hợp tư liệu về Hiệp định Paris, tuyên bố của Chính phủ cách mạng, các báo chí của vùng địch nói về Hiệp định... để hướng dẫn quần chúng bàn luận về hòa bình, lấy tuyên bố "4 không" của Nguyễn Văn Thiệu để đối chứng với Hiệp định và gợi ý đấu tranh. Ta trang bị lý lẽ cho nhân dân trước hết là cơ sở trong gia đình binh sĩ. Kết quả quần chúng đã đấu tranh đòi nguy quyền xóa bỏ được:

- Việc cấm tụ tập trên 3 người.

- Việc ngăn chặn, bắt học sinh, thanh niên (khi bị chặn, học sinh, thanh niên đã giữ Hiệp định ra giải thích cho cảnh sát, chúng không dám bắt).

Ta lấy số liệu xác chết đem về hàng ngày ở các bệnh viện dã chiến, vận động người thân của gia đình binh sĩ khóc lóc, đòi đi thăm chồng con. Họ nói: "Hòa bình rồi mà sao ông Thiệu còn đẩy anh em binh sĩ và chồng con của chúng tôi đi hành quân, lấn chiếm để bị Việt cộng đánh chết. Như vậy ông Thiệu đã vi phạm Hiệp định".

Đồng bào đã chống treo cờ 3 que với lý lẽ ở đây là vùng quốc gia, không có cộng sản, mấy năm nay có treo cờ bao giờ đâu ? Cất trong nhà cũng được, chỉ treo cờ khi nào có ngày lễ long trọng. Nhiều cảnh sát đồng tình với lý lẽ của dân.

Qua số cơ sở trong sĩ quan và binh sĩ mà ta đã xây dựng lâu nay cùng với số cán bộ hợp pháp và gia đình binh sĩ, ta đã huy động 9.675 quân chúng, trong đó có 5.855 người của gia đình binh sĩ và 184 binh lính sĩ quan tham gia vào 118 cuộc đấu tranh chống địch phát quang, cày ủi thắng lợi như ở các xã Tịnh Hà, Tịnh Thọ huyện Sơn Tịnh, Bình Khương, Bình Bắc huyện Bình Sơn, Phố Khánh, Phố Minh, Phố Quang ở Đức Phổ, đấu tranh chống địch bắt giết nhân dân ở xã Đức Chánh, Mộ Đức.

Đặc biệt, thời kỳ này quân chúng và gia đình binh sĩ đã mạnh dạn xáp vào lính và tề ngụy để vận động có kết quả khá và đều khắp. Ở xã Tịnh Hà, các gia đình binh sĩ đã vận động được 5 dân vệ và 3 tề ở xã, ấp đồng tình đấu tranh chống địch khủng bố, cùng ký vào đơn

yêu cầu thực hiện Hiệp định Paris, chấm dứt những hành động khủng bố để gởi lên quân trưởng quân Sơn Tịnh. Tại xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức quân chúng đã vận động tiểu đoàn bảo an số 109 đóng ở Núi Diệp không bắn phá và để cho nhân dân đi lại làm ăn dễ dàng. Ở xã Phổ Châu huyện Đức Phổ quân chúng đã vận động binh lính không cần vào thôn Đồng Tâm và buộc địch phải rút về (1).

Chỉ tính riêng quý 3-1974, ngành binh vận đã tấn phát 113.011 tờ truyền đơn, 16.900 áp phích, phát quân lệnh 1.093 tờ, phát và đọc 527 bản tố cáo vi phạm và gây tội ác của ngục quán, ngục quyền Sài Gòn, gọi loa vào đồn, bót và vùng địch kiểm soát 822 lần, viết và gửi trực tiếp 592 lá thư tay, có 36 lá trả lời (2);

Qua hoạt động tích cực của ngành binh vận, được quần chúng hưởng ứng, ta dần dần xây dựng được nhiều cơ sở, giáo dục, hướng dẫn họ hành động phục vụ cho việc chống lấn chiếm, ổn định đời sống nhân dân và tấn công vào bên trong vùng địch.

Theo báo cáo của Ban binh vận tỉnh, trong quý 3 năm 1974, ta đã xây dựng, phát triển được 301 cơ sở hợp pháp mới, trong đó có 25 người nhà của binh sĩ và xây dựng được 43 cơ sở nội tuyến mới trong binh lính, sĩ quan ngục. Ta đã nắm và sử dụng 2 trung đội thanh

(1), (2) Báo cáo công tác binh vận quý 3 năm 1974 của C539 số 116/VP ngày 30/9/1974 (C539 là ký hiệu của Ban binh vận).

niên tân trang, 3 toán phòng vệ dân sự (19 người), 9 dân vệ và 47 tề liên gia, ấp. Binh lính đã phản chiến và tự thương là 335 vụ, 5 trung đội thanh niên tân trang phản chiến tập thể.

Ta đã sử dụng cơ sở nội tuyến hành động 21 vụ (trong đó có 16 vụ binh biến, diệt ác ôn, 3 vụ nội ứng và 2 vụ khởi nghĩa ly khai), diệt 50 tên địch, trong đó có 3 tên trung đội trưởng dân vệ, 4 tên cảnh sát cuộc, 47 tên ác ôn, còn lại 39 tên là binh lính các loại. Ta bắt sống 5 tên dân vệ, tề ấp, làm bị thương 30, trong đó gồm 1 tên trung đội trưởng dân vệ, 4 tên ác ôn và 25 lính các loại.

Ta đã sử dụng cơ sở trong tề ấp và dân vệ để phá khu đồn Hòn Một ở xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, Phổ Khánh huyện Đức Phổ; sử dụng cơ sở trong thanh niên tân trang hỗ trợ quần chúng nổi dậy diệt ác ôn, phá khu đồn và giành quyền làm chủ ở các xã Bình Châu, Tịnh Kỳ, Tịnh Khê (huyện Đông Sơn). Ta còn sử dụng cơ sở nội tuyến để lãnh đạo binh biến đấu tranh chống đi viện trợ cho các cuộc phản kích, lấn chiếm, vận động binh sĩ tự thương, rã ngũ 704 người, trong số này có 445 lính cộng hòa, 23 biệt động, 117 bảo an, 55 dân vệ. 126 lính chạy về vùng giải phóng, 124 người về các tỉnh Nam bộ. Trong số đào rã ngũ có 1 trung úy, 3 chuẩn úy và 2 thiếu úy ⁽¹⁾.

Theo thống kê của Ban binh vận khu V về công tác binh tế vận 1974 thì tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện được:

(1) Báo cáo qui 3 năm 1974 của C539.

- Phát động, giáo dục quần chúng 34.915 lượt người, có 10.047 người trong gia đình binh sĩ.

- Phát động lính và tề ngụy được 963 lượt người.

- Tấn phát 215.369 truyền đơn.

- Gọi loa vào các đồn, bót, khu đồn và vùng địch còn kiểm soát 1.738 lần.

- Viết thư tranh thủ binh lính, sĩ quan, tề ngụy 2.581 lá.

- Viết, treo, dán 19.979 tờ áp phích, khẩu hiệu.

- Gửi 772 thiệp chúc tết đến sĩ quan binh lính, tề ngụy.

- Chuyển 2.069 giấy thông hành cho binh lính, sĩ quan, nhân viên tề ngụy có thể tìm gặp cách mạng⁽¹⁾.

4- Công tác binh vận phục vụ cho tổng tấn công và nổi dậy giải phóng toàn tỉnh ngày 24-3-1975 và góp phần giải phóng toàn miền Nam 30-4-1975.

Hai năm sau khi ký kết Hiệp định Paris, trên đất Quảng Ngãi kế hoạch lấn chiếm, bình định của địch đã bị thất bại thảm hại. Đến tháng 9-1974, ta đã giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long, thu hồi nhiều vùng bị chúng lấn chiếm sau ngày 27-1-1973. Địch phải co cụm để giữ phần còn lại và để tránh bị tiêu diệt. Mỹ rút hết quân Mỹ và cắt giảm viện trợ, quân ngụy tổn thất nặng

(1) Thống kê của Ban binh vận khu V gửi cho Ban binh vận tỉnh Quảng Ngãi ngày 15/1/1975 - công văn không số.

nề, không thể bắt lính, dôn quân bù đắp kịp. Nguyễn Văn Thiệu phải kêu gọi binh lính nguy chiến đấu theo kiểu nhà nghèo.

Vào cuối tháng 9, đầu tháng 10-1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa III) đã họp phân tích tình hình, thời cơ chiến lược và bàn nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị đã khẳng định: "Mỹ rút khỏi miền Nam và dù có can thiệp đến thế nào đi nữa, cũng không cứu vãn được nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn" ⁽¹⁾. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược "Động viên sự nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền trong thời gian hai năm 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành khẩn trương và hoàn thành công tác chuẩn bị mọi mặt, tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã nguy quán, đánh đổ nguy quyền từ trung ương đến địa phương giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam, thực hiện một miền Nam Việt Nam hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà" ⁽²⁾. Bộ Chính trị còn dự kiến phương án: "Nếu

(1) Đại thắng mùa xuân - Đại tướng Văn Tiến Dũng - NXB QĐND Hà Nội năm 1975 trang 27.

(2) Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975 NXB QĐND - 1975 trang 218.

thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975 ⁽¹⁾.

Tháng 12-1974, Thường vụ Tỉnh ủy đã họp, nghiên cứu tình hình và đề ra tư tưởng chỉ đạo là: "Táo bạo, kiên quyết, vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi lớn".

Đầu năm 1975, nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy được triển khai nhanh đến tận cơ sở. Chỉ trong vòng 2 tháng đầu năm 1975, lực lượng chính trị, binh vận của quần chúng được tổ chức tốt. Ta có khả năng huy động hàng chục vạn người xuống đường, nhập thị và phối hợp với lực lượng bên trong cùng nổi dậy. Ngày 20-2-1975, trung đoàn bộ binh đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước của tỉnh được thành lập (gồm các tiểu đoàn 83, 48 và 81) mang tên trung đoàn 94. Lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận vừa kết hợp tấn công địch lấn chiếm, bao vây bắt rút các đồn, bót vừa tích cực chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công và nổi dậy giải phóng tỉnh. Cùng với các chiến trường chung ở Trị Thiên, đông Nam bộ, trong những ngày đầu tháng 3, trước khi mở chiến dịch, lực lượng ta đã kiên quyết giữ vững trận địa ở phía tây nam Nghĩa Hành như núi Đình Cương, núi Ngang, đèo Quán Thơm, đánh lui tất cả các đợt phản công của sư đoàn 2 ngụy. Lực lượng vũ trang và quần chúng nổi dậy cắt đứt từng đoạn đường giao thông phía nam, gây

(1) Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975 NXB QĐND - 1975 trang 218.

cản trở việc vận chuyển quân và tiếp tế của địch từ trong ra, đồng thời ta tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch ở hướng này. Trong lúc đó ở phía Quảng Nam, bộ đội chủ lực của ta đang vây chặt và cắt đường, chặn đứng quân địch từ hướng Quảng Nam vào Quảng Ngãi, tạo nên thế trận phối hợp rất đẹp trên chiến trường khu V. Trong khi ta đã hoàn thành đến mức cao nhất mọi việc chuẩn bị thì ngày 10-3-1975 quân giải phóng đánh chiếm Buôn Ma Thuột, mở màn cho cuộc tổng tiến công chiến lược mùa xuân 1975.

Từ 5 giờ sáng ngày 16-3-1975, tại huyện Bình Sơn, ta nhanh chóng diệt cụm chốt điểm Truong Trầu, Đá Đen (xã Bình Khương), đánh cầu Sông Chùa, Gò Sỏi, chốt Chí Trung (xã Bình Trung). Lực lượng quân chúng nổi dậy giải phóng các xã Bình Khương, Bình Trung, Bình Nguyên, Bình Bắc (nay thuộc xã Bình Nguyên). Cùng đêm 15/3 lực lượng vũ trang huyện Đông Sơn và du kích các xã Tĩnh Phong, Tĩnh Ấn Đông, Tĩnh Long, Tĩnh Thiện, Tĩnh Châu tấn công tiêu diệt ấp Phú Nhuận, bao vây bức rút chốt Đầu Voi, chùa Thấy Linh... làm chủ vùng đông và đông bắc chi khu quận lỵ Sơn Tĩnh. Phía tây Sơn Tĩnh đêm 15-3 ta diệt đồn Núi Đất (xã Tĩnh Bình), phá banh khu đồn Kim Sa (xã Tĩnh Thọ), bức rút đồn Hòn Dầu (xã Tĩnh Hiệp). Như vậy cả vùng đông bắc và tây Sơn Tĩnh đã được giải phóng. Lực lượng chính trị, binh vận, vũ trang hăng hái hoạt động, quân chúng

nô nức phấn khởi. Chi khu quận lý Sơn Tịnh và phía bắc thị xã Quảng Ngãi bị uy hiếp nặng nề. Trong hoàn cảnh bị bao vây, cô lập từ nhiều hướng, quân địch ở quận lý Sơn Hà rút chạy vào đêm 16 rạng ngày 17-3-1975. Hàng nghìn nhân dân Sơn Hà cùng với lực lượng huyện và đội công tác thị trấn đã vào chiếm lĩnh quận lý. Sơn Hà hoàn toàn giải phóng. Thừa thắng, ngày 18-3-1975 ta đánh tiểu đoàn biệt động 69 đóng ở quận lý Trà Bồng đang trên đường tháo chạy, tiêu diệt 3 đại đội của tiểu đoàn này, giải phóng hoàn toàn huyện Trà Bồng và các điểm giáp ranh.

Cũng từ 15-3-1975 đến 18-3-1975, lực lượng địa phương cùng du kích và các đội công tác ở các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức tấn công diệt các chốt điểm tây nam Nghĩa Hành và tây Mộ Đức. Cùng lúc này quân dân các huyện Đức Phổ, đông Mộ Đức, đông Tư Nghĩa đã tấn công, nổi dậy, mở mằng liên hoàn dọc theo biển từ Sa Huỳnh đến Cổ Lũy và bằm nát trục đường giao thông quốc lộ 1A. Hàng chục vạn nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ, hăng hái đi tải đạn, cứu thương, lôi kéo vận động binh sĩ, bỏ ngũ, đầu hàng.

Ngụy quyền, ngụy quân ở Quảng Ngãi hoảng mang cực độ. Một số rút chạy về quận lý, thị xã. Một số bỏ ngũ, ra trình diện chính quyền cách mạng.

Chiều ngày 23-3-1975, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã họp khẩn cấp và nhận định: "Địch đang

suy sụp và rệu rã rất nhanh, không có phép thần nào cứu vãn nổi và đang trong xu thế hoảng loạn tháo chạy để tìm cách thoát thân". Thường vụ Tỉnh ủy quyết định: "Chuyển sang giai đoạn tiến công và nổi dậy công kích và khởi nghĩa ở thị xã, các thị trấn đánh đổ toàn bộ địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng toàn tỉnh".

Đêm 23-3-1975 phát hiện địch ở thị xã chuẩn bị bỏ chạy, Thường vụ Tỉnh ủy phát lời kêu gọi và ra lệnh tổng công kích và nổi dậy ở thị xã và các thị trấn.

Vào lúc 7h 40 phút ngày 24-3-1975 ta bắn pháo vào tiểu khu Quảng Ngãi, ga Ông Bó, chi khu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành. Lực lượng vũ trang đánh chiếm các chốt điểm và đoạn đường từ thị xã đi Chu Lai. Xe tăng của ta xuất kích từ Hòn Bà và phát triển xuống Xóm Xiếc, Nghĩa Điền, áp sát thị xã Quảng Ngãi. Quân chúng được sự hướng dẫn của các ban chỉ đạo khu đồn, cùng lực lượng chính trị, binh vận, vũ trang cơ sở, nổi dậy diệt ác ôn, truy bắt những tên chạy trốn, phá banh các khu đồn Xóm Xiếc, Phú Bình, Phước Hậu (Hành Dũng, Nghĩa Hành) Bầu Giang - Đá Chẽ, khu đồn Văn Thánh (Tịnh Ấn)... Bọn địch ở thị xã hoang mang tìm đường tháo chạy ra biển, theo đường từ thị xã đi Cổ Lũy nhưng bị ta bố trí chặn đánh, buộc chúng phải quay về thị xã.

Đúng như ta đã dự đoán, vào lúc 23h ngày 24-3-1975 địch ở thị xã kéo ra đã lâm vào trận địa phục kích của

trung đoàn 94 và lực lượng địa phương của 2 huyện Sơn Tịnh và Bình Sơn, trên một đoạn đường dài 15 km từ Thế Long, Dốc Trạm (Tĩnh Phong - Sơn Tịnh) đến Nước Mặn (xã Bình Nguyên - Bình Sơn). Ta đã tiêu diệt gần 600 tên địch, bắt sống 2.000 tên, phá hủy trên 400 xe, thu 300 xe và toàn bộ vũ khí, đạn dược, giải thoát trên 1.000 đồng bào bị chúng bắt ép đi theo.

Cũng trong đêm 24-3-1975 lực lượng khởi nghĩa bên ngoài đã tiến vào thị xã cùng với cơ sở bên trong và lực lượng vũ trang thị xã, các đội du kích hỗ trợ quần chúng nổi dậy, trong đó có lực lượng học sinh, thanh niên đã được tổ chức từ trước, tiến hành chiếm lĩnh các cơ quan ngục quyền, ngục quân, các nhà máy, kho tàng, Đài phát thanh, nhà máy điện... kêu gọi ngục quân, ngục quyền ra đầu thú và truy bắt những tên còn ẩn trốn ra trình diện, giao nộp vũ khí, giữ vững trật tự, an ninh thị xã với khí thế tung bừng, náo nức.

Những ngày tổng tiến công và nổi dậy, công tác binh vận đã có những đóng góp to lớn:

Tại huyện Bình Sơn, kết hợp chặt chẽ với tấn công quán sự, chính trị, ngành binh vận huyện đã phát loa kêu gọi, cùng cơ sở bên trong và lực lượng quần chúng bức rút 15 chốt điểm địch. Đêm 17-3-1975 ta sử dụng cơ sở trong thanh niên tân trang tại Nước Mặn đánh nội ứng diệt 3 tên ác ôn, hỗ trợ quần chúng nổi dậy phá khu đồn trở về làng cũ. Ngày 15-3-1975, 15 gia đình binh sĩ

ở huyện Bình Sơn ra Kỳ Hà kéo về được 1 trung đội dân vệ với 25 người trong đó có cả trung đội trưởng và 20 lính cộng hòa mang về 30 súng AR 15, 4 đại liên, 5 trung liên, 4 cối cá nhân M79 và 2 máy PRC 15.

Tại Sơn Tịnh, đêm 24-3-1975 ta sử dụng cơ sở trong thanh niên tân trang phá ấp Tịnh Ấn Đông, giành quyền làm chủ. Cùng lúc, ta chỉ đạo cho cơ sở vận động 3 trung đội thanh niên tân trang các xã Tịnh An, Tịnh Châu về với ta 90 người, mang theo 87 súng, 3 máy PRC 25. Quần chúng các xã này nổi dậy, truy bắt ác ôn, tề điệp, giành quyền làm chủ.

Tại xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, hơn 500 quần chúng và các gia đình binh sĩ xáp vào ấp Mỹ Trang, phá rã 2 trung đội dân vệ. Khi bọn lính cộng hòa ở Gò Hội rút chạy, hàng trăm đồng bào xã Phổ Minh, trong đó có nhiều cụ già, phụ nữ, trẻ em xông ra ngăn chặn, không cho lính chạy về thị xã, kéo giữ được 309 lính mang 309 súng và trình diện nộp cho cách mạng ngày 24-3-1975.

Tại Mộ Đức, tiểu đoàn bảo an số 138 kéo ra đường bị du kích bắn chết 2 tên. Chúng không dám bắn lại và cứ đi. Ta tổ chức cho phụ nữ, trẻ em chặn lại, chị em phụ nữ nói: "Cách mạng đã chiếm hết rồi, các anh mau bỏ súng về với cách mạng". Thiếu tá Phúc, tiểu đoàn trưởng nói với lính: "Các anh nghe lời bà con, bỏ súng xuống, cởi áo lính vứt đi và theo tôi ra trình diện cách mạng". Cả tiểu đoàn 138 gồm 250 lính trong đó có 1 thiếu tá, 2 đại úy đã trình diện tập thể.

Trong đêm 24-3 và sáng 25-3-1975, có 37 trung đội dân vệ ở Mộ Đức đã ra trình diện và nộp vũ khí.

Ở Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, các gia đình binh sĩ đã kêu gọi chồng con bỏ chốt điểm về với gia đình, kết quả 5 trung đội dân vệ đều rút bỏ 5 chốt điểm và trở về, Nghĩa Hòa hoàn toàn giải phóng ngày 24-3.

Tại thị xã Quảng Ngãi, ta đã chuẩn bị trước cho số sĩ quan nội tuyến và binh sĩ, như các anh Trương Quang Hảo, Lưu Văn Thái về kế hoạch chuẩn bị tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng toàn tỉnh. Anh Hảo đã gặp anh Phạm Ngọc Tương tại B10 nhận chủ trương kế hoạch. Ban binh vận tỉnh giao cho các anh phải nắm chắc tình hình hoạt động của số sĩ quan, nhân viên nguy hiểm nhất là số đầu sỏ, có nhiều tội ác. Cơ sở ta đã tập hợp được 36 sĩ quan cùng với cơ sở binh lính trong thị xã chuẩn bị hành động, tuyên bố ly khai chính quyền Thiệu, tham gia truy bắt bọn ác ôn và số không chịu ra đầu thú.

Tại Phú Mỹ Thượng, có 57 lính dân vệ và tế ấp ở Sơn Hà bị địch xúc xuống ở đây, cơ sở ta đã vận động họ may cờ, viết khẩu hiệu chuẩn bị cho khởi nghĩa. Các cơ sở trong thanh niên, học sinh, giáo viên nhất là ở trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề đã tập hợp lực lượng, lập ban khởi nghĩa của trường, chuẩn bị đội ngũ tham gia giành chính quyền và hỗ trợ cho việc chiếm lĩnh các Ty, sở, trường học, truy bắt ác ôn.

Cơ sở trong sĩ quan đã cùng lực lượng nổi dậy bắt 1 lưới CIA, có 1 đại úy trưởng lưới, 4 trung úy và 12 tên cộng tác viên. Ta phát hiện bắt giam 1 toán tình báo chiến thuật của Bộ Tổng tham mưu nguy ở thị xã Quảng Ngãi gồm có 2 đại úy, 2 trung úy. Các cơ sở, sĩ quân nội tuyến đã đi sâu vào các đường hẻm để phát hiện bọn đầu sỏ, ác ôn còn ẩn nấp.

Tính chung, từ ngày 24-3 đến ngày 30-3-1975 mũi tấn công binh vận đã cùng với mũi tấn công quân sự, chính trị làm tan rã, bắt và kêu gọi trình diện 21.866 tên địch, trong đó có 747 lính cộng hòa, 191 lính biệt động, 1.140 bảo an, 2.966 dân vệ, 859 cảnh sát, 115 tên binh định nông thôn, 3.055 tề nguy các loại, 739 sĩ quan. Trong số sĩ quan ra trình diện có 4 thiếu tá, 62 đại úy, 243 trung úy, 135 chuẩn úy, 35 tên ác ôn đầu sỏ trong các đảng phái phản động. Ngành binh vận đã vận động, tổ chức cơ sở bên trong phối hợp cùng 2 mũi quân sự và chính trị làm rã tập thể một lực lượng khá lớn, trong đó có:

- Tiểu đoàn hậu cần của Trung đoàn 4 (sư đoàn 2 nguy) rã tập thể và ra trình diện.
- Tiểu đoàn 138 bảo an.
- 86 trung đội dân vệ.
- 10 trung đội thanh niên tân trang.

Tất cả các đơn vị rã tập thể đều có đủ cấp trưởng, cấp phó, tuyên bố ly khai chính quyền Thiệu và tham

gia vào lực lượng truy bắt ác ôn, góp phần giải phóng và bảo vệ cơ sở vật chất, tính mạng tài sản của nhân dân và giữ trật tự, an ninh thị xã.

5- Công tác chính sách đối với tù hàng binh:

Trải qua 21 năm, từ ngày đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam, trên đất Quảng Ngãi chúng đã gây nhiều đau thương, tang tóc. Có thể nói, không có gia đình nào, không bị những hậu quả của chiến tranh, đặc biệt, đối với những gia đình có người đi thoát ly và tham gia đấu tranh chống Mỹ ở cơ sở. Bọn ác ôn đã gây nhiều tội ác. Có những tên đã từng nói: "Ngày nào không dấy máu cộng sản thì tao ăn không thấy ngon!".

Ngày giải phóng toàn tỉnh, cách mạng đã thắng lợi trọn vẹn và tỉnh ta đã thực hiện rất tốt chính sách của Đảng và Chính phủ đối với những tù hàng binh và những người đã ra trình diện. Trên đất Quảng Ngãi không có tình trạng giết bừa giết ẩu, không có việc "tắm máu" như kẻ địch thường nói trước khi chúng bị thua trận để lừa mị nhân dân ta cùng "tử thủ" hoặc chạy theo để chống cộng với chúng. Số người đầu hàng và trình diện đã được đưa đi học tập, tiến bộ và hầu hết đã trở thành người công dân của xã hội mới. Những sĩ quan và binh sĩ là cơ sở đã trung thành và hoạt động liên tục đều được ngành binh vận tỉnh xét và đề nghị UBND cách mạng tỉnh khen thưởng. Nhiều anh em có nghề nghiệp bị địch bắt đi lính, đào tạo sĩ quan đều được giải quyết, bố trí

công tác theo nguyện vọng. Theo báo cáo của Ban binh vận tỉnh thì Ban tổ chức tỉnh đã có quyết định sử dụng 5 đồng chí vào làm trong ngành thương nghiệp, 8 đồng chí được bố trí làm giáo viên cấp I, cấp II.

Việc tỉnh ta thực hiện tốt chính sách đối với tù hàng binh đã có tác dụng rất tốt trong việc nhanh chóng ổn định tình hình, kêu gọi những người trong hàng ngũ địch còn mắc cảm và thiếu tin vào chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng và Chính phủ ra trình diện chính quyền cách mạng. Nó còn góp phần tác động mạnh mẽ đến tư tưởng binh lính, sĩ quan tể ngục ở những tỉnh còn chưa được giải phóng, góp phần làm tan rã quân nguy Sài Gòn, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam.

IV- ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG BINH VẬN TRONG THỜI KỲ SAU KHI KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS ĐẾN NGÀY GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH (27/1/1973 - 24/3/1975)

Được sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời của Thường vụ Tỉnh ủy và Ban binh vận Khu ủy V, ngành binh vận tỉnh đã có kế hoạch và quyết tâm cao, góp phần to lớn của mình vào việc chống lấn chiếm, bình định, giữ vững vùng giải phóng, bao vây, bức rút, liên tục tấn công ra phía trước, phục vụ nhiệm vụ tổng tấn công và nổi dậy giải phóng toàn tỉnh, thể hiện rõ những nét lớn sau đây:

1. Ưu điểm:

a- Đã huy động mọi lực lượng, mọi phương tiện tấn công mạnh mẽ về tư tưởng vào hàng ngũ binh sĩ và tề ngụy; lên án, tố cáo tội ác của Mỹ - Thiệu phá hoại Hiệp định, nêu cao chính nghĩa của cách mạng, phát tín chiến thắng, kêu gọi binh sĩ quay súng lập công trở về với gia đình quê hương.

Cụ thể, tấn phát 1.304.364 truyền đơn, treo và dán 83.600 khẩu hiệu, áp phích, phát 33.054 bản nội dung Hiệp định cho sĩ quan, binh sĩ, tề ngụy, phát 1.093 tờ quân lệnh, 1.342 bản tố cáo vi phạm Hiệp định, gửi thư tranh thủ trực tiếp 67.602 lá (riêng năm 1974 có 65.517 lá), tổ chức nhiều cuộc tiếp xúc nhân dịp tết hòa bình, hòa giải dân tộc. Từ đó vận động binh sĩ đào rã ngũ, phản chiến, binh biến. Đây là thời kỳ có số lượng binh sĩ đào rã ngũ cao nhất với 33.898 người. Riêng trong đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa giải phóng toàn tỉnh có 21.866 người rã ngũ và trình diện. Đào, ngũ rã ngũ tập thể có 2 tiểu đoàn, 156 trung đội dân vệ, 10 trung đội thanh niên tân trang, 6 toán xây dựng nông thôn, làm binh biến, khởi nghĩa 38 vụ, diệt 120 ác ôn.

b- Lực lượng quần chúng làm công tác binh vận được phát triển và mở rộng đều khắp, trong đó có nhiều gia đình binh sĩ, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang tham gia tích cực, sôi nổi, mạnh mẽ hình thành thế trận bao vây áp đảo địch, quần chúng dũng cảm xáp vào lính, vào

đồn bót làm rõ ngũ, đầu hàng tập thể cả tiểu đoàn bảo an 138 ở Mộ Đức. Công tác binh vận đã tiếp xúc, giáo dục xây dựng được 1.227 binh sĩ, phát động 20.362 người nhà binh sĩ trực tiếp tham gia kéo lính, bức rút đồn bót.

c- Đội ngũ cán bộ binh vận và cơ sở hợp pháp, cơ sở nội tuyến được chuẩn bị chu đáo, liên tục bám sát, kịp thời tổ chức, vận động gia đình binh sĩ lôi kéo chống con ở lại ra trình diện với cách mạng. Cơ sở trong sĩ quan, binh sĩ đã theo sát, phát hiện bắt giữ những sĩ quan, tề nguỵ và bọn phản động không tự giác ra trình diện, nhanh chóng đảm bảo trật tự, an ninh trong tình hình nhiều tỉnh và Sài Gòn còn chưa được giải phóng.

d- Công tác tổ chức đăng ký trình diện đối với sĩ quan, binh sĩ, công chức, tề nguỵ Sài Gòn được Ban quân quản và binh vận tỉnh tổ chức đều khắp từ xã đến huyện, thị xã và ta nhanh chóng tập hợp, tổ chức học tập cho binh sĩ, công chức, nhân viên tề nguỵ ở xã, thôn, huyện, tỉnh. Qua đó phân loại, quản lý học tập, cải tạo và sử dụng chuyên môn của họ, góp phần nhanh chóng ổn định tình hình và đưa mọi hoạt động trở lại bình thường. Thị xã không bị hủy hoại, nhân dân rất phấn khởi tin tưởng.

đ- Việc chấp hành các chính sách đối với tù, hàng binh và nhân viên chính quyền Sài Gòn ở lại được thực hiện tốt, không có việc tra tấn, đánh đập. Các trại giam các địa phương đã tạo điều kiện cho các gia đình đi thăm, cho quà đối với những người đang cải tạo, có tác dụng

lôi kéo một số chạy đi trở về, hoặc còn ẩn tránh ra trình diện. Tình ta còn giải quyết, tạo điều kiện cho một số lính ở các tỉnh khác trở về quê khá chu đáo, kịp thời, thể hiện rõ chính sách khoan hồng, đầy tình nhân nghĩa của Đảng và Nhà nước ta.

2- Bên cạnh những ưu điểm lớn trên đây, hoạt động binh vận ở thời kỳ này vẫn còn một số khuyết điểm sau đây:

a- Ngành binh vận vẫn chưa theo kịp với yêu cầu của tình hình mới nên chưa sử dụng thật tốt cơ sở nội tuyến làm binh biến, diệt ác ôn trong nội thị và các đơn vị lớn.

b- Do tình hình cách mạng phát triển nhanh chóng, thắng lợi lớn trọn vẹn cho nên với số lượng lớn binh sĩ, sĩ quan đầu hàng và bị bắt, việc tổ chức học tập, cải tạo, giáo dục lúc đầu còn lúng túng.

c- Việc tập hợp, khen thưởng cán bộ binh vận, cơ sở hợp pháp và sĩ quan, binh sĩ nội tuyến có công còn chưa thật tốt. Nhiều đồng chí bị bỏ quên. Nhiều chiến sĩ binh vận đã hy sinh không được giải quyết chính sách. Một số sĩ quan nội tuyến có công được UBND cách mạng tỉnh cấp bằng khen, lại bị bên quân đội không biết nên bắt, lấy hết bằng khen, đưa đi cải tạo. Tuy về sau có sửa chữa nhưng đã làm cho một số kẻ xấu lợi dụng, xuyên tạc, bôi xấu cách mạng. Đến nay, việc thực hiện chính sách đối với cán bộ, cơ sở ngành binh vận vẫn còn là một vấn đề

lớn, bức xúc, chưa giải quyết được. Tuy về mặt khách quan có việc giải thể Ban đấu tranh chính trị, binh vận nhưng ngành binh vận và các ngành hữu quan chưa thật chú trọng việc xem xét khen thưởng và giải quyết chính sách.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, dân tộc ta có truyền thống “Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo”, nêu cao chính nghĩa để tập hợp mọi lực lượng tạo nên sức mạnh “bách chiến, bách thắng” trước kẻ thù xâm lược hung bạo và khoan dung, độ lượng đối với những kẻ sai lầm. Tư tưởng ấy được Bác Hồ và Đảng ta kế thừa, phát huy trong việc lãnh đạo công tác binh dịch vận qua các thời kỳ cách mạng, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thực chất, công tác binh vận là cuộc vận động cách mạng đối với binh lính, sĩ quan và tề ngụy trong quân đội địch. Đây là cuộc tấn công chính trị, vạch rõ tính chất cuộc chiến tranh phi nghĩa, tàn bạo của quân đội xâm lược, tay sai, nêu cao đại nghĩa của dân tộc, là một cuộc đấu tranh quyết liệt, không kém phần gay go trên mặt trận tư tưởng và tổ chức, thể hiện trên hai mặt chính sau đây:

- Trước hết và cơ bản là công tác tư tưởng và công tác tổ chức, thể hiện qua việc điều tra các đối tượng binh sĩ, sĩ quan, tề ngụy cũng như quân viễn chinh và chư

hầu về đặc điểm của đơn vị và bản thân người lính, mối liên hệ của họ đối với quần chúng nhân dân, trong đó có gia đình binh sĩ, tề ngụy; từ đó, có kế hoạch tuyên truyền vận động, giáo dục tổ chức lực lượng phù hợp và hướng dẫn, lãnh đạo họ đấu tranh phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và lãnh đạo tốt việc chấp hành các chính sách. Công việc này phải dựa vào lực lượng đông đảo của quần chúng nhân dân, cán bộ binh vận, chính trị, lực lượng hợp pháp, cán bộ chiến sĩ trong lực lượng vũ trang... để tiến hành toàn bộ các mặt công tác hoặc một số mặt cụ thể tùy theo chức năng và hoàn cảnh cụ thể của mỗi đơn vị và cá nhân.

- Thứ hai là phải luôn luôn quán triệt tư tưởng tấn công, chủ động, liên tục, bền bỉ với những nội dung cụ thể và có phương pháp thích hợp, sắc bén, bằng sức mạnh tổng hợp vật chất, tinh thần, chính trị, binh vận, vũ trang, ngoại giao, lực lượng trong nước và lực lượng quốc tế.... Trong đó việc tấn công bằng đường lối chính trị, bằng sức mạnh chính nghĩa, bằng thắng lợi vũ trang của cách mạng giữ vai trò trọng yếu.

Trải qua 21 năm chiến đấu gian khổ, quyết liệt và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là của Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi, quần dân ta đã thực hiện phương châm hai chân ba mũi giáp công và đã giành nhiều thắng lợi mang tính lịch sử như khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, chiến thắng Ba Gia, Vạn Tường, xuân Mậu Thân 1968, chiến thắng

xuân hè 1974... đánh bại các chiến lược, chiến thuật của Mỹ - nguy trên đất Quảng Ngãi, tiến lên giải phóng toàn tỉnh ngày 24/3/1975 và góp phần vào sự nghiệp thống nhất đất nước.

Trong những thắng lợi vĩ đại ấy, mũi tấn công binh vận đã góp phần to lớn. Theo thống kê chưa đầy đủ và chỉ tính được từ năm 1961 cho đến ngày giải phóng toàn tỉnh, công tác binh vận đã:

- Làm rõ ngũ lễ tề: 68.401 lính.
- Làm rõ tập thể 629 trung đội, 28 đại đội, 4 tiểu đoàn và 21 đoàn binh định nông thôn.
- Bao vây bức hàng, bức rút: 168 đồn, chốt điểm địch.
- Cơ sở làm binh biến, nội ứng 362 vụ, diệt 1.208 ác ôn.
- Giáo dục, vận động gia đình binh sĩ: 80.280 lượt người.
- Tấn phát 2.520.548 truyền đơn, 454.600 áp phích.
- Gửi 33.044 bản Hiệp định.
- Phát 121.777 mệnh lệnh, chính sách.
- Gửi thư tranh thủ 158.332 lá.
- Phát loa kêu gọi 58.497 lần vào đồn, bót và khu đồn thị xã, thị trấn.

Có được những thành tích trên đây là nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, chính quyền, của Ban

binh vận các cấp và sự nỗ lực to lớn, có sự hy sinh, mất mát của nhiều gia đình, cán bộ, chiến sĩ, nhân dân, trong đó trực tiếp là cán bộ làm công tác binh, địch, tề vận từ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo đến từng cơ sở hợp pháp, nội tuyến, từng chiến sĩ đi gọi loa tuyên truyền dưới làn bom đạn và sự phục kích thường xuyên của địch. Chúng ta mãi mãi biết ơn và ghi công những đồng chí, đồng bào và những chiến sĩ hoạt động binh vận thầm lặng trong vùng địch đã hy sinh hoặc bị tàn phế với những vết thương về xác thịt hoặc tinh thần còn chưa bù đắp được.

PHẦN THỨ BA

NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ thực tiễn và kết quả to lớn của công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chúng ta có thể rút ra những bài học chủ yếu sau đây:

1- Phải luôn luôn quán triệt và nắm vững đường lối, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng do Đảng lãnh đạo:

Đảng lãnh đạo là nhân tố quyết định cho sự thành công của cách mạng nước ta. Sau 20-7-1954, khi đất nước chia làm hai, Đảng ta đề ra nhiệm vụ ở hai miền, đó là: miền Bắc đi vào khôi phục nền kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội là hậu phương vững chắc của cả nước; miền Nam tiến hành cuộc đấu tranh chống Mỹ, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng miền Nam bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước. Do đế quốc Mỹ là kẻ thù xâm lược có tiềm lực lớn về kinh tế, quân sự nên ta tiến hành phát động toàn dân đánh lâu dài, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi từng bước tiến lên tổng công kích, tổng khởi nghĩa giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Cuộc đấu tranh này toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và

ngoại giao, phải xây dựng lực lượng đánh địch trên 3 vùng chiến lược với 3 thứ quân. Ở miền núi lấy đấu tranh vũ trang là chính để bảo vệ căn cứ cách mạng, ở vùng nông thôn đồng bằng tiến hành đấu tranh chính trị song song với tiến công quân sự và kết hợp đấu tranh binh dịch vận. Ở vùng thị xã, thị trấn đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận đi trước một bước, tạo điều kiện cho hoạt động vũ trang phát triển. Tất cả mọi hoạt động chính trị, vũ trang, binh vận đều nhằm diệt ác, phá kềm, chống "bình định", chống xúc tát dân, thực hiện bám đất, giành dân, giành quyền làm chủ từng nơi, từng vùng tiến lên giải phóng toàn tỉnh, toàn miền.

Đảng bộ đã nắm vững đường lối, chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ qua các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng và Khu ủy Khu V để ra cho từng thời kỳ 1954 - 1959, 1960 - 1965, 1965 - 1968, 1969 - 1972 và 1973 - 1975. Quảng Ngãi luôn coi trọng và nắm vững các quan điểm cách mạng nên luôn chú trọng việc xây dựng và chăm lo bảo vệ, củng cố phát triển Đảng, các đoàn thể quần chúng, Mặt trận, các lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận, coi trọng việc xây dựng căn cứ miền núi, vùng giải phóng và xây dựng cơ sở ở vùng địch còn tạm chiếm, quán triệt tư tưởng "tiến công", tranh thủ thời cơ, vượt qua mọi khó khăn để giành thắng lợi có ý nghĩa qua mỗi thời kỳ của cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước.

Vì vậy, có thể nói, bài học nắm vững mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng do Trung ương đề ra đã được Tỉnh ủy quán

triệt, vận dụng linh hoạt vào hoàn cảnh của tỉnh, trên từng vùng qua từng thời kỳ cách mạng, đã đảm bảo cho phong trào chung đi đúng hướng, trong đó có hoạt động binh vận; đây là bài học rất cơ bản và quyết định cho sự thành công.

2- Phải đánh giá đúng tình hình địch, ta, thấy rõ thế mạnh của địch và chỗ yếu cơ bản của chúng, những thuận lợi và khó khăn của ta, thấy rõ khả năng to lớn của quần chúng làm công tác binh vận:

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, việc đánh giá đúng tình hình địch, ta là một yêu cầu có tính nguyên tắc và là một bài học trong chỉ đạo của Đảng bộ.

Đánh giá đúng về địch phải thấy chỗ mạnh của chúng như quân đông, vũ khí nhiều và hiện đại, tài chính giàu có, kiểm soát những vùng đông dân cư, thành phố và các trục đường quan trọng... đồng thời, phải thấy rõ chỗ yếu rất cơ bản của chúng, đó là kẻ xâm lược, không có chính nghĩa. Bọn tay sai phản bội dân tộc thì vì tiền, ô hợp... Từ đó ta có đối sách hạn chế và vô hiệu hóa hoặc hạn chế mặt mạnh của chúng, khoét sâu mặt yếu để đẩy mạnh tấn công chính trị. Khi đánh giá về địch, nhất là về quân tay sai, ta còn cần phải hiểu rõ tư tưởng, tình cảm, tâm tư, nguyện vọng của từng sắc lính, từng đơn vị thậm chí từng cá nhân, binh lính, sĩ quan, nhân viên lễ nghi để từ đó phát động giáo dục họ về tinh thần dân tộc, về truyền thống quê hương, gia đình, giòng họ... từ đó tổ chức họ hành động đấu tranh không làm tay sai

cho quân xâm lược Mỹ và bọn nguy quyền đầu sỏ, không đi càn quét, đốt phá quê hương, xóm làng, giết hại đồng bào mình, bỏ ngũ trở về với gia đình hoặc quay súng bắn vào những tên xâm lược Mỹ và bọn tay sai ngoan cố, tham gia chống Mỹ, cứu nước.

Trong cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, nhờ Tỉnh ủy đánh giá đúng lực lượng địch ở đây, thấy rõ lòng căm thù cao độ của đồng bào các dân tộc miền núi của tỉnh đối với Mỹ - Diệm, nên đã lãnh đạo nhân dân từ việc chống bầu cử, phá các thùng phiếu, trừng trị bọn ngoan cố cưỡng bức đồng bào đến nổi dậy diệt ác và sử dụng cơ sở nội ứng bên trong, buộc bọn đầu sỏ rút chạy khỏi quận lỵ, giải phóng huyện Trà Bồng và nhiều xã ở miền tây Quảng Ngãi. Liên sau đó, ta đã nhanh chóng xây dựng các ủy ban tự quản, xây dựng lực lượng vũ trang, chính trị.

Trong hoạt động hè - thu năm 1974, nhiều địa phương và cán bộ đã nhận thức đúng tình hình, đánh giá đúng lực lượng địch nên đã mạnh dạn vận động tổ chức quần chúng, nhất là các gia đình binh sĩ vùng địch để giáo dục, phát động và tổ chức họ tham gia đấu tranh xáp vào lính, vào đồn, đấu tranh với bọn chỉ huy không đi hành quân, tiếp viện, đòi chồng con trở về, không để chồng con đi vào chỗ chết sau khi đã có Hiệp định Paris về đình chiến và lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Để có thể đánh giá đúng thực chất tình hình quân đội địch và khả năng có thể làm tốt công tác binh dịch vận của nhân dân ta, cần thấy rõ:

- Sự khác nhau giữa tổ chức quân đội địch với cá nhân người lính. Bản chất quân đội Mỹ - nguy và chủ yếu là phản cách mạng, phản dân tộc, là công cụ nòng cốt để Mỹ - nguy sử dụng, đàn áp nhân dân; còn bản thân của người lính thì đa số là con em của nhân dân lao động bị bắt đi lính. Họ cũng có quê hương, gia đình, người thân bị bom đạn của Mỹ - nguy tàn phá, giết chóc. Họ cũng có thù, có khổ, có vợ con, cha mẹ già yếu, ốm đau, nghèo đói, bị địch đẩy đi cầm súng, không được chăm sóc gia đình. Do vậy, đa số trong họ có tình cảm với nhân dân, với dân tộc, đồng bào khi Mỹ tiến hành chiến lược "chiến tranh đặc biệt", "dùng người Việt đánh người Việt", hoặc khi Mỹ đưa quân vào trực tiếp xâm lược, bộc lộ rõ ý đồ thực dân của chúng. Khi Mỹ thua và phải dùng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" để "thay màu da trên xác chết" càng làm cho binh lính, sĩ quan và tể nguy càng thấy rõ họ chỉ là một công cụ đánh thuê, làm mướn, phản bội lợi ích dân tộc, chống lại đồng bào mình. Thực tế trên đất Quảng Ngãi đã cho thấy rõ: lính dù, lính biệt động là sắc lính con cưng của Mỹ - nguy, có tiếng là hung hăng nhưng quần chúng có thể xáp vào và vận động được, làm hạn chế hoặc mất hiệu lực đánh phá của địch.

Đối với lính bảo an, dân vệ, thanh niên tân trang thì hầu hết quần chúng và lực lượng binh vận hợp pháp đều có thể trực tiếp vận động, xây dựng được nhiều cơ sở và tổ chức, hướng dẫn hành động họ làm binh biến, nội ứng, phản chiến, bỏ ngũ. Ta còn có thể nắm và xây dựng cơ sở trong cảnh sát nguy.

Đối với lính Mỹ và lính chư hầu ta cũng làm công tác tư tưởng, vận động họ phản chiến để trở về nước và bản thân họ ngày càng thấy rõ cuộc kháng chiến vì độc lập tự do của nhân dân ta là chính nghĩa, nhân dân Việt Nam không có thù với nhân dân Mỹ.... Do đó, ta càng đánh, càng thắng, quân Mỹ và chư hầu ngày càng thấy rõ cuộc chiến tranh xâm lược mà họ tham gia là phi nghĩa và sẽ thất bại.

- Một điều rất quan trọng là qua thực tiễn, nhiều nơi đã xây dựng được nhiều cơ sở trong binh lính, sĩ quan và tề ngụy là nhờ quán triệt tư tưởng tấn công, kiên trì bám sát đối tượng để phát động, giáo dục, xây dựng; nếu thiếu niềm tin, ngại ác liệt, sợ chết thì khó xây dựng được cơ sở trong binh lính, nhất là trong sĩ quan ngụy. Qua tác động nhiều mặt và diễn biến trên chiến trường ngày càng có lợi cho ta, ta càng đánh càng thắng thì nhiều binh sĩ, sĩ quan, tề ngụy ngày càng nhận thấy thất bại của Mỹ - ngụy là không sao tránh khỏi. Do vậy nhiều người, trong đó có cả sĩ quan và ngụy quyền cấp huyện, cấp tỉnh đã tìm cách thanh minh với nhân dân và mong được thông cảm cho họ. Nếu ta nắm chắc tình hình, hiểu rõ hoàn cảnh của từng cá nhân và các gia đình binh sĩ thì có thể xáp vào liên hệ, phát động, giáo dục và tổ chức họ tham gia vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây là bài học của những địa phương, đơn vị, cán bộ binh vận đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến.

3- Để hoạt động binh vận có hiệu quả cao và vững chắc phải luôn biết kết hợp công tác binh vận với đấu tranh chính trị và hoạt động vũ trang tạo ra 3 mũi giáp công:

Như ta đều biết, binh sĩ địch là công cụ đàn áp của chế độ nguy quyền thống trị, cho dù ở thành phần nào, khi địch bắt cầm súng, huấn luyện, quản lý, cấp lương ăn cũng đều nhằm phục vụ lợi ích của địch. Công tác binh vận là một bộ phận của công tác dân vận đối với “quần chúng đặc biệt”, do vậy nó phải luôn gắn bó với phong trào đấu tranh chính trị, vũ trang của quần chúng cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tùy từng nơi, từng lúc, từng đơn vị và cá nhân cụ thể mà ta có thể vừa kêu gọi, vừa trưng trị. Đối với những phần tử ngoan cố, ác ôn thì phải kiên quyết trưng trị bọn cầm đầu, kết hợp tấn công về chính trị tư tưởng để lôi kéo số quần chúng bị bắt buộc cầm súng theo chúng.

Kinh nghiệm rõ ràng là của tây Sơn Tĩnh trong việc dùng 3 mũi giáp công để bao vây bức rút chốt Đá Chồng ở xã Tĩnh Bắc, huyện Sơn Tĩnh. Nhờ cấp ủy đã nhận thức sâu sắc về 3 mũi giáp công, các lực lượng chính trị, binh vận vũ trang hợp đồng chặt chẽ: lực lượng du kích xã o ép địch, gây khó khăn và lo sợ cho chúng, lúc không đánh thì kêu gọi, nếu địch nghe theo thì không đánh nếu không nghe theo thì bắn bia, bắn tĩa, gài mìn. Binh vận luôn bám sát, gọi loa tuyên truyền các điều trong hiệp định, nội dung chính sách hòa hợp dân tộc và nêu một số vụ vi phạm đã bị quân giải phóng trưng trị, lực

lượng đấu tranh chính trị đã xây dựng được cơ sở, nòng cốt, cùng với cơ sở binh vận xáp vào lính vận động, cảm hóa binh sĩ. Binh lính nhận rõ việc đóng chốt trái phép nên phải rút bỏ chốt này... Cùng với chốt Đá Chông, năm 1973, 1974 ta đã bức rút 48 chốt điểm khác bằng 3 mũi giáp công: chính trị, vũ trang và binh vận.

Thực tiễn cho thấy, nếu đánh địch bằng 3 mũi giáp công thì ta ít tổn thất xương máu, tài sản và đạt hiệu quả cao. Đồng thời qua đấu tranh, quần chúng có ý thức làm công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, ngăn chặn hành động tội ác của quân ngụy. Có nơi ta không có lực lượng vũ trang lớn mà vẫn đẩy lùi được những cuộc hành quân càn quét lấn chiếm, cướp đoạt tài sản, lúa gạo, cây ổi của địch như trong báo cáo tổng kết đã nêu. Ở những nơi nào quán triệt và luôn có ý thức kết hợp 3 mũi giáp công trong chỉ đạo và tổ chức hành động tấn công địch thì ở đó có phong trào vững chắc, liên tục và đạt hiệu quả cao trong hoạt động vũ trang, cũng như trong đấu tranh chính trị, vận động binh sĩ, sĩ quan. Ta đánh một, rã 10, hoặc 20... và tạo ra phản ứng dây chuyền trong vùng địch hoặc lan xa nhờ có các lực lượng tuyên truyền đông đảo trong nhân dân, binh sĩ và trên các phương tiện thông tin, báo chí.

4- Bài học rất quan trọng là phải luôn luôn quán triệt quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, công tác binh vận là của toàn Đảng, toàn dân, của cán bộ, chiến sĩ các cấp, các ngành,

từ đó tạo ra phong trào binh vận mạnh mẽ, liên tục và đều khắp:

Nhân dân Quảng Ngãi cần cù lao động, khát khao cuộc sống thanh bình, mong muốn xóm làng đoàn kết yên vui, xã hội ngày càng phát triển, công bằng. Do vậy trong suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp, nhân dân đã anh dũng giữ gìn Quảng Ngãi thành vùng đất tự do dưới sự quản lý của chính quyền dân chủ nhân dân.

Từ ngày Mỹ - Diệm đến đây đặt ách cai trị, chúng đã bắt buộc, xô đẩy nhiều người đi lính và vào bộ máy chính quyền làm tay sai cho chúng. Nhiều người trong số này đã có mối liên hệ máu thịt với cách mạng như có cha, anh chị, con, em... đã tham gia kháng chiến chống Pháp và đã hy sinh, hoặc đi tập kết, hoặc bị địch bắt bỏ tù, tra tấn phải đi thoát ly. Có những người đã từng đi bộ đội, làm công tác chính quyền, đoàn thể nay ở lại địch bắt, đào tạo thành sĩ quan và làm trong các cấp tế ngục. Trong một số gia đình vừa có liệt sĩ, thương binh, lại có lính ngục chết trận hoặc sĩ quan phải đi học tập cải tạo... Do vậy, việc Đảng ta đặt vấn đề binh vận là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân vừa đúng về quan điểm, vừa phù hợp với hoàn cảnh, tâm tư, nguyện vọng của nhiều gia đình, đây cũng là một thuận lợi rất lớn để làm tốt công tác binh vận.

Qua thực tiễn cho thấy, quần chúng nhân dân có mối liên hệ truyền thống với nhau qua nhiều thế hệ. Tiếng nói của đông đảo quần chúng, nhất là tiếng nói cha, mẹ,

vợ, con của các binh sĩ đối với họ rất có tác dụng. Mặt khác, cho dù có bọn ngoan cố, ác ôn đi trong binh lính thì cũng khó bắn vào nhân dân và gia đình của binh sĩ lúc đang đấu tranh. Vì vậy, việc đông đảo quần chúng nhân dân tham gia vận động, giáo dục binh sĩ là điều rất quan trọng trong việc chúng cần quét lẩn chiếm, xúc tát.

Điều cần chú ý là sức mạnh của quần chúng được hướng dẫn tổ chức, có nòng cốt, có lãnh đạo. Do vậy muốn công tác binh vận tốt phải đẩy mạnh việc đấu tranh giành quyền lợi của quần chúng như chống phá địch cướp tài sản, xúc dân đi nơi khác, bắt con em của họ đi lính, hăm hiếp.... Phải gắn binh vận với chính trị, coi trọng việc vận động, giáo dục, giác ngộ cơ sở, gia đình binh sĩ và bản thân người lính, tề nguy.

Ở tỉnh ta, nhờ có quần chúng tham gia đông đảo nên việc chống địch bắt lính ở Phổ Thạnh, việc quần chúng đứng ra chặn đường tiểu đoàn 138 bảo an, không cho chạy về thị xã và kêu gọi họ nộp súng, trình diện ở huyện Mộ Đức, hay quần chúng kéo lên hàng nghìn người, hỗ trợ cho cán bộ binh vận tỉnh tiếp xúc với tiểu đoàn nguy và lính Mỹ ở Quán Lát, xã Đức Chánh (1969) diễn ra thắng lợi. Học sinh, thanh niên thị xã đấu tranh chống bắt lính trong học sinh (1971) buộc địch phải thả hàng trăm học sinh bị chúng bắt đi lính trong khi còn tuổi đi học.

Bằng mọi hình thức tham gia, cả số đông đảo hoặc lẻ tẻ, thâm lặng, tùy từng hoàn cảnh đã lập nên những thành tích đánh địch khắp nơi, khiến địch hoang mang, mất ổn định.

Để có thể xây dựng được phong trào quần chúng làm công tác binh vận, cần phải:

- Trước hết phải có lòng tin ở tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc của quần chúng, nhất là những quần chúng bên trong vùng địch, những gia đình khá giả, có quan hệ với địch. Trường hợp chị Hai Tại là người Hoa, nhà giàu có tàu buôn, nhưng khi được ta phát động giáo dục chị đã làm tốt nhiệm vụ được giao.

- Phải có điều tra, theo dõi, phát động, giao việc, thử thách, giúp đỡ, hướng dẫn quần chúng, luôn luôn giúp họ nhận thức đúng đắn về tình hình, nhiệm vụ, phát động quần chúng lòng căm thù quân xâm lược và bè lũ bán nước, đưa vào tổ chức và xây lại để có thể tấn công mạnh mẽ vào hàng ngũ địch, giành thắng lợi thiết thực và hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đề ra.

5- Phải chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt chính sách đối với tù hàng binh, cải tạo, giáo dục họ tiến bộ, gây tác động mạnh đến sĩ quan, binh lính, tể ngục về sự khoan dung, độ lượng của cách mạng, dẫn đến sự đào rã ngũ và nhanh chóng đầu hàng, bỏ ngũ khi bị ta tấn công;

Trong quá trình vận động binh sĩ, tể ngục chúng ta đã xây dựng được nhiều cơ sở nội tuyến, trong đó có

những người đã hành động như nắm tình hình địch, thường xuyên báo cáo một cách chính xác, trung thực, vận động đào ră ngũ và làm binh biến, nội ứng, diệt địch. Nhiều người tuy im lặng nhưng chờ thời cơ khi ta tấn công thì kéo chạy đầu hàng. Ta càng đánh, càng mạnh, càng thắng lớn thì tù, hàng binh ngày càng nhiều. Tình ta đã tổ chức nhiều trại cải tạo họ. Có nhiều người trong quá trình học tập, cải tạo lao động dần dần nhận ra cuộc kháng chiến của nhân dân ta để giành độc lập, tự do là chính nghĩa và con đường của họ đã đi trước khi bị bắt là sai lầm, phản bội sự nghiệp cứu nước của dân tộc. Do vậy, nhiều người sau khi học tập, được phóng thích họ hăng hái tham gia góp phần cùng nhân dân kháng chiến chống Mỹ, bù đắp lại những năm tháng họ đã sai lầm. Những kẻ ngoan cố bị cô lập, khó có thể lừa mị những anh em đã nhận rõ chính nghĩa của cách mạng và chính sách khoan hồng của Mặt trận DTGP và chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Những người có công trong việc vận động phản chiến, trung lập, đào ră ngũ, làm nội ứng, binh biến được Mặt trận và Chính phủ tuyên dương, khen thưởng, bố trí công tác...

Việc làm này có tác động mạnh mẽ vào tư tưởng tình cảm của nhiều binh lính, sĩ quan tể ngục, đập tan luận điệu lừa mị của bộ máy chiến tranh tâm lý của ngục quyền Sài Gòn khi chúng bịa đặt: "Cộng sản sẽ giết sạch" nếu họ chiếm được tỉnh lỵ, được thành phố Sài Gòn thì sẽ có sự "tắm máu". Hoàn toàn ngược lại, khi ta giải

phóng thị xã Quảng Ngãi cũng như các thị xã, thành phố ở miền Nam vào 30/4/1975 đã không có điều đó. Chính sách đối với tù hàng binh địch được thực hiện tốt, có tác dụng thúc đẩy sự tan rã, đầu hàng, phản chiến về với nhân dân trong hàng ngũ binh sĩ, ngụy quyền Sài Gòn. Chúng ta đỡ phần xương máu của cán bộ chiến sĩ và nhân dân, thể hiện được một cuộc chiến đấu vì đại nghĩa dân tộc và sáng ngời lòng nhân ái của cán bộ, chiến sĩ cách mạng.

6- Chăm lo xây dựng tổ chức, bộ máy ngành binh vận từ tỉnh đến cơ sở và đội ngũ trực tiếp làm công tác binh vận kể cả lực lượng bất hợp pháp và hợp pháp về trình độ chính trị, đạo đức, về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là điều kiện trực tiếp quyết định sự thành công của công tác binh vận:

Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đó là nhân tố quyết định thắng lợi chung của cả nước và toàn miền, còn việc thành công nhiều hay ít, có lúc, có nơi chưa thành công và thất bại tạm thời trong hoạt động của ngành binh vận là do cán bộ, chiến sĩ trực tiếp hoạt động trong ngành này. Nó phụ thuộc vào thực lực của ngành, mạnh hay yếu, rộng hay hẹp. Thực lực này bao gồm từ đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo (của khu, tỉnh, huyện, các đội trưởng công tác tuyên truyền, nội tuyến...) và lực lượng quần chúng, trong đó có lực lượng cán bộ nòng cốt trong quần chúng, kể cả gia đình binh sĩ, các cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ binh lính và chính quyền địch...

Cán bộ lãnh đạo công tác binh vận ở các cấp từ tỉnh đến huyện, xã chẳng những phải có đủ về số lượng mà còn phải đảm bảo có chất lượng chính trị vững vàng, kiên định, có trình độ nhạy bén, nhanh chóng nắm bắt tình hình, đánh giá đúng địch ta, có quan điểm quần chúng, biết đi sâu, đi sát quần chúng để đề xuất với cấp ủy về những nhận định và chủ trương, kế hoạch hoạt động theo yêu cầu và mục tiêu đề ra của từng thời kỳ, từng chiến dịch, từng trận đánh, khi dùng cơ sở làm nội ứng, binh biến để đạt hiệu quả cao. Trong suốt cuộc kháng chiến, công tác xây dựng cơ sở Đảng trong ngành binh vận từ tỉnh đến huyện ở tỉnh ta có tính chất quyết định nhiều công việc và các đội vũ trang tuyên truyền về chính trị, binh vận đều có chi bộ, tổ Đảng hoặc đảng viên phụ trách.

Cán bộ binh vận hợp pháp là lực lượng trực tiếp tổ chức, chỉ đạo tác chiến cụ thể trên từng địa phương, đơn vị, cơ sở. Đội ngũ này vừa phải có lập trường kiên định với ý chí tấn công mạnh mẽ, vừa phải biết cách vận động, tổ chức, huấn luyện cho nòng cốt, cơ sở hành động, có những lý lẽ chặt chẽ để ứng phó với địch khi đưa đơn thư, khi ngăn chặn những hành động khủng bố, tàn bạo, phát xít của địch. Các cuộc mít tinh quần chúng, binh biến... đều phải có sự hướng dẫn chặt chẽ để tránh địch tàn sát, trả thù và hoạt động của ta đạt đến hiệu quả cao.

Việc xây dựng và phát triển lực lượng hợp pháp là một nhiệm vụ quan trọng của công tác binh vận. Thực tế ở Quảng Ngãi, lực lượng này đã trực tiếp ra vào vùng

địch, tiếp xúc với sĩ quan, binh lính và nhân viên nguy quyền các cấp. Họ là những người dân làm ăn, buôn bán, những sinh viên học sinh, những người trong gia đình binh lính, những nhà tu hành... đang sinh sống ở vùng địch còn kiểm soát hoặc ở vùng ta nhưng có quan hệ đi lại học tập, buôn bán với vùng địch. Đây là lực lượng được binh vận các cấp xây dựng, giáo dục, huấn luyện về phương thức hoạt động, thường xuyên bám sát tình hình địch, báo cáo kịp thời cho cán bộ binh vận để có phương án chỉ đạo. Đồng thời họ còn nhận chủ trương, nhiệm vụ để vào tiếp xúc vận động, tổ chức, xây dựng cơ sở trong hàng ngũ địch và trực tiếp giao nhiệm vụ, hướng dẫn cơ sở hành động. Vì vậy, việc xây dựng, tổ chức lực lượng hợp pháp là nhiệm vụ thường xuyên của Ban binh vận các cấp. Ở Quảng Ngãi, ta đã xây dựng chính quyền hai mặt như ở Phổ Hiệp (Đức Phổ) căn cứ lôm B10 (thôn Đông Dương xã Tịnh Ấn), B6 (ấp Gò Quán),... làm nhiệm vụ của cách mạng giao cho mà vẫn hợp pháp với địch. Ta xây dựng các cơ sở nội tuyến qua các đường dây hợp pháp bằng lực lượng học sinh, sinh viên và gia đình binh sĩ... do vậy lực lượng này hoạt động đánh địch mà chúng không thể ngờ được. Nếu ta chỉ dùng lực lượng hợp pháp từ bên ngoài vào hoặc trong những đối tượng có quan hệ với cách mạng thì hoạt động có khi gặp khó khăn, hạn chế vì địch luôn luôn theo dõi để phát hiện và đánh phá. Trong lực lượng hợp pháp thì tốt nhất là xây dựng những người trong gia đình binh sĩ, sĩ quan và nhân viên nguy quyền, những nhà tư sản, giàu có nhưng có lòng yêu nước, có tinh thần dân tộc, có

thể đi lại trên nhiều vùng mà địch ít theo dõi. Vấn đề là phải luôn chú ý phát động, giáo dục cho họ có nhận thức đúng đắn tình hình, bồi dưỡng họ có lòng yêu quê hương, đất nước, có tinh thần dân tộc, biết yêu thương con người, có ý thức đấu tranh chống quân xâm lược, nhắc nhở chồng, con, em đang trong quân ngũ không được tàn sát, giết hại đồng bào mình và tìm cơ hội để lập công trở về với cách mạng.

Chất lượng chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hợp pháp sẽ quyết định chất lượng và hiệu quả hoạt động của lực lượng này và của các cơ sở nội tuyến mà họ xây dựng và tổ chức. Do vậy việc quan tâm đầu tư, chọn lực lượng bồi dưỡng, thử thách và đào tạo đội ngũ cán bộ hợp pháp đồng, mạnh là điều rất quan trọng, quyết định cho việc phát triển phong trào cách mạng trong hàng ngũ địch.

7- Thường xuyên sơ kết, rút kinh nghiệm, nhân điển hình, mở rộng phong trào binh vận rộng rãi trong các lực lượng chính trị, vũ trang của quần chúng, đồng thời qua các kỳ họp, các đại hội biểu dương khen thưởng kịp thời những đơn vị, cá nhân có thành tích là một biện pháp để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của ngành binh vận:

Trong công tác binh vận, đặc biệt là từ năm 1965 trở đi, ngành binh vận đã thường xuyên có sơ, tổng kết hàng năm để báo cáo với cấp ủy và Ban binh vận Khu ủy V. Từ năm 1969, ngành binh vận đã có báo cáo quý,

có kế hoạch phục vụ từng chiến dịch, có đề ra yêu cầu và chỉ tiêu về vận động, xây dựng gia đình bình sĩ, xây dựng cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch, đăng ký dứt điểm xã, thôn không còn người đi lính và làm tề, nguy cho địch. Qua mỗi kỳ báo cáo 6 tháng, hàng năm, ngành binh vận đã xét chọn nêu lên những điển hình tiên tiến về hoạt động binh vận như xã Phổ Hiệp, xã Phổ Thạnh (huyện Đức Phổ), cụ Tống Mai (xã Bình Thạnh), chị Ngô Thị Tuyết chiến sĩ thi đua (xã Bình Đông), Đoàn Văn Luyện dũng sĩ diệt Mỹ xã Bình Thạnh, đồng chí Đinh Thị Xuôi (tức Đinh Thị Đào - xã Tịnh Thọ), vụ binh biến trong đơn vị thanh niên tân trang ở Gò Sỏi xã Bình Trung do cơ sở Võ Văn Anh thực hiện, vụ bao vây bức rút đồn Gò Huỳnh ở huyện Tư Nghĩa... đã được báo cáo điển hình ở hội nghị binh vận của tỉnh và Khu V và còn nhiều cá nhân điển hình khác mà báo cáo tổng kết đã nêu.

Trong chiến tranh, vì điều kiện kinh tế chưa cho phép, nhưng qua các hội nghị báo cáo, việc phát huy, khen thưởng bằng bằng khen, bằng nêu điển hình là phần thưởng tinh thần, cao quý, động viên những đơn vị và cá nhân có thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân ta.

Sau ngày tỉnh nhà giải phóng và đất nước thống nhất, rất tiếc là việc chỉ đạo tổng kết, khen thưởng, thực hiện chính sách đối với ngành binh vận, chính trị, chúng ta chưa chú ý và còn để tồn tại. Ngày nay, Trung ương

để ra việc tổng kết công tác binh vận trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước tuy có chậm, nhưng là một chủ trương sáng suốt, phù hợp với sự mong mỏi của các đồng chí và anh chị em đã từng hoạt động và đóng góp trên lĩnh vực này.

* *

*

Công tác binh địch vận là một hình thức đấu tranh phi vũ trang, là một trong ba mũi giáp công được Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm chỉ đạo. Người chỉ rõ nội dung để tuyên truyền về binh vận là phải nêu cao chính nghĩa của dân tộc, vạch rõ phi nghĩa của kẻ xâm lược và bọn tay sai cho chúng, phải làm rõ phải, trái, đúng, sai, sống, chết, vinh, nhục. Từ đó, chỉ ra con đường chính nghĩa để cho binh sĩ địch nhận thấy và hối cải. Một tù binh người Pháp đã gửi thư cho Bác, trong đó có đoạn: "Trong cuộc đời tôi đã nhận được rất nhiều quà, nhưng không có món quà nào đẹp dễ hơn món quà của Ngài. Nhất là đối với những sai lầm mà chúng tôi mắc phải và tôi không biết cảm ơn Ngài như thế nào về cử chỉ cao đẹp này của Ngài đối với tôi (1)".

Ngày 19/5/1954 một tù binh người Angiêri tên là Benamida Mohamed thuộc tiểu đoàn 5, trung đoàn 7 bộ binh bị bắt ngày 15/3/1954 ở Điện Biên Phủ đã viết thư

(1) 50 năm binh địch vận - Thông tin công tác dân vận số đặc biệt 16 - 17 tháng 8/1996 - Lưu hành nội bộ.

cho Bác nhân ngày sinh nhật của Người, trong thư có đoạn:

"Thưa Chủ tịch,

Tôi viết thư này để chúc Ngài một ngày sinh nhật vui vẻ. Cũng nhân dịp này, tôi muốn nói rằng, tôi sung sướng biết bao được sống dưới chế độ dân chủ đã mở mắt cho tôi mà trước đây tôi bị Chính phủ Pháp che kín.

Nhờ chính sách khoan hồng của Ngài, tôi bắt đầu nhìn thấy rõ và đã học được tất cả những gì tôi chưa bao giờ nghĩ mình có thể học trong cuộc đời.

Tôi xin cảm ơn Ngài, thưa Chủ tịch và xin cảm ơn tất cả các chiến sĩ và nhân dân Việt Nam đã đối xử rất tốt đối với tôi và không ngừng tiếp tục đối xử tốt và giáo dục chúng tôi.

Tôi xin cam đoan mãi mãi biết ơn chính sách khoan hồng, để đền lại những lỗi lầm tôi đã phải làm theo lệnh người Pháp đối với nhân dân Việt Nam.

Việt Bắc 19/5/1954

*Tù binh Benamida Mohamed tiểu đoàn 5,
trung đoàn 7, bộ binh Angiêri⁽¹⁾.*

Sức mạnh đại nghĩa của dân tộc Việt Nam và tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh thể hiện trong công tác binh, địch vận có ý nghĩa và tác dụng cực kỳ to lớn. Nó là một cách đánh thắng địch trong chiến tranh chống

(1) 50 năm binh địch vận - thông tin công tác dân vận số đặc biệt 16 - 17 tháng 8/1996 - Lưu hành nội bộ.

Mỹ và thể hiện rất rõ trên đất Quảng Ngãi anh hùng. Nêu cao chính nghĩa với ý chí “không có gì quý hơn độc lập tự do”, vững tin ở đường lối, chủ trương do Trung ương và Khu ủy V chỉ đạo, Tỉnh ủy Quảng Ngãi luôn chăm lo chỉ đạo công tác binh vận, tập hợp quần chúng rộng rãi, phân hóa và cô lập bọn ngoan cố, hiếu chiến, gian ác, tạo nên sức mạnh tổng hợp của tỉnh qua các thời kỳ để đánh thắng kẻ địch trên quê hương góp phần vào sự nghiệp giải phóng toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

MỤC LỤC

Trang

I- Lời nói đầu 3

II- Phần thứ nhất:

Đặc điểm tình hình Quảng Ngãi khi bước vào cuộc
kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. 9

III- Phần thứ hai:

Sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với công tác binh vận
và hoạt động binh vận qua các thời kỳ.

A- Thời kỳ sau khi ký kết Hiệp định Giơnevơ đến
khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi
(20/7/1954 - 1959). 19

B- Thời kỳ chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"
của đế quốc Mỹ (1960 - 1965). 41

C- Công tác binh địch vận trong thời kỳ chống chiến
lược "Chiến tranh cục bộ" của Đế quốc Mỹ (1965-1968). 65

D- Công tác binh vận trong thời kỳ chống chiến lược
"Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ
(1969-1972). 96

E- Công tác binh vận từ sau ký kết Hiệp định Paris
đến giải phóng tỉnh Quảng Ngãi và toàn miền Nam
(27/1/1973 - 30/4/1975). 126

IV- Kết luận: 165

V- Phần thứ ba:

Những bài học kinh nghiệm. 169

189

**Thường xuyên tham gia cung cấp tư liệu,
góp ý sửa chữa nội dung:**

I- Ban tổng kết binh vận Quân khu V

II- Các đồng chí

1. PHẠM THANH BIÊN

2. LÊ TẤN TỎA

3. VÕ HẢI NINH

4. VÕ TRỌNG NGUYỄN

5. NGUYỄN NGHĨA

6. HUỖNH THỊ NGỌC SƯƠNG

Và nhiều đồng chí lãnh đạo công tác binh vận khu, tỉnh, các huyện trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ.

• Chịu trách nhiệm xuất bản:
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

• Chỉ đạo biên soạn:
PHẠM SY
Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

• Biên soạn:
HOÀNG TRƯỞNG (Chủ biên)
TẠ THANH

Trình bày sách và sửa bản in:
TẠ THANH - TẤN HÙNG

Sắp chữ điện tử và in tại Xí nghiệp in Quảng Ngãi
Số lượng 300 cuốn - Khổ 13 x 19cm
Giấy phép xuất bản số: 15 /XBNT-VHTT do Sở VHTT Quảng Ngãi
cấp ngày 12 tháng 4 năm 1999
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 1999

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000117